VINH HOAN

INNOVATION

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



"KHÔNG PHẢI INTERNET, NUÔI TRỒNG ĐEM LẠI CƠ HỘI ĐẦU TƯ TRIỂN VỌNG NHẤT TRONG THẾ KỶ 21."

Peter Drucker,
Nhà Kinh tế học đạt giải Nobel Kinh tế

DANH MỤC
CÁC CHỮ VIẾT TẮT/RÚT GỌN

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

HĐQT: Hội đồng quản trị

BGĐ: Ban Giám đốc

BKS: Ban Kiểm soát

CTCP: Công ty Cổ phần

CP: Cổ phần

Công ty hoặc Tập đoàn hoặc Vĩnh Hoàn: được hiểu chung là Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn nếu không đề cập một tên tổ chức khác

TNHH: Trách nhiệm hữu hạn

MTV: Một thành viên

VNĐ: Đồng Việt Nam

USD: Đô la Mỹ

UBND: Uỷ ban Nhân dân

CHXHCN: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

HOSE: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

VASEP: Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam

CBCNV: Cán bộ công nhân viên

MỤC LỤC

01. THÔNG TIN CHUNG

1.1 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị 02
1.2 Giới thiệu Công ty 05
1.3 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 20
1.4 Định hướng phát triển 49

02. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

2.1 Báo cáo của Hội đồng quản trị 57
2.2 Báo cáo của Ban Giám đốc 66
2.3 Tình hình tài chính 82
2.4 Tình hình đầu tư - tình hình thực hiện các dự án 96
2.5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 102
2.6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty 105

03. QUẢN TRỊ CÔNG TY

3.1 Hội đồng quản trị 120
3.2 Ban Kiểm soát 122
3.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát 124

04. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018

..... 127



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Tên tiếng Anh:
VINH HOAN CORPORATION

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
1400112623

Vốn điều lệ:
924.039.430.000 đồng

Địa chỉ:
Quốc lộ 30, Phường 11, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại:
+84 277 389 1166

Fax:
+84 277 389 1062

Website:
www.vinhhoan.com

Mã cổ phiếu:
VHC

01

THÔNG TIN CHUNG

1.1 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
1.2 Giới thiệu Công ty
1.3 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
1.4 Định hướng phát triển

1.1

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa quý vị cổ đông,

Năm 2018 là một năm thành công vượt bậc của ngành xuất khẩu cá tra khi đạt mức kim ngạch 2,26 tỷ USD, tăng 26,5% so với năm 2017. Song song đó, chúng ta cũng chào đón năm đầu tiên lợi nhuận sau thuế của Vĩnh Hoàn vượt xa mốc ngàn tỷ đồng (1.442 tỷ đồng). Tôi hân hoan chia sẻ niềm vui này và thay mặt tập thể Vĩnh Hoàn, tôi chân thành cảm ơn quý vị cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng Công ty.

Cải tiến và không ngừng khác biệt để phát triển là giá trị cốt lõi của Vĩnh Hoàn. Trong lúc đạt được kết quả vượt mong đợi trong năm 2018, chúng tôi vẫn luôn dành sự ưu tiên đầu tư cho tương lai bền vững lâu dài, đặc biệt là cải thiện khâu nuôi và hoàn thiện hệ thống quản lý sản xuất.

Đầu năm 2019, Vĩnh Hoàn khởi động dự án sản xuất giống cá tra công nghệ cao tại cồn Vĩnh Hòa, An Giang. Chúng tôi hướng đến giải quyết thách thức của ngành cá tra ở khâu yếu nhất - con giống, nhằm quyết tâm cải tiến và áp dụng công nghệ trong khâu nuôi. Chúng tôi không ngừng học hỏi các thành tựu nuôi trồng, chế biến trong và ngoài nước, với các loài thủy sản khác nhau để ứng dụng một cách có tiếp thu, chọn lọc, nhanh chóng nhưng cẩn trọng để ứng dụng trong chuỗi sản xuất cá tra của Vĩnh Hoàn.

Cuối năm 2018, chúng tôi thành lập Công ty Vĩnh Phước tại huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp, và đã đầu tư để Vĩnh Phước mua lại nhà máy chế biến cá trên diện tích 17 hecta, và mở rộng thêm 70 hecta vùng nuôi. Đây là vị trí thuận lợi về giao thông, nguồn lực lao động và là vùng trọng điểm nguyên liệu, giúp giảm chi phí vận chuyển. Mặt khác, Vĩnh Phước cùng các nhà máy khác của Vĩnh Hoàn nằm cùng trục giao thông có thể phủ kín được nguồn nguyên liệu từ thượng nguồn đến hạ nguồn, kết nối giữa sông Tiền và sông Hậu của đồng bằng sông Cửu Long, là điều kiện thuận lợi để Vĩnh Hoàn có thể đầu tư tăng năng suất và mở rộng thêm các ngành hàng liên quan khác.

Toàn bộ nhà máy trong hệ thống Vĩnh Hoàn, dù mới hay cũ đều được bảo trì thường xuyên, nâng cấp máy móc, thiết bị, và liên tục cải tiến dây chuyền sản xuất để tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực, vật lực và tối ưu hiệu quả sản xuất.

Trên tinh thần cải tiến và không ngừng khác biệt để phát triển, chúng tôi khuyến khích sự đóng góp cải tiến bắt nguồn từ các hoạt động hàng ngày của từng nhân viên Vĩnh Hoàn để toàn tập thể cùng tham gia vào xây dựng một Vĩnh Hoàn chấp nhận đổi mới và liên tục đổi mới để ngày càng hoàn thiện. Chúng tôi không ngại bước ra khỏi vùng an toàn của mình, luôn tỉnh thức trước một thế giới đổi thay để cải tiến và khác biệt liên tục trong từng công đoạn của chuỗi sản xuất.

Trong năm 2019 và những năm tiếp theo, Vĩnh Hoàn cam kết tiếp tục không ngừng cải tiến, góp phần thay đổi tư duy của ngành để đưa thương hiệu cá tra Việt Nam cũng như cá tra Vĩnh Hoàn - một sản phẩm ngon và chất lượng - thành thương hiệu được người tiêu dùng dành nhiều tình cảm thông qua câu chuyện về lịch sử ngành cá tra, ngành hàng đã kết tinh biết bao trí tuệ khoa học trên thế giới và tinh thần cầu tiến cần cù của con người Việt Nam để không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm theo yêu cầu thị trường hướng đến sức khỏe, bổ dưỡng, và tiện dụng.

Con người Vĩnh Hoàn cam kết không ngừng lắng nghe, học hỏi, chuyên nghiệp, tận tâm để các nhà phân phối, các siêu thị và nhà hàng an tâm lựa chọn Vĩnh Hoàn là đối tác đáng tin cậy cùng đồng hành.

Thay mặt toàn thể tập thể Vĩnh Hoàn, tôi xin tri ân sự đồng hành của quý cổ đông và nhà đầu tư trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty. Nhờ đó, Vĩnh Hoàn mới có nền tảng vững chắc để thực hiện những cột mốc mới trong chặng đường phát triển bền vững của Công ty.

Trân trọng,

Chủ tịch Hội đồng quản trị



TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

SỰ CẢI TIẾN CHÍNH LÀ TƯƠNG LAI CỦA NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

62%

lượng thủy sản cung cấp cho thế giới sẽ đến từ nuôi trồng vào năm 2030



1.2

GIỚI THIỆU CÔNG TY

1.2.1 TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

SỨ MỆNH

Khẳng định vị thế và phát triển tiềm năng của nuôi trồng thủy sản bền vững trên thế giới thông qua cải tiến liên tục, bảo vệ môi trường và cải thiện hiệu quả trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

TẦM NHÌN

Trở thành công ty dẫn đầu về sản phẩm thủy sản nuôi trồng bền vững, góp phần xây dựng một thế giới thực phẩm an toàn, ngon, tốt cho sức khỏe và bảo vệ môi trường.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI
Thể hiện ở 5C

* **C**am kết: nói đúng và hành động đúng
* **C**ải tiến: không ngừng khác biệt để phát triển
* **C**ống hiến: làm việc bằng cả tấm lòng, không vì lợi ích cá nhân
* **C**hia sẻ: sẵn lòng cho đi cũng là hạnh phúc nhận về
* **C**huyên nghiệp: tuân thủ và tốc độ trong mọi hành động

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Đáp ứng hơn sự mong đợi của khách hàng, trung thực trong kinh doanh và tuân thủ luật pháp.

1.2.2 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Vĩnh Hoàn được thành lập năm 1997 tại tỉnh Đồng Tháp thuộc đồng bằng sông Cửu Long, chuyên nuôi trồng và chế biến các sản phẩm cá tra đông lạnh. Hiện nay, Vĩnh Hoàn đã vươn lên dẫn đầu ngành cá tra về nuôi trồng, sản xuất, và xuất khẩu. Để đạt được vị thế đó, Công ty đã trải qua hành trình hơn 20 năm hình thành và phát triển với nhiều mốc son đáng nhớ:

1997 Bà Trương Thị Lệ Khanh sáng lập Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Hoàn.

1998 Chuyển đổi mô hình doanh nghiệp sang Công ty TNHH Vĩnh Hoàn.

1999 Xí nghiệp chế biến thủy sản đầu tiên tại Thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đi vào hoạt động.

2000 Được cấp mã số xuất khẩu sang thị trường Châu Âu (DL.147).

2005 Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2000, ISO 14001:2004, BRC: 2005, và IFS phiên bản 4.

2007
- Thành lập Công ty Vĩnh Hoàn (USA) Inc. tại California, Mỹ;
- Thành lập Công ty Cổ phần Thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1;
- Xí nghiệp chế biến thủy sản thứ hai (DL.61) đi vào hoạt động;
- Chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

2008 Xí nghiệp chế biến thủy sản thứ ba (DL.500) đi vào hoạt động.

2009

- Nhận chứng chỉ AquaGap về nuôi cá tra;
- Phòng kiểm nghiệm của Công ty đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

2010

- Vượt lên đứng đầu ngành cá tra Việt Nam về kim ngạch xuất khẩu theo thống kê của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam ("VASEP");
- Đạt chứng nhận GLOBALG.A.P. về nuôi cá tra;
- Đạt tiêu chuẩn ISO 22000 cho hệ thống quản lý chất lượng.

2011

- Nhận Huân chương Lao động hạng ba cho tập thể Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn và bà Trương Thị Lệ Khanh - Tổng Giám đốc theo Quyết định số 150/QĐ-CTN ngày 28/01/2011 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam;
- Nhận giải thưởng Best Retail Product trong cuộc thi Seafood Prix d'Elite 2011 tại hội chợ European Seafood Exhibition tại Brussel, Bỉ;
- Đạt chứng nhận BAP (Best Aquaculture Practice) với cấp độ "2 sao" cho nhà máy chế biến và vùng nuôi.

2012

- Nhận Huân chương Lao động hạng nhì cho tập thể Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn theo Quyết định số 1261/QĐ-CTN ngày 21/08/2012 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam;
- Vĩnh Hoàn là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên nhận chứng nhận nuôi bền vững ASC (Aquaculture Stewardship Council) cho trại nuôi cá tra.

2013

- Đạt chứng nhận GLOBALG.A.P. cho vùng nuôi cá chẽm;
- Khởi công xây dựng nhà máy sản xuất collagen và gelatin với công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm.

2014

- Vĩnh Hoàn là công ty thủy sản duy nhất lọt vào Tốp 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam của tạp chí Forbes (Việt Nam);
- Lọt vào Tốp 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn;
- Thoái vốn khỏi mảng kinh doanh thức ăn viên thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 và mua lại 99,06% Cổ phần Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang.

2015

- Nhà máy Collagen và Gelatin đi vào hoạt động từ tháng 03/2015 và nhanh chóng đạt các tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001, GMP-WHO và Halal;
- Vĩnh Hoàn là doanh nghiệp đầu tiên trên thế giới đạt chứng nhận BAP (Best Aquaculture Practice) với cấp độ "4 sao" cho trại giống, thức ăn, nuôi trồng và chế biến cá tra;
- Được công nhận doanh nghiệp ưu tiên trong lĩnh vực hải quan theo Quyết định số 2669/QĐ-TCHQ ngày 14/09/2015 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan;
- Tháng 06/2015, Vĩnh Hoàn tiếp tục nằm trong Tốp 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam của tạp chí Forbes (Việt Nam);
- Lọt vào Tốp 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn.

2016

- Nâng giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài lên 100% giúp Công ty tăng khả năng thu hút nhà đầu tư chiến lược trong tương lai;
- Vĩnh Hoàn tiếp tục được vinh danh trong Tốp 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam của tạp chí Forbes (Việt Nam);
- Dây chuyền sản phẩm ăn liền đầu tiên - cá nướng kabayaki đi vào hoạt động tại Vạn Đức Tiền Giang;
- Bổ nhiệm Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm làm Tổng Giám đốc, thay cho bà Trương Thị Lệ Khanh;
- Nhận chứng nhận nuôi bền vững ASC (Aquaculture Stewardship Council) và chứng nhận BAP (Best Aquaculture Practice) cho vùng nuôi cá rô phi;
- Nhận Huân chương Lao động hạng nhất cho tập thể Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn theo quyết định số 2248/QĐ-CTN ngày 20/09/2016 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam;
- Bà Trương Thị Lệ Khanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị nhận Huân chương Lao động hạng nhì theo Quyết định số 2262/QĐ-CTN ngày 25/10/2016 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam;
- Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm – Tổng Giám đốc và ông Huỳnh Đức Trung – Giám đốc dự án nhận Huân chương Lao động hạng ba theo Quyết định số 2053/QĐ-CTN ngày 20/09/2016 và Quyết định số 166/QĐ-CTN ngày 18/01/2016 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam.

2017

- Mua lại 100% cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy sản Thanh Bình Đồng Tháp, một bước đi quan trọng trong chiến lược gia tăng năng lực sản xuất của Công ty;
- Chủ tịch HĐQT – Bà Trương Thị Lệ Khanh được tạp chí Forbes (Việt Nam) vinh danh trong danh sách 50 Phụ nữ có ảnh hưởng nhất Việt Nam năm 2017;
- Lần thứ 4, Vĩnh Hoàn được tạp chí Forbes (Việt Nam) vinh danh trong Tốp 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2017;
- Tiếp tục lọt vào Tốp Danh sách 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2016 của Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư;
- Vĩnh Hoàn được VASEP vinh danh trong tốp 35 "Doanh nghiệp thủy sản tiêu biểu trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực (2011-2016)";
- Chủ tịch HĐQT – Bà Trương Thị Lệ Khanh - được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban Cá nước ngọt của VASEP;
- Vĩnh Hoàn được vinh danh tại Lễ tuyên dương điển hình liên kết sản xuất nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức.

2018

- Bộ Thương mại Hoa Kỳ công bố kết quả cuối cùng của kỳ xem xét hành chính thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm fillet cá đông lạnh từ Việt Nam lần thứ 13, trong đó Vĩnh Hoàn tiếp tục được hưởng mức thuế chống bán giá bằng 0;
- Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) công bố dự thảo về việc công nhận tương đồng cho cá tra nhập khẩu từ Việt Nam;
- Sản phẩm cơm nắm Onigiri Rice Ball lọt vào vòng chung kết của cuộc thi Seafood Excellence Global Awards tại Seafood Expo Global 2018, Brussels;
- Hoàn tất thương vụ bán tài sản tại Công ty con – Công ty TNHH Thực phẩm Vĩnh Hoàn 2;
- Góp 100% vốn (300 tỷ đồng) thành lập Công ty TNHH Thực phẩm Vĩnh Phước với công suất chế biến fillet đạt 150 tấn cá nguyên liệu/ngày;
- Ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với Pharmaq nhằm triển khai tiêm vắc-xin ALPHA JECT Panga 2 cho cá tra trên diện rộng;
- Chủ tịch HĐQT – Bà Trương Thị Lệ Khanh – tham dự Hội nghị CEO thực phẩm tươi sống toàn cầu (F20) quy tụ 20 nhà cung cấp thực phẩm tươi sống lớn nhất cho Alibaba – nền tảng thương mại điện tử lớn nhất thế giới;
- Lần thứ 5 liên tiếp được vinh danh trong Tốp 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam của Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư;
- Vĩnh Hoàn được Bộ Công thương vinh danh trong danh sách "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2017";
- Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng danh hiệu "Doanh nghiệp vì Nhà nông" và giải thưởng "Bông lúa vàng";
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chi nhánh Cần Thơ vinh danh Vĩnh Hoàn là "Doanh nghiệp phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)" và "Doanh nghiệp tiêu biểu ĐBSCL năm 2018". Bà Trương Thị Lệ Khanh - Chủ tịch HĐQT Vĩnh Hoàn – cũng đồng thời được vinh danh là "Doanh nhân vì cộng đồng ĐBSCL" và "Doanh nhân tiêu biểu ĐBSCL năm 2018";
- Vĩnh Hoàn được VASEP vinh danh trong Tốp 15 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản xuất sắc năm 2018.

1.2.3 CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán nông sản nguyên liệu và sơ chế, mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản;
- Mua bán thủy hải sản, mua bán nông sản thực phẩm, súc sản phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản;
- Mua bán hóa chất phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản;
- Sản xuất bột cá;
- Sản xuất dầu mỡ, động thực vật;
- Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen thủy phân;
- Xuất nhập khẩu gelatin, collagen thủy phân, hóa dược phẩm; nhập khẩu hóa chất, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất gelatin, collagen thủy phân, hóa dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

1.2.4 DANH MỤC SẢN PHẨM

NGƯỜI TIÊU DÙNG, CÙNG VỚI CÁC XU HƯỚNG ẨM THỰC KHÔNG NGỪNG BIẾN ĐỔI, LÀ ĐỘNG LỰC VÀ NGUỒN CẢM HỨNG VÔ TẬN ĐỂ VĨNH HOÀN SÁNG TẠO CÁC SẢN PHẨM MỚI

Người tiêu dùng, cùng với các xu hướng ẩm thực không ngừng biến đổi, là động lực và nguồn cảm hứng vô tận để các công ty chế biến thực phẩm như Vĩnh Hoàn làm phong phú thêm danh mục sản phẩm, gia tăng sự thu hút với người tiêu dùng vốn có nhiều lựa chọn.

Chúng tôi thấu hiểu rằng người tiêu dùng hiện đại không có nhiều thời gian chế biến thức ăn, nhưng lại ưa thích trải nghiệm các sản phẩm ngon, độc đáo, bổ dưỡng, tiện lợi. Ngoài ra, xu hướng lựa chọn và trả một mức giá cao hơn cho các sản phẩm tự nhiên, hữu cơ, ghi nhãn rõ ràng với các thành phần có thể nhận biết, có tác động tối thiểu đến môi trường cũng đang dần phổ biến ở thị trường các quốc gia phát triển và đang phát triển.

Vì vậy, Vĩnh Hoàn không ngừng sáng tạo các dòng sản phẩm thủy sản ngon, bổ dưỡng với thời gian chế biến nhanh, tiện lợi, giúp người tiêu dùng có những trải nghiệm ẩm thực đáng nhớ mà vẫn có thời gian tận hưởng bản thân và các khoảnh khắc bên người thân, bạn bè.

Bên cạnh đó, Công ty không ngừng nỗ lực là nhà cung cấp thủy sản có chất lượng cao được nuôi trồng bền vững. Chúng tôi đặt mối quan tâm hàng đầu vào chuỗi nuôi trồng và sản xuất chế biến có trách nhiệm với các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về ao nuôi, quy trình nuôi dưỡng chăm sóc cá và truy xuất nguồn gốc minh bạch theo các tiêu chuẩn BAP 4*, ASC từ khâu con giống, thức ăn, cá nguyên liệu đến khâu chế biến. Có thể nói, cá tra là loài thủy sản nuôi được kiểm soát chất lượng gắt gao nhất trên thế giới, nhằm trao đến tay người tiêu dùng sản phẩm tự nhiên, bổ dưỡng, an toàn, có khả năng truy xuất nguồn gốc, đồng thời tối thiểu hóa các tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng xã hội quanh vùng nuôi và nhà máy sản xuất.

Mối liên hệ mật thiết giữa quá trình nghiên cứu phát triển sản phẩm với tìm hiểu nhu cầu của người tiêu dùng đã giúp các dòng sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng dễ dàng đón nhận và đề cao. Vĩnh Hoàn đã đạt giải "Sản phẩm bán lẻ tốt nhất" và giải "Sản phẩm Dinh dưỡng và sức khỏe" cho hai sản phẩm Provocake (2011- Winner of The Seafood Best Retail Product) và Seafood Harmony (2009- Winner of the Seafood Prix D'elite Health and Nutrition) tại Seafood Expo Global, Bỉ. Năm 2018, sản phẩm cơm nắm nhân cá tra nướng – Onigiri – đã được chọn vào vòng Finalist tại Seafood Expo Global, Bỉ. Sản phẩm Fish Bites cũng được chuỗi siêu thị Woolworths trao giải "Sáng tạo của năm".

Danh mục sản phẩm năm 2018 của Vĩnh Hoàn gồm 3 nhóm sản phẩm chính: thực phẩm, thực phẩm chức năng, và phụ phẩm. Cụ thể:

- Nhóm thực phẩm: gồm cá fillet, sản phẩm giá trị gia tăng
- Nhóm thực phẩm chức năng: gồm Collagen và Gelatin
- Nhóm phụ phẩm: gồm các sản phẩm tạo ra từ việc tận dụng nguyên liệu còn lại của quá trình chế biến cá fillet

Các sản phẩm cá fillet

Sản phẩm chính và truyền thống của Vĩnh Hoàn là cá tra fillet được nuôi theo tiêu chuẩn bền vững, bảo vệ môi trường và chế biến với tiêu chuẩn quốc tế về an toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Cá tra đã trở thành loài cá thịt trắng được tiêu dùng phổ biến trên thế giới nhờ vào một số đặc tính như sau:

- Phù hợp với nuôi trồng và dễ chế biến:
  - Loài cá bản địa của dòng sông Mekong
  - Sinh sản dễ dàng
  - Khả năng chống chọi dịch bệnh cao
  - Hệ số chuyển đổi thức ăn thấp, có thể nuôi bền vững
  - Dễ fillet sạch xương
- Tính thương mại hóa cao:
  - Thịt trắng, kết cấu đàn hồi tự nhiên, vị trung tính, phù hợp với các người dùng mọi độ tuổi
  - Dễ chế biến, phù hợp với tất cả các nền ẩm thực
  - Giá cả cạnh tranh so với các loài cá khác



Các sản phẩm giá trị gia tăng "READY-TO-COOK"

Sản phẩm tẩm bột định hình
Sản phẩm tẩm bột "hand-made"
Sản phẩm tẩm gia vị
Sản phẩm xiên que



Các sản phẩm giá trị gia tăng "READY-TO-EAT"

Sản phẩm cá nướng - Kabayaki
Cơm nắm nhân cá nướng - Onigiri
Snack ăn liền



Collagen và Gelatin

Vĩnh Hoàn là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam đã ứng dụng công nghệ cao và nghiên cứu và phát triển thành công sản phẩm Collagen và Gelatin từ da cá tra, nhằm tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn da cá từ quá trình chế biến fillet. Collagen được sử dụng ngày càng phổ biến trong ngành thực phẩm bổ sung, và mỹ phẩm. Gelatin là nguyên liệu cần thiết trong ngành dược và sản xuất bánh kẹo. Sản phẩm Collagen và Gelatin do Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Collagen sản xuất có độ tinh khiết cao, khả năng hòa tan và độ thẩm thấu tốt, độ tương thích cao với collagen tự nhiên của cơ thể, dễ dàng hấp thụ bởi cơ thể, đồng nhất về nguồn gốc, đã đạt được các chứng nhận uy tín như ASC, GMP-WHO, HACCP, HALAL, ISO 9001, ISO 14000, đã trở thành nguồn nguyên liệu được nhiều nhà sản xuất lớn trên thế giới chọn lựa.

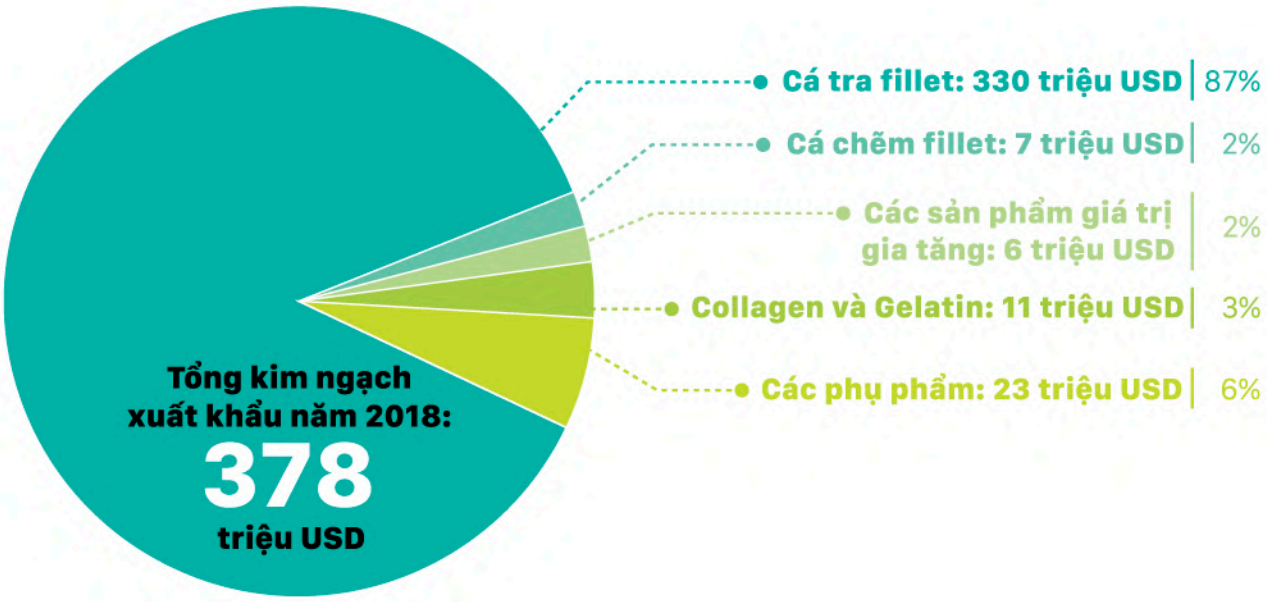


Các phụ phẩm

Tận dụng các nguyên liệu còn lại từ quá trình chế biến fillet, Vĩnh Hoàn tiếp tục tối ưu hóa giá trị thu hồi thông qua quá trình chế biến bột cá, mỡ cá và các sản phẩm phụ phẩm. Bột cá, mỡ cá được sử dụng phổ biến để chế biến thức ăn gia súc, mỡ cá cao cấp cũng có dùng để chế biến thực phẩm cho người. Vi cá, bong bóng cá được sử dụng phổ biến trong ẩm thực Châu Á.



CƠ CẤU SẢN PHẨM XUẤT KHẨU NĂM 2018





1.2.5 ĐỊA BÀN KINH DOANH NĂM 2018

Hệ thống các nhà máy sản xuất và các công ty con tiếp tục được cơ cấu nhằm tối ưu công suất, năng suất sản xuất, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng dài hạn.

Trong nước:

- Trụ sở chính tại Thành phố Cao Lãnh – Tỉnh Đồng Tháp với 3 nhà máy sản xuất cá tra và hàng giá trị gia tăng;
- Nhà máy chế biến bột cá và mỡ cá tại Huyện Thanh Bình – Tỉnh Đồng Tháp;
- Công ty con, Vĩnh Hoàn Collagen tại Thành phố Cao Lãnh – Tỉnh Đồng Tháp sản xuất Collagen và Gelatin;
- Công ty con, Thanh Bình Đồng Tháp với 2 nhà máy sản xuất cá tra – tại Huyện Thanh Bình – Tỉnh Đồng Tháp;
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh phụ trách bán hàng và quan hệ nhà đầu tư;
- Các vùng nuôi cá tập trung chủ yếu ở Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang, và Bến Tre. Năm 2018, Công ty đã hoàn tất các thủ tục đất, tiến hành xây dựng và bắt đầu khai thác theo tiến độ ở vùng nuôi chiến lược trên diện tích 219 ha tại huyện Tân Hưng, Long An;
- Công ty con, Vĩnh Hoàn 2 với nhà máy sản xuất gạo tại Huyện Lấp Vò – Tỉnh Đồng Tháp. Tháng 10/2018, Công ty đã hoàn tất thương vụ bán lại tài sản của Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2 cho đối tác nước ngoài. Đầu năm 2019, Công ty cũng đã hoàn tất thủ tục giải thể Vĩnh Hoàn 2;
- Tháng 09/2018, Công ty con, Vĩnh Phước được thành lập để mua lại nhà máy sản xuất cá tra tại Huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp và vùng nuôi tại Bến Tre;
- Công ty liên kết, Vạn Đức Tiền Giang với 2 nhà máy sản xuất cá tra, 1 nhà máy chế biến sản phẩm giá trị gia tăng và 2 nhà máy bột mỡ cá tại Huyện Châu Thành – Tỉnh Tiền Giang.

Nước ngoài:

- Octogone Holdings Pte. Ltd. tại Singapore là công ty liên kết của Vĩnh Hoàn với hoạt động chính là mở rộng bán hàng sang khu vực Châu Á.

1.2.6 VỊ THẾ CỦA CÔNG TY

Năm 2018, Vĩnh Hoàn tiếp tục duy trì vị thế đầu ngành cá tra Việt Nam, với thị phần của toàn tập đoàn đạt 15% vào cuối năm 2018. Với kết quả này, Vĩnh Hoàn cũng là doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam đứng thứ hai về doanh thu.

Tốp 5 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn nhất thể hiện mức tăng trưởng thị phần cao qua hai năm, từ 35% lên 40%. Các doanh nghiệp thuộc Tốp này đều có doanh thu tăng trưởng ở mức hai con số. Tuy nhiên, vị thế các công ty trong Tốp 5 lại có sự biến động lớn. Ví dụ, Hùng Vương (HOSE: HVG) từ vị trí thứ 2 năm 2017 đã ra khỏi tốp 10 năm 2018 với thị phần giảm mạnh từ 7% xuống còn 2%, thay thế vị trí này là Biển Đông với mức tăng trưởng mạnh từ 6% lên 10%. Một công ty khác cũng lọt vào Tốp 5 năm 2018 là Trường Giang, với thị phần tăng từ 3% lên 4%.

Tốp 5 các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam (2010-2018)

Đơn vị tính: triệu USD
Nguồn: VASEP

2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
VĨNH HOÀN 126,4	**VĨNH HOÀN 150,7**	**VĨNH HOÀN 154,9**	**VĨNH HOÀN 166,2**	**VĨNH HOÀN 207,4**	**VĨNH HOÀN 227,6**	**VĨNH HOÀN 251,2**	**VĨNH HOÀN 270,3**	**VĨNH HOÀN 345,1**
HÙNG VƯƠNG 100,9	HÙNG VƯƠNG 123,5	HÙNG VƯƠNG 111,9	AGIFISH 112,6	HÙNG VƯƠNG 139,7	BIỂN ĐÔNG 116,7	BIỂN ĐÔNG 134,0	HÙNG VƯƠNG 120,6	BIỂN ĐÔNG 218,1
VIỆT AN 61,7	AGIFISH 84,0	AGIFISH 91,9	HÙNG VƯƠNG 105,5	NAM VIỆT 109,8	HÙNG VƯƠNG 95,7	HÙNG VƯƠNG 102,2	BIỂN ĐÔNG 114,2	NAM VIỆT 134,1
AGIFISH 58,8	VIỆT AN 83,0	VIỆT AN 82,8	NAM VIỆT 86,7	AGIFISH 84,6	NAM VIỆT 93,1	GOLDEN QUALITY 100,7	I.D.I 96,7	I.D.I 126,6
NAM VIỆT 58,2	NAM VIỆT 53,7	I.D.I 58,3	I.D.I 79,7	BIỂN ĐÔNG 76	I.D.I 67,5	NAM VIỆT 80,2	NAM VIỆT 85,3	TRƯỜNG GIANG 91,9
TOÀN NGÀNH 1.427	**TOÀN NGÀNH 1.856**	**TOÀN NGÀNH 1.744**	**TOÀN NGÀNH 1.720**	**TOÀN NGÀNH 1.777**	**TOÀN NGÀNH 1.565**	**TOÀN NGÀNH 1.715**	**TOÀN NGÀNH 1.788**	**TOÀN NGÀNH 2.261**

1.2.7 THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CÁ TRA CỦA VĨNH HOÀN

Cơ cấu thị trường xuất khẩu của Vĩnh Hoàn không có sự biến động lớn, với Mỹ, Trung Quốc, Anh, Canada tiếp tục là bốn thị trường có doanh số lớn nhất. Tuy nhiên, có sự phân hóa về mặt tăng trưởng giữa các thị trường, gồm:

- Nhóm thị trường có mức tăng trưởng dương từ hai con số trở lên: các thị trường có giá bán hoặc nhu cầu tiêu thụ hoặc cả hai yếu tố đều tăng như: Mỹ, Trung Quốc, Bỉ, Nhật, Hà Lan, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, ... và
- Nhóm thị trường có mức tăng trưởng âm: Anh, Canada, Úc do sản lượng không đủ cung cấp vì thiếu hụt nguyên liệu.

Trong năm 2018, thiếu hụt trầm trọng về cá giống và cá nguyên liệu dẫn đến lượng hàng ít, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hoạt động bán hàng ưu tiên các thị trường và khách hàng chiến lược theo định hướng tập trung vào phân khúc cao và trung cấp với các mức giá bán phù hợp.

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CÁ TRA CỦA NGÀNH

Cơ cấu trị trường xuất khẩu của ngành cá tra Việt Nam không có nhiều thay đổi lớn, với Mỹ, Trung Quốc, Mỹ Latinh và các nước ASEAN vẫn là các thị trường chính. Tuy nhiên, trong năm 2018, thị trường Mỹ và ASEAN thể hiện sự tăng trưởng mạnh trong khi thị trường Mỹ Latinh lại trầm lắng, chủ yếu do giá nguyên liệu tăng mạnh do thiếu hụt nên các nhà máy có khuynh hướng chọn lọc lại thị trường.

THỊ PHẦN CỦA VĨNH HOÀN TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG CHÍNH

Tại Mỹ, Vĩnh Hoàn tiếp tục dẫn đầu khi chiếm 50% thị phần cá tra Việt Nam nhập khẩu vào thị trường này.

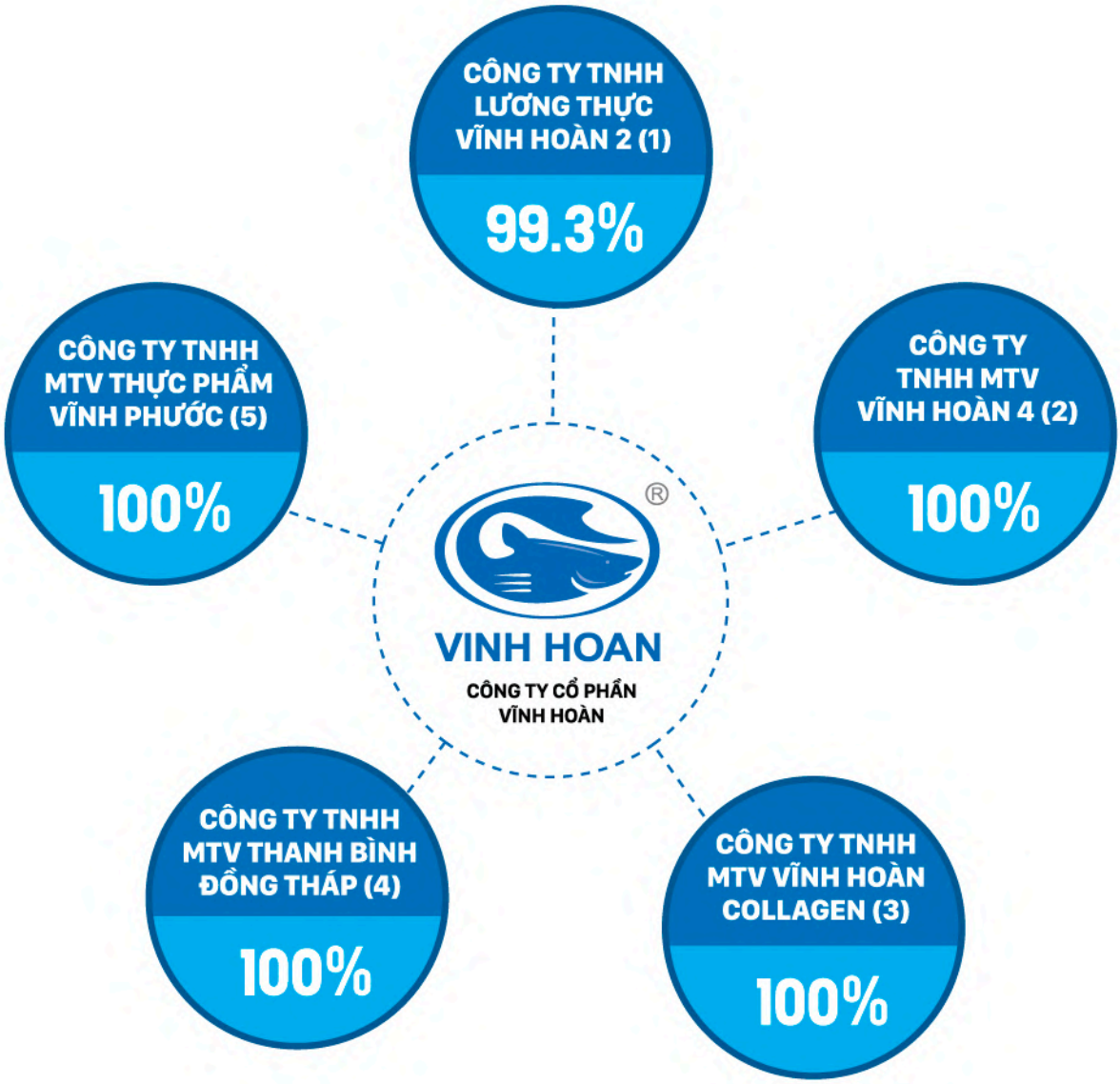
Tại Trung Quốc, Vĩnh Hoàn vẫn tiếp tục là nhà cung cấp lớn thứ 3 vào thị trường này, với thị phần tăng nhẹ từ 8% lên 9%, và tập trung chủ yếu vào phân khúc cao cấp.



1.3

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1.3.1 MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN VÀ CÁC CÔNG TY CON



(1) **Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2** được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 1401420853 ngày 27 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

- Vốn điều lệ 100.000.000.000 VNĐ trong đó Vĩnh Hoàn góp 99.300.000.000 VNĐ, tương đương 99,30%.
- Ngành nghề kinh doanh chính: xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo, mua bán, xuất nhập khẩu gạo.
- Tháng 10 năm 2018, Công ty đã hoàn tất thương vụ bán lại tài sản của Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2 cho đối tác nước ngoài. Đầu năm 2019, Công ty cũng đã hoàn tất thủ tục giải thể Vĩnh Hoàn 2.

(2) **Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn 4** được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 140171196 ngày 05 tháng 04 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

- Vốn điều lệ 50.000.000.000 VNĐ. Vĩnh Hoàn chưa thực hiện góp vốn vào công ty này.
- Ngành nghề kinh doanh chính: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- Vĩnh Hoàn 4 hiện nay chưa đầu tư xây dựng và chưa đi vào hoạt động.

(3) **Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Collagen** được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

- Vốn điều lệ 100.000.000.000 VNĐ trong đó Vĩnh Hoàn góp 100.000.000.000 VNĐ, tương đương 100%.
- Ngành nghề kinh doanh chính: chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen thủy phân.

(4) **Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp** được Vĩnh Hoàn mua lại vào đầu năm 2017.

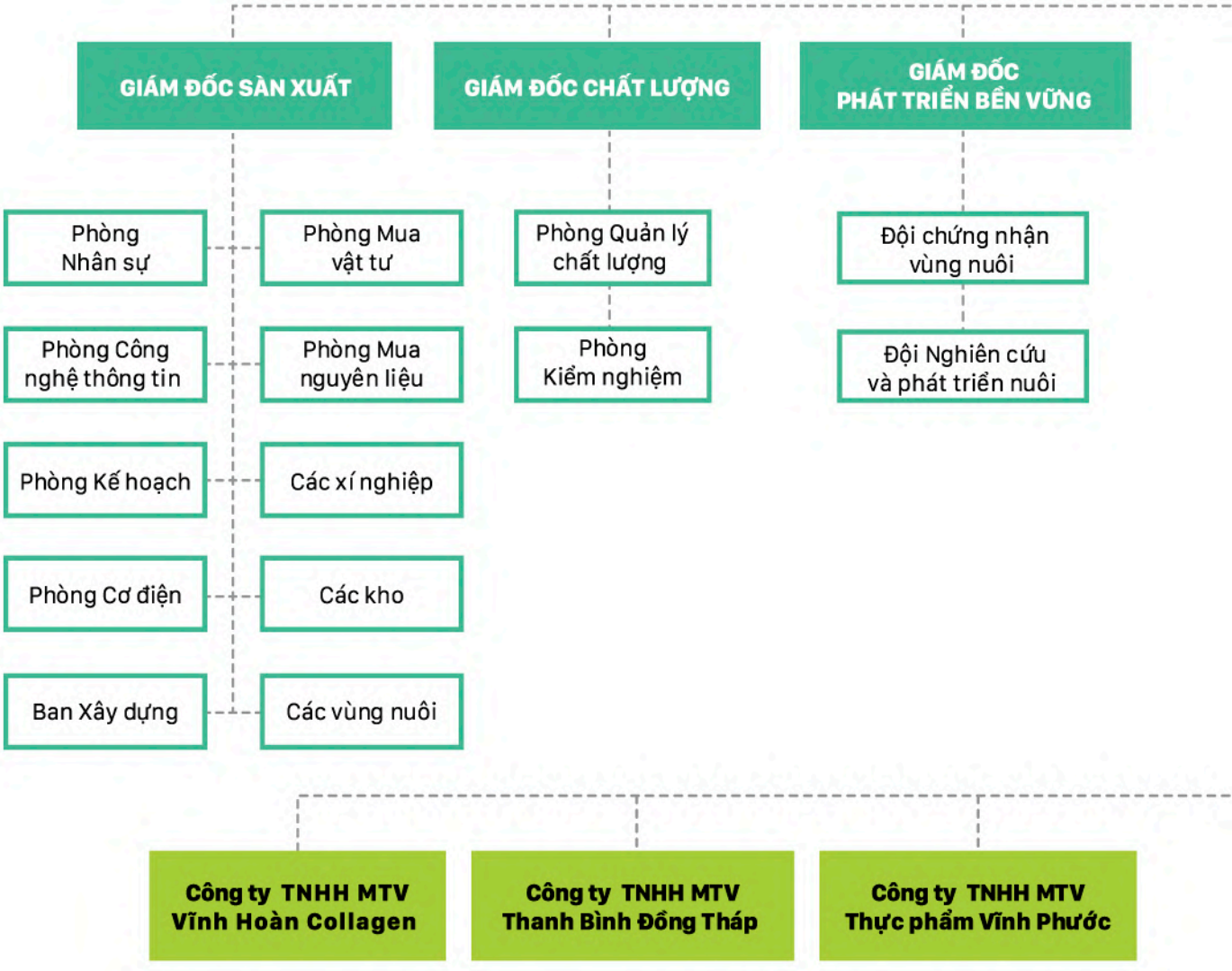
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 1402054046 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.
- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2018 là 233.143.345.033 VNĐ, Vĩnh Hoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- Ngành nghề kinh doanh chính: nuôi trồng, chế biến, bảo quản, mua bán thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

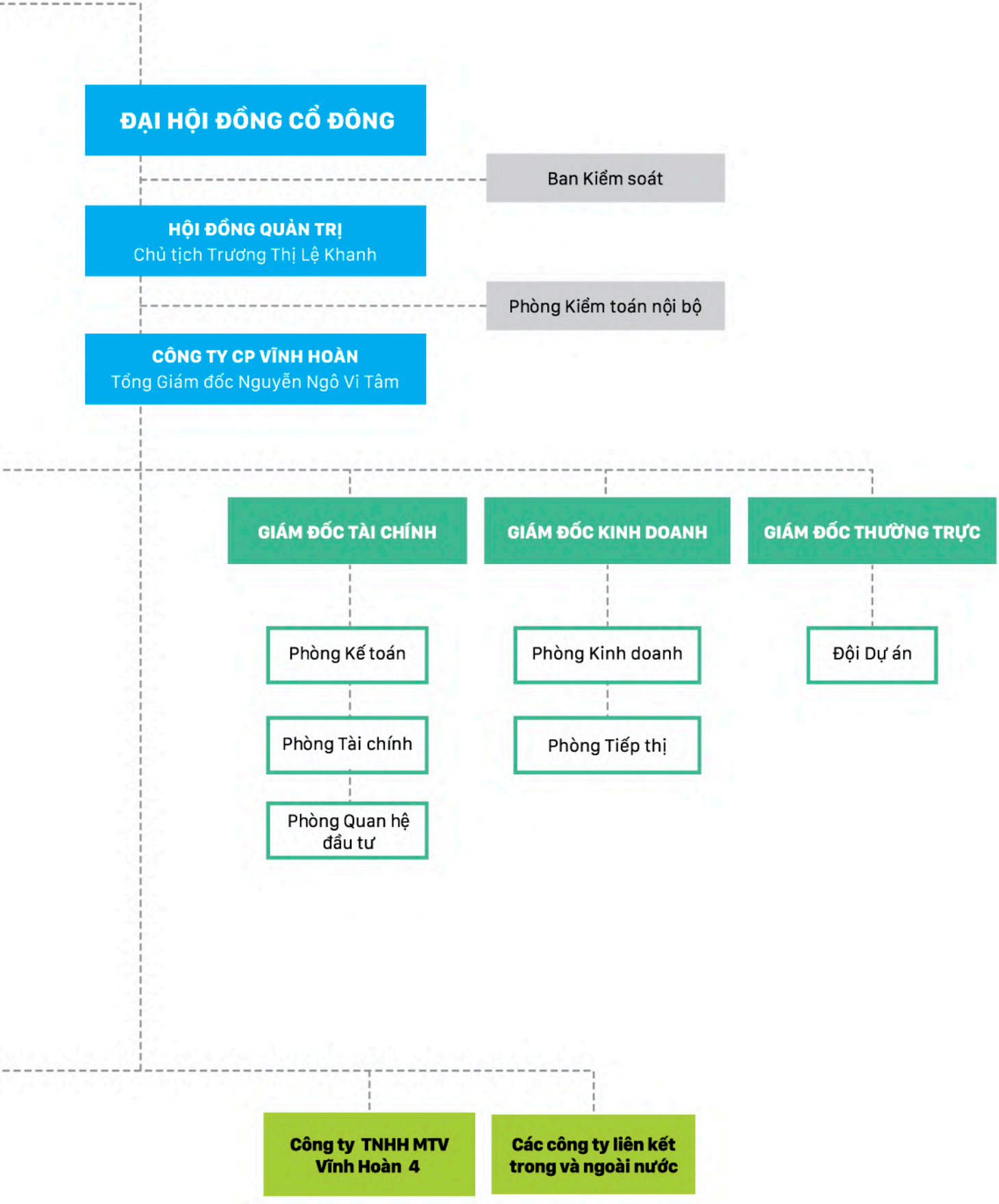
(5) **Công ty TNHH MTV thực phẩm Vĩnh Phước** được Vĩnh Hoàn thành lập vào tháng 09 năm 2018.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 1402103399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.
- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2018 là 300.000.000.000 VNĐ, Vĩnh Hoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- Ngành nghề kinh doanh chính: nuôi trồng, chế biến, bảo quản, mua bán thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

1.3.2 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

- Vĩnh Hoàn được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc gồm Tổng Giám đốc, các Giám đốc khối chức năng (khối Kinh doanh và tiếp thị, khối Tài chính, khối Sản xuất, khối Chất lượng, khối Phát triển bền vững) và các Giám đốc của các công ty con và công ty liên kết.
- Báo cáo trực tiếp cho các Giám đốc phụ trách các khối chức năng là các trưởng phòng. Các phòng được tổ chức theo chức năng hoạt động từ khâu nguyên liệu, sản xuất đến kinh doanh.
- Các công ty con có các Giám đốc phụ trách về kết quả sản xuất kinh doanh của chính công ty con đó, báo cáo trực tiếp cho Tổng Giám đốc. Đối với các công ty liên kết, chủ yếu hoạt động bán hàng thủy sản, phát triển thị trường thì phối hợp với chiến lược bán hàng chung của Công ty mẹ, chịu trách nhiệm báo cáo với Giám đốc kinh doanh về doanh số bán hàng.




ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Ban Kiểm soát
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch Trương Thị Lệ Khanh
Phòng Kiểm toán nội bộ
CÔNG TY CP VĨNH HOÀN
Tổng Giám đốc Nguyễn Ngô Vi Tâm
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
GIÁM ĐỐC KINH DOANH
GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC
Phòng Kế toán
Phòng Tài chính
Phòng Quan hệ đầu tư
Phòng Kinh doanh
Phòng Tiếp thị
Đội Dự án
Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn 4
Các công ty liên kết trong và ngoài nước

1.3.3 GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2017-2021

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã tiến hành bầu cử và phê chuẩn Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2021 như sau:

- Bà Trương Thị Lệ Khanh – Chủ tịch HĐQT
- Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm – Thành viên HĐQT
- Bà Trương Tuyết Hoa – Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Kim Đào – Thành viên HĐQT
- Ông Võ Phú Đức – Thành viên HĐQT

Thay đổi về nhân sự HĐQT trong năm 2018: Không có



THÔNG TIN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



01

BÀ TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

Chủ tịch HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **42,83%**

- Năm sinh: 1961
- Chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Bà đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT của Vĩnh Hoàn từ năm 2007

Năm 1997, bà là người sáng lập và dẫn dắt Vĩnh Hoàn phát triển từ một cơ sở chế biến nhỏ trở thành một công ty nuôi và chế biến cá tra lớn nhất thế giới hiện nay. Bà được biết đến như một doanh nhân dẫn đầu ngành cá tra Việt Nam, tiên phong trong các bước phát triển bền vững của ngành. Hiện bà đảm nhiệm vai trò Chủ tịch HĐQT, tập trung vào các hoạt động hoạch định chiến lược và hoàn thiện hệ thống quản trị công ty.

Bà Trương Thị Lệ Khanh đã được trao tặng nhiều giải thưởng cao quý và uy tín, gồm:

2018

- Doanh nhân vì cộng đồng Đồng bằng sông Cửu Long
- Doanh nhân tiêu biểu Đồng bằng sông Cửu Long năm 2018

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng

- Tốp 50 người phụ nữ có ảnh hưởng nhất Việt Nam 2018

- Tạp chí Forbes (Việt Nam) bình chọn

2017

- Huân chương lao động hạng nhì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2011-2015, góp phần vào sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ tổ quốc

- Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng

- Tốp 50 người phụ nữ có ảnh hưởng nhất Việt Nam 2017

- Forbes (Việt Nam) bình chọn

- Được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban Cá nước ngọt của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam

- Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP)

2016

- Tốp 20 người phụ nữ có ảnh hưởng nhất Việt Nam

- Forbes (Việt Nam) bình chọn



01

BÀ TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

Chủ tịch HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **42,83%**

- Năm sinh: 1961
- Chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Bà đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT của Vĩnh Hoàn từ năm 2007

2015

- Tốp 50 Nhà Lãnh Đạo xuất sắc nhất với các thành tích kinh doanh nổi bật và khả năng lãnh đạo xuất sắc

- Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn

2014

- Nữ Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu 2013- Cúp Bông hồng Vàng

- Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam trao tặng

- Tốp 50 Nhà Lãnh Đạo xuất sắc nhất với các thành tích kinh doanh nổi bật và khả năng lãnh đạo xuất sắc.

- Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn

2013

- Nữ Doanh nhân trí thức thành đạt Sài Gòn năm 2013

- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trao tặng

- Tốp 10 nữ doanh nhân thành đạt nhất Việt Nam

- Forbes (Việt Nam) bình chọn

2011

- Huân chương lao động hạng 3 đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2005-2009, góp phần vào sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ tổ quốc.

- Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng



02

BÀ NGUYỄN NGÔ VI TÂM

Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **0,12%**

- Năm sinh: 1979
- Chuyên môn: Cử nhân Luật; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 16 năm
- Bà đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của Vĩnh Hoàn từ năm 2007

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm gia nhập Vĩnh Hoàn ở vị trí nhân viên kinh doanh vào năm 2003. Bà được bổ nhiệm là Trưởng phòng Kinh doanh vào năm 2006 và Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh vào năm 2008. Chức danh này được đổi thành Giám đốc Kinh doanh và Tiếp thị vào năm 2014. Ngày 23/05/2016, bà Nguyễn Ngô Vi Tâm được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc Công ty và giữ chức vụ này cho đến hiện tại.

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm đã lãnh đạo đội ngũ kinh doanh và tiếp thị trong hơn 10 năm, đưa doanh số xuất khẩu của Công ty tăng lên hơn 5 lần trong thời gian đó. Trong quá trình phát triển nâng cao quy mô và năng lực sản xuất của Vĩnh Hoàn, bà giữ vai trò quan trọng trong việc mở rộng thị trường và quảng bá thương hiệu nhằm đảm bảo sự phát triển tương ứng của doanh số bán hàng. Bà đã xây dựng thành công lực lượng bán hàng mang tính quốc tế, có khả năng nói nhiều ngôn ngữ khác nhau và kinh nghiệm trong thị trường phân phối thủy sản thế giới. Đồng thời, bà cũng quản lý việc thành lập và hoạt động của các công ty liên kết phụ trách bán hàng tại Mỹ, Singapore, Trung Quốc và bộ phận phát triển sản phẩm. Bà Tâm còn phụ trách các công việc liên quan đến vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ, hoạt động quan hệ nhà đầu tư, đồng thời tư vấn cho HĐQT các chiến lược phát triển dài hạn và giữ vai trò chủ chốt trong quá trình tổ chức thực hiện các chiến lược đề ra.

2018

- Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng

2017

- Huân chương lao động hạng ba

- Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng



02

BÀ NGUYỄN NGÔ VI TÂM

Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **0,12%**

- Năm sinh: 1979
- Chuyên môn: Cử nhân Luật; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 16 năm
- Bà đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của Vĩnh Hoàn từ năm 2007

2016

- Tốp 40 lãnh đạo trong ngành thủy sản thế giới dưới 40 tuổi

- Intrafish bình chọn

2012

- Bằng khen về việc hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc năm 2012

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng

2011

- Bằng khen cho thành tích xuất sắc đóng góp vào phát triển Chủ nghĩa xã hội

- Thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam trao tặng

2007

- Bằng khen về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nuôi trồng và kinh doanh thủy hải sản

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng



03

BÀ TRƯƠNG TUYẾT HOA

Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **0,02%**

- Năm sinh: 1976
- Chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 22 năm
- Bà đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT từ năm 2015

Bà Trương Tuyết Hoa là một trong những nhân viên gia nhập Vĩnh Hoàn sớm nhất khi Công ty vừa thành lập. Bà vừa là nhân sự bán hàng chủ chốt đầu tiên vừa dẫn dắt đội ngũ bán hàng ngày càng phát triển trong suốt lịch sử hoạt động của Công ty. Bà Trương Tuyết Hoa bắt đầu đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kinh doanh vào năm 2009 trước khi được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Kinh doanh vào năm 2017. Bà đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập và thực hiện các kế hoạch kinh doanh để triển khai thành công các chiến lược phát triển bán hàng của Công ty, đồng thời quản lý hiệu quả các hoạt động xuất khẩu và dịch vụ sau bán hàng.

Bà đã nhận được các bằng khen sau:

2018

- Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng

2017

- Bằng khen về thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng

2012

- Bằng khen về việc hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc năm 2012

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng

2007

- Bằng khen về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nuôi trồng và kinh doanh thủy hải sản

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng



04

BÀ NGUYỄN THỊ KIM ĐÀO

Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **0,09%**

- Năm sinh: 1979
- Chuyên môn: Cử nhân Kế toán kiểm toán
- Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 16 năm
- Bà đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT từ 03/10/2016

Bà Nguyễn Thị Kim Đào đã đảm nhiệm vị trí kế toán trưởng của Vĩnh Hoàn trong 10 năm trước khi trở thành Giám đốc Tài chính vào ngày 01/01/2014. Bà thực hiện việc quản lý các quy trình kế toán và tài chính nhằm đảm bảo tính tuân thủ, chính xác và trung thực, đồng thời tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn cho Vĩnh Hoàn và các công ty con. Bà cũng giữ vai trò chủ chốt trong quá trình tham gia vào vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ ngay từ những ngày đầu. Ngoài ra, bà còn tư vấn cho HĐQT nhiều chiến lược quan trọng về tài chính và chính sách quản lý vốn, chi phí cho Công ty.

Bà đã nhận được các bằng khen sau:

2018

- Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng

2014

- Bằng khen về thành tích trong công tác đóng góp vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc

- Thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam trao tặng

2012

- Bằng khen về việc hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc năm 2012

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng

2007

- Bằng khen về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nuôi trồng và kinh doanh thủy hải sản

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng



05

ÔNG VÕ PHÚ ĐỨC

Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **1,49%**

- Năm sinh: 1976
- Chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
  Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 16 năm
- Ông đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT từ năm 2012

Ông Võ Phú Đức bắt đầu làm việc tại Vĩnh Hoàn vào năm 2003, liên tục phụ trách các dự án phát triển về năng lực sản xuất của Công ty từ chế biến fillet, đến mở rộng sang sản xuất thức ăn, gạo và collagen, gelatin. Giai đoạn 2007 đến 2013, ông Võ Phú Đức giữ chức vụ Giám đốc Công ty thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 với các thành tích đáng kể về tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận đóng góp phần không nhỏ vào sự phát triển của tập đoàn. Sau khi Vĩnh Hoàn bán lại 70% sở hữu của Vĩnh Hoàn 1 cho Pilmico Foods, ngày 01/08/2013, ông Võ Phú Đức được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Collagen, đưa nhà máy vào hoạt động đúng tiến độ, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm và xuất sắc hoàn thành các mục tiêu tài chính, đóng góp vào doanh thu và lợi nhuận của toàn Công ty. Với chuyên môn và kinh nghiệm của mình, ông tư vấn một cách tích cực cho Ban Giám đốc và HĐQT Công ty trong các chiến lược về phát triển và cải tiến công nghệ.

Ông đã nhận được các bằng khen sau:

2018

- Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng

2014

- Bằng khen về thành tích trong công tác đóng góp vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc

- Thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam trao tặng

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hai tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị được thành lập vào ngày 06/01/2017, gồm:

- Tiểu ban Mua hàng hóa, dịch vụ, và
- Tiểu ban Nhân sự - Chính sách – Lương thưởng

Chức năng – nhiệm vụ



TIỂU BAN MUA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

- Tham mưu, đề xuất, hỗ trợ hoạt động của HĐQT trong xây dựng, thực thi kế hoạch, chính sách mua hàng hóa, dịch vụ;
- Tối ưu hóa hiệu quả hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh thông qua các hoạt động:
  - Tổ chức đánh giá định kỳ nhà cung cấp;
  - Giám sát quy trình mua hàng, đảm bảo hạn chế thất thoát đến mức tối thiểu;
  - Rà soát tính hiệu quả của quy trình mua hàng hóa, dịch vụ, và đảm bảo tính kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - Rà soát, đề xuất bổ sung hoặc thay thế nhân sự mua hàng.
- Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể khác theo quyết định của HĐQT tại từng thời điểm.



TIỂU BAN NHÂN SỰ - CHÍNH SÁCH - LƯƠNG THƯỞNG

- Xây dựng chính sách tiền lương, thưởng và các lợi ích cho cán bộ, công nhân viên của Công ty;
- Xây dựng chế độ lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên hàng năm căn cứ vào quy mô hoạt động và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Định kỳ hàng năm đánh giá chính sách nhân sự, lương, thưởng; quy mô và cơ cấu lương, thưởng và lợi ích khác của bộ máy điều hành và đề xuất liên quan đến những thay đổi cần thiết để trình Đại hội đồng cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được Chủ tịch HĐQT giao phó liên quan đến chính sách lương, thưởng và các lợi ích khác cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

Cơ cấu nhân sự các tiểu ban (tại ngày 31/12/2018)

TIỂU BAN MUA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ:

STT	Họ tên	Chức vụ - Bộ phận	Chức vụ trong Tiểu ban
1	Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch HĐQT	Trưởng Tiểu ban
2	Nguyễn Ngô Vi Tâm	Tổng Giám đốc	Phó Tiểu ban
3	Nguyễn Thị Kim Đào	Giám đốc Tài chính	Thành viên
4	Hồ Thanh Huệ	Giám đốc Sản xuất	Thành viên
5	Võ Phú Đức	Giám đốc Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Collagen	Thành viên
6	Phan Thị Bích Liên	Giám đốc Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	Thành viên

Thay đổi nhân sự của Tiểu ban Mua hàng hóa, dịch vụ trong năm 2018:
Bà Huỳnh Thị Tuyết Nga không còn là thành viên Tiểu ban Mua hàng hóa, dịch vụ.

TIỂU BAN NHÂN SỰ - CHÍNH SÁCH – LƯƠNG THƯỞNG:

STT	Họ tên	Chức vụ - Bộ phận	Chức vụ trong Tiểu ban
1	Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch HĐQT	Trưởng Tiểu ban
2	Nguyễn Ngô Vi Tâm	Tổng Giám đốc	Phó Tiểu ban
3	Nguyễn Thị Kim Đào	Giám đốc Tài chính	Thành viên
4	Hồ Thanh Huệ	Giám đốc Sản xuất	Thành viên
5	Võ Phú Đức	Giám đốc Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Collagen	Thành viên
6	Hồ Thị Như Nguyệt	Trưởng Phòng Nhân sự	Thành viên

Thay đổi nhân sự của Tiểu ban Nhân sự - Chính sách – Lương thưởng trong năm 2018:
Bà Huỳnh Thị Tuyết Nga không còn là thành viên Tiểu ban Nhân sự - Chính sách - Lương thưởng.





1.3.4 GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC

Cơ cấu Ban Giám đốc gồm Tổng Giám đốc phụ trách điều hành chung và các Giám đốc phụ trách các bộ phận

Thay đổi về nhân sự Ban Giám đốc trong năm 2018: Không có



THÔNG TIN THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC



01

BÀ NGUYỄN NGÔ VI TÂM

Tổng Giám đốc

Xem thông tin tại Mục 1.3.3 Giới thiệu Hội đồng quản trị và các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.



02

BÀ TRƯƠNG TUYẾT HOA

Giám đốc Kinh doanh

Xem thông tin tại Mục 1.3.3 Giới thiệu Hội đồng quản trị và các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.



03

BÀ NGUYỄN THỊ KIM ĐÀO

Giám đốc Tài chính

Xem thông tin tại Mục 1.3.3 Giới thiệu Hội đồng quản trị và các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.



04

ÔNG VÕ PHÚ ĐỨC

Giám đốc Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Collagen

Xem thông tin tại Mục 1.3.3 Giới thiệu Hội đồng quản trị và các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.



05

BÀ HỒ THANH HUỆ

Giám đốc Sản xuất

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **0,04%**

- Năm sinh: 1982
- Chuyên môn: Kỹ sư Môi trường
- Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 15 năm

Bà Hồ Thanh Huệ gia nhập Vĩnh Hoàn với vai trò nhân viên Phòng quản lý chất lượng, sau đó từng bước được bổ nhiệm ở các vị trí quản lý sản xuất bao gồm Phó phòng vào năm 2006 và Phó Giám đốc xí nghiệp vào năm 2007. Giai đoạn 2007-2009, bà là Trợ lý Giám đốc Sản xuất trước khi trở thành Giám đốc Sản xuất Công ty vào ngày 01/03/2014. Bà phụ trách điều hành tất cả mọi hoạt động sản xuất của Công ty bao gồm các dự án xây dựng, sửa chữa nhà xưởng, lập kế hoạch, mua nguyên vật liệu và tổ chức hoạt động hàng ngày của các xưởng chế biến cá. Bà giữ vai trò quan trọng trong quá trình thực hiện chiến lược mở rộng gia tăng năng lực sản xuất của toàn Công ty trong những năm qua, đáp ứng được nhu cầu bán hàng và thỏa mãn các yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm, đồng thời ngày càng cải thiện hiệu quả sản xuất. Trong năm 2018, bà Huệ đã đại diện Vĩnh Hoàn làm chủ nhiệm đề tài "Nghiên cứu công nghệ giết cá nhân đạo đảm bảo an sinh vật nuôi, chất lượng fillet" của Dự án "Phát triển sản phẩm fillet cá tra chất lượng cao" thuộc Đề án Sản phẩm quốc gia cá da trơn do Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn triển khai.

Bà đã nhận được một số các giải thưởng và bằng khen như sau:

2018

- Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng

2014

- Bằng khen về việc hoàn thành xuất sắc trong công tác năm 2014

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng

2012

- Bằng khen về việc hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc năm 2012

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng



06

BÀ LÊ THỊ DIỆU THI

Giám đốc Chất lượng

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **0,01%**

- Năm sinh: 1975
- Chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Thực phẩm; Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 19 năm

Bà Lê Thị Diệu Thi gia nhập Vĩnh Hoàn từ năm 2000 với vai trò nhân viên Quản lý Chất lượng, sau đó từng bước được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý về Quản lý Chất lượng của Công ty: Thư ký ISO vào năm 2003; Đội trưởng HACCP kiêm Thư ký ISO vào năm 2004; Phó phòng Quản lý Chất lượng vào năm 2006 và Trưởng phòng Quản lý Chất lượng vào năm 2008 và Giám đốc Chất lượng vào ngày 25/12/2017.

Trong giai đoạn 2008 – 2017, bà phụ trách chung toàn bộ Hệ thống Quản lý Chất lượng và đội ngũ Quản lý Chất lượng của Công ty; tổ chức đào tạo huấn luyện nhận thức và kiến thức liên quan đến Chất lượng cho tất cả cán bộ, công nhân sản xuất; tổ chức, sắp xếp theo dõi và duy trì hệ thống Quản lý Chất lượng có hiệu quả. Nhờ đó, Công ty liên tục đạt kết quả cao trong các đợt kiểm tra và đánh giá của khách hàng, các bên thứ ba và các cơ quan thẩm quyền, giúp tạo dựng niềm tin và nâng cao uy tín cho Công ty.

Bên cạnh đó, bà luôn chú trọng công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý chất lượng theo hướng chuyên nghiệp, năng động, nhiệt tình và sáng tạo trong sản xuất thông qua việc tổ chức thường xuyên các hoạt động tập huấn, phổ biến kiến thức, thi tay nghề; từ đó đảm bảo khả năng cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm, giúp gia tăng khả năng cạnh tranh của Công ty so với các công ty cùng ngành.

Với sự nhạy bén và nỗ lực trong công việc, bà đã được trao tặng nhiều giải thưởng và bằng khen như sau:

2017

- Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty CP Vĩnh Hoàn nhân kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng

2012

- Bằng khen về việc hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc năm 2012

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng



06

BÀ LÊ THỊ DIỆU THI

Giám đốc Chất lượng

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **0,01%**

- Năm sinh: 1975
- Chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Thực phẩm; Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 19 năm

2007

- Bằng khen về việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2007

- Bộ trưởng Bộ Thủy sản trao tặng

2006

- Giấy khen (Giải nhất cuộc thi 60 năm ngày thành lập ngành thương mại Việt Nam)

- Giám đốc Sở Thương mại và Du lịch tỉnh Đồng Tháp trao tặng

- Giấy khen đã xây dựng và đưa vào vận hành tốt hệ thống Quản lý tích hợp các tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001; BRC & IFS

- Giám đốc Công ty TNHH Vĩnh Hoàn trao tặng



07

BÀ ĐẶNG THỊ THƯƠNG

Giám đốc Phát triển bền vững

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **0,01%**

- Năm sinh: 1987
- Chuyên môn: Thạc sĩ Sinh học
- Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 9 năm

Bà Đặng Thị Thương bắt đầu làm việc tại Vĩnh Hoàn năm 2010, phụ trách các hoạt động chứng nhận cho vùng nuôi, trước khi được bổ nhiệm làm Giám đốc Nuôi trồng Thủy sản vào năm 2014 (thay đổi tên chức danh thành Giám đốc Phát triển bền vững vào ngày 01/01/2017). Bà đã lãnh đạo đội ngũ thực hiện thành công các chương trình chứng nhận nuôi trồng thủy sản quốc tế điển hình là ASC và BAP cho Công ty, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển doanh thu và quảng bá thương hiệu Vĩnh Hoàn trong những năm qua. Với định vị là một Công ty hàng đầu về nuôi thủy sản bền vững trên toàn cầu, bà Đặng Thị Thương tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong chiến lược hướng đến 100% các vùng nuôi có chứng nhận vào năm 2020 cho cả Công ty và nhà cung cấp cho Công ty. Bà còn đại diện cho Công ty trong các dự án nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực nuôi thủy sản trong nước và quốc tế.

Bà đã nhận được bằng khen sau:

2017

- Bằng khen về thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty CP Vĩnh Hoàn nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng



08

ÔNG HUỲNH ĐỨC TRUNG

Giám đốc Thường trực

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **0,02%**

- Năm sinh: 1963
- Chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Chế biến thực phẩm
- Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 19 năm

Ông Huỳnh Đức Trung là một trong những nhân viên gia nhập Vĩnh Hoàn sớm nhất vào những năm đầu mới thành lập. Ông giữ vai trò chủ chốt trong quá trình xây dựng và quản lý sản xuất cho những nhà máy đầu tiên của Công ty. Ông giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất và nuôi thủy sản trong 13 năm trước khi được bổ nhiệm vào công việc mới là Giám đốc Dự án (thay đổi tên chức danh thành Giám đốc Thường trực vào ngày 01/01/2017), phụ trách các hồ sơ đất đai phục vụ cho các dự án mới, lập và quản lý các quy trình và hoạt động liên quan đến môi trường, công đoàn, an ninh, an toàn nhà xưởng và an toàn lao động trong Công ty.

Ông đã nhận được một số bằng khen và giải thưởng như sau:

2016

- Huân chương lao động hạng ba

- Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng

2012

- Bằng khen về việc hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc năm 2012

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng

2011

- Bằng khen cho thành tích trong công tác đóng góp vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc

- Thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam trao tặng

2007

- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển Nông nghiệp & phát triển nông thôn

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng



09

BÀ PHAN THỊ BÍCH LIÊN

Giám đốc Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **0,003%**

- Năm sinh: 1976
- Chuyên môn: Kỹ sư Nuôi trồng thủy sản
- Thời gian làm việc tại Vĩnh Hoàn: 19 năm

Bà Liên gia nhập Vĩnh Hoàn ở vị trí nhân viên Quản lý Chất lượng vào tháng 04/2000. Với thành tích nổi bật trong công tác, bà lần lượt được bổ nhiệm vào các chức vụ quản lý tại các phòng ban khác nhau tại Vĩnh Hoàn: Trưởng phòng Quản lý Chất lượng, Quản đốc Xưởng cấp đông, Giám đốc Xí nghiệp Chế biến thủy sản số 1, và Giám đốc sản xuất vào năm 2007. Sau đó, bà tiếp tục đảm nhiệm vị trí Giám đốc Xưởng cấp đông của Xí nghiệp Chế biến thủy sản số 3, và đến tháng 06/2016 bà chuyển sang phụ trách vị trí Trưởng phòng Mua hàng. Đầu năm 2017, khi Vĩnh Hoàn mua lại Công ty CP Thủy sản Thanh Bình Đồng Tháp, bà được Hội đồng quản trị tin tưởng giao phó nhiệm vụ Phó Giám đốc Công ty, và tiếp theo là Giám đốc công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp vào ngày 25/12/2017. Bà Liên đóng vai trò quan trọng trong việc gia tăng năng suất và hiệu quả hoạt động tại các bộ phận sản xuất mà bà đã quản lý, góp phần to lớn vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất chung của Công ty.

Bà đã nhận được các bằng khen sau:

2017

- Bằng khen về thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty CP Vĩnh Hoàn nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng

2012

- Bằng khen về việc hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc năm 2012

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng

2007

- Bằng khen về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nuôi trồng và kinh doanh thủy hải sản

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng



10

BÀ LÊ THỊ SÁU

Giám đốc Công ty TNHH MTV Thực phẩm Vĩnh Phước

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **0,01%**

- Năm sinh: 1966
- Chuyên môn: Kỹ sư Hóa thực phẩm, Cử nhân Kinh tế
- Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 19 năm
- Bà đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV Thực phẩm Vĩnh Phước từ đầu Quý 4/2018

Bà Sáu có nhiều năm kinh nghiệm quản lý sản xuất tại Vĩnh Hoàn và các công ty con. Cuối Quý 4/2018, bà được HĐQT tin tưởng bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Công ty TNHH MTV Thực phẩm Vĩnh Phước mới thành lập, đảm nhiệm việc hoạch định chiến lược và quản lý các hoạt động đầu tư, sản xuất, góp phần đưa Công ty vào hoạt động ổn định.

Bà đã nhận được các bằng khen sau:

2017

- Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty CP Vĩnh Hoàn nhân kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trao tặng

2011

- Bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2011

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng

2007

- Bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nuôi trồng và kinh doanh thủy hải sản

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng

2005

- Bằng khen đã có thành tích xuất sắc được báo cáo điển hình trong đại hội thi đua yêu nước tỉnh Đồng Tháp lần III năm 2001-2005

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trao tặng

CREATIVE
MARK
EMPOWERED TOGETHER
BE
TEAMWORK

1.3.5 GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã tiến hành bầu cử và phê chuẩn thành phần Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2021 như sau:

- **Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân**
  - Trưởng Ban Kiểm soát
- **Ông Nguyễn Quang Vinh**
  - Thành viên Ban Kiểm soát
- **Bà Nguyễn Thị Thái Ly**
  - Thành viên Ban Kiểm soát

Thay đổi về nhân sự Ban Kiểm soát trong năm 2018: Không có

THÔNG TIN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



01

BÀ NGUYỄN THỊ CẨM VÂN

Trưởng Ban Kiểm Soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **0%**

- Năm sinh: 1986
- Trình độ chuyên môn:
  - Cử nhân kinh tế;
  - Chứng chỉ CFA (the Chartered Financial Analyst) được cấp bởi Hiệp hội CFA Hoa Kỳ

Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn tài chính và kiểm toán tại Công ty TNHH KPMG và kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài chính và đầu tư, bà Vân đóng vai trò quan trọng trong việc hoạch định các chiến lược và kế hoạch hành động cho Ban Kiểm soát trong năm 2018.



02

ÔNG NGUYỄN QUANG VINH

Thành viên Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **0%**

- Năm sinh: 1979
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Ông Vinh hiện là Giám đốc Xí nghiệp Nuôi tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn

Ông Vinh có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực lập kế hoạch sản xuất tại nhiều đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn và hơn 3 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nuôi tại Công ty. Với kiến thức sâu rộng về sản xuất và nuôi trồng, ông góp phần quan trọng trong việc đóng góp các ý kiến chuyên môn để các kế hoạch kiểm soát mang tính sâu sát, gần với thực tiễn của Công ty.



03

BÀ NGUYỄN THỊ THÁI LY

Thành viên Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC (tại ngày 22/03/2019) **0%**

- Năm sinh: 1988
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán - kiểm toán, CFA (đỗ level 2)
- Bà Ly hiện là người được ủy quyền công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn

Gia nhập Vĩnh Hoàn từ năm 2014, bà đã đảm nhận các chức danh: thành viên Ban Quan hệ nhà đầu tư, người được ủy quyền công bố thông tin. Bà tham gia tích cực vào các nội dung kiểm soát rủi ro tại các phòng ban, bộ phận trong Công ty.





NUÔI CÁ TRA: BƯỚC CHUYỂN ĐỔI TỪ TRUYỀN THỐNG CHO ĐẾN CẢI TIẾN

1.4

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1.4.1 CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Năm 2017 và 2018, Công ty đã hoàn tất hầu hết các hoạt động mở rộng công suất vùng nuôi và nhà máy chế biến. Năm 2019, Công ty sẽ tập trung thu hút nguồn lực và tiếp tục các dự án mở rộng trên diện tích nhà máy, vùng nuôi sẵn có. Năm 2019, dự kiến nguồn nguyên liệu sẽ dồi dào hơn sau hai năm thiếu hụt, Công ty sẽ chú trọng vào quản lý hiệu quả và điều hành hoạt động nuôi cá đảm bảo khả năng cạnh tranh và phù hợp với chiến lược bán hàng một cách tốt nhất.
- Về bán hàng, giá bán năm 2019 sẽ được điều chỉnh giảm bớt so với năm 2018 sẽ là cơ hội để Công ty khôi phục lại các thị trường giảm sút trong năm 2018, tăng trưởng tiếp tục ở thị trường Trung Quốc và mở thêm thị trường mới ở khu vực Châu Mỹ Latinh và Trung Đông. Công ty kỳ vọng gia tăng doanh số trong năm 2019 khi nguồn cung đã ổn định hơn, năng lực chế biến của Công ty cũng gia tăng. Sau hai năm giá bán cá tra tăng cao, Công ty không kỳ vọng tăng biên lợi nhuận trong năm 2019, Công ty đặt mục tiêu mức lợi nhuận dựa vào khả năng gia tăng doanh số và tình hình thị trường trong năm 2019.
- Về phát triển thị trường và tiếp thị, thực hiện chiến lược định vị thương hiệu Vĩnh Hoàn và đóng vai trò dẫn dắt trong các chương trình quảng bá toàn ngành, bảo vệ hình ảnh cá tra giúp khôi phục thị trường Châu Âu và trong tương lai sẽ tạo ra nhu cầu ngày càng nhiều trên thị trường thế giới cho cá tra.
- Thực hiện dự án giống cá tra và các dự án cải tiến khác nhằm nhanh chóng mang lại hiệu quả và gia tăng sự khác biệt, vai trò của Vĩnh Hoàn trong ngành nuôi trồng thủy sản bền vững, góp phần cải thiện hình ảnh cá tra.
- Về nội bộ, thực hiện kiện toàn hệ thống báo cáo và kiểm toán nội bộ, ngày càng gia tăng tính minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.4.2 KẾ HOẠCH NĂM 2019

Với các mục tiêu phát triển trên, Công ty đã đề ra kế hoạch kinh năm 2019 cụ thể như sau:

KẾ HOẠCH DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch tăng trưởng 2019
DOANH THU HỢP NHẤT	**8.151**	**9.271**	**10.047**	**8,4%**
* Thủy sản,bột mỡ	7.583	8.486	9.152	
* Thức ăn thủy sản	411	488	422	
* Gạo	0	14	N/A	
* Collagen và Gelatin	157	283	473	
LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT CỦA CỔ ĐÔNG CÔNG TY MẸ	**605**	**1.442**	**1.255**	**-13%**
* Thủy sản và bột mỡ	624	1.346	1.057	
* Thức ăn thủy sản	12	25	18	
* Gạo	(18)	(12)	N/A	
* Collagen và Gelatin	(13)	83	180	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Với mục tiêu tiếp tục mở rộng năng lực nuôi và sản xuất, đảm bảo nguồn cung nguyên liệu chất lượng tốt, chi phí cạnh tranh và sản phẩm cá tra chất lượng cao, đạt được ngày càng nhiều các chứng nhận quốc tế và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ngày càng cao của thị trường, Công ty đặt trọng tâm đầu tư trong năm vào việc xây dựng vùng nuôi mới và mở rộng, gia tăng công suất chế biến của nhà máy Vĩnh Phước và nhà máy Vĩnh Hoàn Collagen. Cụ thể:

CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN NĂM 2019

800 tỷ đồng

Đầu tư nâng cấp tăng công suất chế biến của nhà máy Vĩnh Phước hiện hữu, đầu tư thêm nhà máy chế biến số 2, xây dựng kho lạnh mới và đầu tư thêm nhà máy chế biến Bột cá và mỡ cá.

477 tỷ đồng

Đầu tư hệ thống đóng gói tự động và đầu tư thêm dây chuyền chế biến Gelatin nâng tổng công suất của Vĩnh Hoàn Collagen lên 3.500 tấn thành phẩm/năm.

115 tỷ đồng

Đầu tư nâng cấp vùng nuôi hiện hữu và mở rộng thêm vùng nuôi mới.

120 tỷ đồng

Một số hạng mục đầu tư khác bao gồm nâng cấp, mua sắm máy móc thiết bị nhà máy chế biến cá của Vĩnh Hoàn và Thanh Bình.

88 tỷ đồng

Đầu năm 2019, đánh dấu bước hợp tác chính thức của Công ty và một đối tác giàu kinh nghiệm trong khâu nuôi giống thủy sản là sự ra đời của Công ty TNHH Sản xuất giống cá tra Vĩnh Hoàn. Công ty dự kiến góp vốn 22,5 tỷ đồng.

1.4.3 PHÂN TÍCH SWOT

S

ĐIỂM MẠNH

- Công ty uy tín hàng đầu về chất lượng sản phẩm và hệ thống quản lý chất lượng, nuôi trồng bền vững theo các tiêu chuẩn quốc tế trên toàn thế giới. Thương hiệu Vĩnh Hoàn có giá trị vô hình cao, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động của Công ty;
- Hệ thống nuôi trồng, chế biến thành phẩm và phụ phẩm, sản phẩm giá trị gia tăng khép kín là bệ phóng vững chắc cho việc tăng trưởng bền vững về thị phần và hiệu quả kinh doanh;
- Mạng lưới khách hàng thân thiết và quan hệ đối tác trung thành qua nhiều năm;
- Đội ngũ lao động tận tâm, chuyên nghiệp và tay nghề cao trong chế biến, nuôi trồng;
- Đội ngũ quản lý giỏi, gắn bó, có kinh nghiệm, đội ngũ và văn phòng bán hàng đa văn hóa tại các thị trường chiến lược;
- Có sự hiểu biết và kết nối rộng ở các thị trường nước ngoài khác nhau hỗ trợ cho chiến lược quảng bá và phát triển thương hiệu;
- Tình hình tài chính lành mạnh, không có gánh nặng lãi vay, đủ tiềm lực để đầu tư phát triển cho tương lai ngắn hạn và dài hạn;
- Có năng lực và đủ điều kiện để bán hàng trực tiếp vào hệ thống siêu thị và hệ thống nhà hàng;
- Lợi thế về thuế suất và danh tiếng ở thị trường Mỹ.

W

ĐIỂM YẾU

- Chưa ứng dụng khoa học công nghệ thông minh theo kịp tiến bộ nhanh chóng của thời đại thông tin;
- Chưa đủ cạnh tranh về "giá" ở các thị trường phân khúc thấp;
- Sản phẩm "khác biệt" chưa đủ lớn để có sự bứt phá không thay thế được so với sản phẩm của đối thủ cạnh tranh;
- Chưa tuyển dụng đầy đủ và kịp thời nguồn lao động trực tiếp cho các nhà máy mới.

O

CƠ HỘI

- Tiềm năng phát triển của thị trường, đặc biệt là khuynh hướng thế giới với sự gia tăng của tầng lớp trung lưu và khuynh hướng ẩm thực tăng tỷ lệ protein từ thủy sản;
- Ngành nuôi trồng thủy sản trên thế giới ngày càng phát triển và thay thế cho các sản phẩm đánh bắt để cung cấp thực phẩm dinh dưỡng cho một lực lượng dân số đang gia tăng, tạo cơ hội phát triển cho sản phẩm chính và cả những sản phẩm phụ phục vụ cho nuôi trồng;
- Lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do trong đó Việt Nam là thành viên như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA);
- Nhận thức của người tiêu dùng ngày càng cao về an toàn thực phẩm, nguồn gốc sản phẩm và các yếu tố bền vững;
- Cá tra vẫn duy trì lợi thế cạnh tranh về giá so với các sản phẩm cá thịt trắng khác, chưa có sản phẩm thay thế một cách trực tiếp và đáng kể.

T

THÁCH THỨC

- Chi phí sản xuất ngày càng tăng;
- Lực lượng lao động trực tiếp có thể bị cạnh tranh với các ngành công nghiệp khác;
- Các vấn đề về môi trường và khí hậu;
- Các rào cản về thương mại và kỹ thuật ở các nước nhập khẩu.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

2.1 Báo cáo của Hội đồng quản trị
2.2 Báo cáo của Ban Giám đốc
2.3 Tình hình tài chính
2.4 Tình hình đầu tư - tình hình thực hiện các dự án
2.5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
2.6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty





2.1

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2018 tiếp tục đánh dấu quá trình phát triển của Vĩnh Hoàn với kết quả kinh doanh vượt mong đợi của cổ đông. Ngoài những tác động khách quan, kết quả năm 2018 một lần nữa khẳng định chiến lược đúng đắn của Công ty và phản ánh rất nhiều những nỗ lực của đội ngũ ban điều hành cùng với công nhân viên Vĩnh Hoàn. Trong năm, Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục hoàn thành trọn vẹn trách nhiệm định hướng và giám sát vì sự thành công của Vĩnh Hoàn trong hiện tại và tương lai. Báo cáo này trình bày một số phân tích về kết quả năm 2018 để đề ra mục tiêu cho năm 2019 và chiến lược trong tương lai của Công ty.

2.1.1 TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Với mục tiêu khẳng định và đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của ngành nuôi trồng thủy sản trên thế giới, năm 2018 Vĩnh Hoàn tiếp tục giữ vị trí số một của ngành cá tra toàn cầu. Thương hiệu Vĩnh Hoàn được xây dựng trên chất lượng và dịch vụ vượt trội và thế mạnh của Công ty là quy mô sản xuất lớn, khép kín và hiệu quả. Ngoài ra, Vĩnh Hoàn còn phát triển với đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm, gắn bó hơn 15 năm và toàn bộ công nhân viên có tính cam kết, trách nhiệm cao. Công ty tiếp dục duy trì và phát huy các lợi thế về mạng lưới thị trường đặc biệt là các thị trường có rào cản thương mại và kỹ thuật, tình hình tài chính lành mạnh, có tích lũy và không có gánh nặng lãi vay.

2.1.2 QUAN HỆ THƯƠNG MẠI GIỮA CÁC NƯỚC - "CHẤT XÚC TÁC" CHO PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất khẩu, chắc chắn rằng sự phát triển của Vĩnh Hoàn và của ngành cá tra nói chung sẽ có sự tác động của các vấn đề tự do thương mại. Có thể nói rằng tự do thương mại chính là chất xúc tác tạo ra các thách thức và cơ hội cho Vĩnh Hoàn và các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra.

MỸ

Đầu tiên phải kể đến thị trường Mỹ, một quốc gia có hệ thống pháp luật bảo vệ nền công nghiệp nội địa ở mức độ cao. Ngoài vụ kiện chống bán phá giá đã diễn ra trong nhiều năm qua ảnh hưởng đến cục diện cạnh tranh tại thị trường này, năm 2018 là năm ngành cá tra phải đối mặt với thách thức của đợt thanh tra thực địa đầu tiên của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ ("USDA") Chương trình Thanh tra cá da trơn Farm Bill. Với hệ thống quy định pháp luật và các cơ quan kiểm soát chất lượng phát triển trong nhiều năm qua, cùng với điều kiện sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm cao của các nhà máy, Việt Nam đã xuất sắc vượt qua kỳ thanh tra này, sơ bộ được xác định tương đồng theo tiêu chuẩn của USDA. Bước tiến này đã tạo sự an tâm cho các công ty phân phối cá tra tại Mỹ, là lực đẩy cho sự tăng trưởng vượt bậc trong năm 2018, đồng thời cũng dẫn dắt gia tăng mức giá bán chung cho các thị trường khác. Vĩnh Hoàn với lợi thế tham gia vào thị trường Mỹ từ những ngày đầu, đã xây dựng được uy tín, tên tuổi và hệ thống khách hàng vững chắc. Chiến lược của Công ty tại thị trường này là sẽ tiếp tục theo đuổi các nỗ lực thúc đẩy tự do thương mại, chuyển các rào cản kỹ thuật thành cơ hội khác biệt hóa và phát triển thương hiệu, tận dụng các lợi thế cạnh tranh để tiếp tục phát triển doanh số và lợi nhuận.

CHÂU ÂU – EVFTA VÀ BREXIT

Hiệp định thương mại giữa Việt Nam và EU (EVFTA) nếu được ký trong năm 2019 sẽ là cơ hội cho cá tra tăng tính cạnh tranh với cá pollock đặc biệt ở phân khúc chế biến cho các sản phẩm "fish finger" khi mức thuế nhập khẩu của cá tra được hạ từ 5,5% xuống 0% theo lộ trình 3 năm. Ngoài ra bối cảnh "no deal" Brexit cũng có thể đưa mức thuế nhập khẩu cho cá tra vào Anh giảm xuống 0%. Tuy các hiệp định về thuế quan có thể giúp cho cá tra tăng tính cạnh tranh và gia tăng thị phần tại Châu Âu, ngành cá tra vẫn phải nỗ lực rất lớn trong các chương trình truyền thông và tiếp thị để khôi phục lại khối thị trường từng chiếm tỷ trọng 30% này. Riêng đối với Vĩnh Hoàn, với lợi thế về chất lượng sản phẩm, danh tiếng về phát triển bền vững và các chứng nhận nuôi quốc tế, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư vào các năng lực cung cấp cho siêu thị song song với các hoạt động tiếp thị, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Mục tiêu của Vĩnh Hoàn là đưa thị trường này trở thành một trong ba khối thị trường trụ cột của toàn Công ty, bên cạnh Mỹ và Trung Quốc.

CĂNG THẲNG THƯƠNG MẠI MỸ-TRUNG QUỐC

Bối cảnh căng thẳng trong quan hệ thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc cũng tạo ra những cơ hội nhất định cho cá tra của Việt Nam khi Mỹ là nhà nhập khẩu cá rô phi lớn nhất của Trung Quốc. Tuy cá tra và cá rô phi không phải là hai sản phẩm thay thế trực tiếp, việc cá rô phi có nguy cơ bị tăng thuế nhập khẩu vào Mỹ và người tiêu dùng Mỹ có xu hướng lựa chọn sản phẩm không phải từ Trung Quốc cũng giúp cá tra được tiêu dùng nhiều hơn. Ngoài ra, việc Trung Quốc những năm gần đây, đặc biệt là trong năm 2018 đã tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm thực phẩm, chống ô nhiễm môi trường, chống gian lận thương mại cũng giúp cá tra nhập khẩu sang thị trường này gia tăng để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, đồng thời hạn chế đáng kể cá tra nhập khẩu phi pháp qua đường biên giới.



2.1.3 INNOVATION - LIÊN TỤC CẢI TIẾN

Vào cuối năm 2017, với mốc kỷ niệm 20 năm thành lập Vĩnh Hoàn, HĐQT đã thống nhất với Ban điều hành Công ty đầu tư cho giai đoạn "tái khởi nghiệp" theo hướng ứng dụng khoa học công nghệ. Đây cũng là sứ mệnh của Vĩnh Hoàn để ngày càng khẳng định vị thế của ngành nuôi trồng thủy sản bền vững trên thế giới. Tư duy cải tiến và cải tiến liên tục đã và đang được thực hiện xuyên suốt trong quá trình phát triển của Công ty và là định hướng quan trọng cho tương lai.

NHÀ MÁY SẢN XUẤT

Một trong những điểm mạnh tạo nên lợi thế cạnh tranh của Vĩnh Hoàn chính là cơ sở vật chất cho hoạt động sản xuất luôn được bảo trì, tu sửa đảm bảo sự khang trang, vệ sinh và quan trọng hơn hết là cải tiến dây chuyền sản xuất tối ưu hơn và hơn nữa. Mỗi năm Công ty đều dành khoản ngân sách vài chục tỷ đồng để lần lượt cải tạo các nhà máy chế biến theo hướng sử dụng những thiết bị cấp đông hiện đại hơn, cải tạo trần tường, đèn, hệ thống điện nước, lạnh gọn gàng hơn, an toàn hơn, tăng năng suất và hiệu quả sản xuất. Đối với nhà máy mà Vĩnh Phước mua lại trong năm 2018, Công ty cũng nhanh chóng sửa sang, cải tạo hệ thống lạnh để đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm chung của toàn tập đoàn. Đối với nhà máy Thanh Bình, Công ty đã hoàn tất bước mở rộng sang nhà máy số 2, lắp đặt thêm thiết bị cấp đông để sẵn sàng tăng năng suất trong năm 2019 và những năm tiếp theo. Trong tương lai, Vĩnh Hoàn hướng tới tiếp tục ứng dụng các giải pháp về máy móc thiết bị để vừa tiết giảm lao động vừa tăng năng suất, rút ngắn dây chuyền để đảm bảo chất lượng sản phẩm cao hơn, đồng thời từng bước tin học hóa quản lý sản xuất để ngày càng tối ưu hóa hiệu quả trong mọi hoạt động.

KHÂU NUÔI

Là doanh nghiệp dẫn đầu ngành cá Việt Nam, với tầm nhìn vươn lên hàng đầu các doanh nghiệp về nuôi trồng thủy sản bền vững trên thế giới, trong nhiều năm qua, Vĩnh Hoàn luôn dành sự ưu tiên cho các hoạt động cải tiến trong khâu nuôi cá. Những hoạt động này tập trung vào giải quyết các thách thức của ngành nuôi cá tra và ngành nuôi trồng thủy sản nói chung, bao gồm: chất lượng con giống, chất lượng nguồn nước, sức khỏe cá, dư lượng thuốc và giảm thiểu tác động lên môi trường.

- Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành một số nội dung nghiên cứu theo Đề án cá tra chất lượng cao của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- Sau gần 5 năm thử nghiệm, ngày 22/08/2018, Vĩnh Hoàn ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với Pharmaq nhằm triển khai tiêm vắc-xin ALPHA JECT Panga 2 cho cá tra trên diện rộng, có tác dụng bảo vệ cá khỏi các loại bệnh gây ra bởi vi khuẩn *Edwardsiella Ictaluri* và *Aeromonas Hydrophila*. Việc sử dụng vắc-xin trên diện rộng là một cột mốc quan trọng của ngành cá tra Việt Nam. Như đã được chứng minh trong ngành nuôi cá hồi, việc sử dụng vắc-xin hiệu quả sẽ giúp giảm thiểu hoặc thay thế việc sử dụng kháng sinh trong trị liệu, đảm bảo an toàn thực phẩm, từ đó nâng cao tính bền vững và tăng lợi nhuận cho người nuôi. Tiêm vắc-xin phòng bệnh cũng là một giải pháp ưu việt hơn từ góc độ an sinh vật nuôi.
- Dự án giống công nghệ cao: Vĩnh Hoàn đã khởi động dự án sản xuất giống cá tra với nhiều ứng dụng khoa học mới, hướng đến cải thiện chất lượng con giống một cách bền vững mà vẫn không mất tính cạnh tranh về chi phí. Đầu năm 2019, đánh dấu bước hợp tác chính thức của Công ty và một đối tác giàu kinh nghiệm trong khâu nuôi giống thủy sản là sự ra đời của Công ty TNHH Sản xuất giống cá tra Vĩnh Hoàn. Giai đoạn 1 của dự án sẽ được thực hiện trên diện tích đất hiện hữu của Công ty tại cồn Vĩnh Hòa, An Giang sau đó sẽ mở rộng ra với diện tích tổng cộng hơn 200 ha. Hướng đi của dự án giống là giải quyết các thách thức của ngành sản xuất giống cá tra, bao gồm: kiểm soát môi trường chặt chẽ, theo quy trình đặc biệt hơn, sử dụng nguồn thức ăn phù hợp trong giai đoạn sớm, ứng dụng một số thiết bị vận chuyển giống hiện đại và cuối cùng là tiêm vắc xin để giữ sức khỏe con giống trước khi chuyển sang khâu nuôi cá thịt.

Trong năm 2019, Vĩnh Hoàn tiếp tục thực hiện với quyết tâm cao và sự đầu tư bài bản cho các hoạt động cải tiến, áp dụng khoa học công nghệ trong mọi hoạt động của Công ty, với mong muốn tạo ra những thay đổi mang tính chuyển biến cao, gia tăng sự khác biệt và làm nên một thương hiệu Vĩnh Hoàn trong ngành nuôi trồng thủy sản của thế giới. Có thể tóm tắt một số dự án và định hướng chính như sau:

- Tiếp tục thực hiện các đề tài tiếp theo của Đề án cá tra chất lượng cao tập trung ở cải tiến công thức thức ăn, bổ sung dinh dưỡng theo nhu cầu thị trường, cải tiến quy trình ương giống, nuôi cá thịt và cuối cùng là chế biến và giới thiệu ra thị trường dòng sản phẩm cá tra chất lượng cao, làm tiền đề xây dựng nên thương hiệu quốc gia cho cá tra. Vĩnh Hoàn tin rằng sự thành công của đề án này sẽ góp phần tích cực vào nỗ lực cải thiện hình ảnh cá tra đối với người tiêu dùng thế giới, kích cầu để ngành cá tra ngày càng phát triển.
- Nhanh chóng triển khai giai đoạn 1 của dự án giống sau khi công ty hoàn tất các thủ tục về doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đồng thời khởi động giai đoạn 2 mở rộng quy mô của dự án. Sau giai đoạn phát triển mở rộng năng suất chế biến và năng lực nuôi cá, trong những năm tới, con giống sẽ là yếu tố then chốt cho tính cạnh tranh về chất lượng, hiệu quả sản xuất cho Vĩnh Hoàn. Tự chủ về con giống sẽ giúp Công ty giải quyết được nhiều thách thức kỹ thuật trên thị trường, đặc biệt là vấn đề kiểm soát dư lượng kháng sinh, thuốc cấm trên sản phẩm. Trong tương lai xa hơn, Công ty tham vọng đầu tư hợp tác nghiên cứu để sở hữu được những thế hệ cá bố mẹ được chọn lọc gen tốt nhất, hoàn chỉnh toàn bộ chuỗi sản xuất.
- Đối với một số cải tiến trong ứng dụng máy móc thiết bị khâu cho cá ăn và thu hoạch cá, Công ty sẽ tiếp tục các bước thử nghiệm để tạo ra những bước cải thiện tích lũy thành thay đổi lớn trong hiệu quả nuôi.

CẢI TIẾN QUY TRÌNH NỘI BỘ

Trong mục tiêu giao cho Ban Giám đốc Công ty hàng năm luôn có nội dung về cải tiến quy trình nội bộ. Để đạt được những mục tiêu về kinh doanh, mang lại giá trị cho khách hàng, đội ngũ Vĩnh Hoàn không quên chú trọng vào việc tuân thủ và hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ nhằm giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả công việc. Ngoài ra, Công ty ngày càng đầu tư vào các giá trị văn hóa - một trong những yếu tố làm nên sự thành công của một tập thể Vĩnh Hoàn, đầu tư vào các chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Một số chương trình đã và sẽ thực hiện bao gồm:

- Phù hợp với Nghị định 05/2019/NĐ-CP về Kiểm toán nội bộ có hiệu lực từ ngày 01/04/2019, trong năm 2018, Vĩnh Hoàn đã xây dựng Phòng kiểm toán nội bộ trên nền tảng của bộ phận kiểm soát nội bộ trước đây. Theo đó, Phòng kiểm toán nội bộ đã hoàn tất dự án chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ chính và lập sổ tay rủi ro doanh nghiệp để tiến hành các kế hoạch kiểm toán trong năm 2019.
- Thực hiện dự án xây dựng Sổ tay văn hóa Vĩnh Hoàn và triển khai đào tạo, truyền thông nội bộ trong năm 2019. Tính cải tiến được lựa chọn là một trong những giá trị cốt lõi trong văn hóa Vĩnh Hoàn. Người Vĩnh Hoàn luôn tiên phong trong cải tiến, sáng tạo để khai thác tối đa những giá trị của cá tra.
- Với mục tiêu thu hút thêm lao động cho các nhà máy mới, tiếp tục giảm tỷ lệ nghỉ việc, Công ty sẽ thực hiện các hoạt động đào tạo, tập trung cải thiện quan hệ với công nhân viên, chăm sóc đời sống và gia tăng các phúc lợi cho người lao động.

2.1.4 TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH SẢN PHẨM TRONG NĂM 2018

CÁC SẢN PHẨM CÁ TRA FILLET ĐÔNG LẠNH

Các sản phẩm cá tra fillet đông lạnh là nhóm sản phẩm chính, chiếm khoảng 75% tổng doanh số hợp nhất của toàn Công ty, đạt 7.032 tỷ đồng, tăng trưởng 18% so với năm 2017. Song song với kênh bán hàng truyền thống thông qua các nhà nhập khẩu và phân phối, Công ty tiếp tục có sự phát triển ở kênh cung cấp trực tiếp cho các nhà hàng và siêu thị. Tuy nhiên, do mức giá tăng cao trong năm 2018, Công ty phải phân bổ lại một số khách hàng và thị trường, đặc biệt là Châu Âu khi giá bán cao làm ảnh hưởng đến lượng tiêu thụ tại các siêu thị. Với mạng lưới hơn 200 khách hàng, sản phẩm của Vĩnh Hoàn đã được tiêu thụ ở 34 quốc gia trong năm 2018. Một số siêu thị đa quốc gia mà sản phẩm Vĩnh Hoàn đang hiện diện bao gồm: Walmart, Casino, Coop, Aldi và Woolworths. Ngoài vấn đề về an toàn thực phẩm và chất lượng sản phẩm, cá tra của Vĩnh Hoàn cũng nổi tiếng do sự khác biệt trong khả năng cung ứng các sản phẩm có chứng nhận nuôi bền vững của quốc tế bao gồm chứng nhận Aquaculture Stewardship Council ("ASC") và Best Aquaculture Practices 4 sao ("BAP 4 sao").



CÁC SẢN PHẨM GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Các sản phẩm giá trị gia tăng, là nhóm sản phẩm chiến lược trong kế hoạch phát triển doanh số bền vững và gia tăng biên lợi nhuận. Công ty đã phát triển và bán thành công các dòng sản phẩm cá tẩm bột và cá tẩm gia vị ở thị trường Châu Âu, Mỹ và Châu Á. Tuy nhiên, trong năm 2018, khi giá cá tra lên cao thì một số chương trình cung cấp sản phẩm giá trị gia tăng phải tạm hoãn vì các sản phẩm này thông thường cần nhiều thời gian hơn để điều chỉnh giá. Năm 2019, Công ty sẽ có cơ hội thực hiện tốt hơn lộ trình tăng tỷ trọng các sản phẩm giá trị gia tăng chiếm đến 10% trong doanh thu bán hàng trong tương lai.





COLLAGEN VÀ GELATIN

Collagen và Gelatin là nhóm sản phẩm mà Công ty bắt đầu sản xuất và bán vào giữa năm 2015. Đây là dòng sản phẩm mới được sản xuất từ công nghệ cao và tối ưu hóa giá trị thu được từ da cá, vốn là một phụ phẩm trong quy trình sản xuất cá tra fillet. Sản phẩm Collagen và Gelatin được Công ty quảng bá ở thị trường với thế mạnh về kiểm soát 100% nguồn nguyên liệu, là mô hình độc nhất tại Việt Nam và trên thế giới, cung cấp nguồn protein đầu vào chất lượng cao và ổn định cho các ngành thực phẩm, nước uống, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng. HĐQT đánh giá dự án kinh doanh này là một thành công nhờ vào định hướng đúng đắn trong gia tăng hàm lượng công nghệ trong sản phẩm dựa trên mô hình kinh doanh tốt, nỗ lực xây dựng đội ngũ kỹ thuật trong nghiên cứu phát triển quy trình và năng lực phát triển thị trường dưới sự lãnh đạo của Ban giám đốc Công ty trong hơn 2 năm qua. Doanh thu năm 2018 của nhóm sản phẩm này đạt gần 300 tỷ đồng và đã bắt đầu thu được lợi nhuận tốt.





CÁC SẢN PHẨM PHỤ PHẨM

Các sản phẩm phụ phẩm bao gồm bột cá, mỡ cá cung cấp cho ngành thức ăn gia súc và một số loại phụ phẩm khác như bao tử, bong bóng và vi cá. Doanh thu năm 2018 của nhóm sản phẩm này đạt gần 1.250 tỷ đồng.

CÁC SẢN PHẨM KHÁC

Các sản phẩm khác bao gồm thức ăn thủy sản, cá chẽm và một số sản phẩm nguyên phụ liệu khác.





2.2

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



2.2.1 TÓM TẮT VỀ TÌNH HÌNH CHUNG

2018 - NĂM THẮNG LỢI CỦA NGÀNH CÁ TRA

Xuất khẩu thủy sản Việt Nam năm 2018 đạt đỉnh cao mới với mức 8,8 tỷ USD, tăng 6% so với năm 2017. Các nhóm sản phẩm thủy sản xuất khẩu chủ lực vẫn là tôm, cá tra và các loài hải sản khác. Tuy nhiên, ngành tôm đã có một năm không ổn định khi giá trị xuất khẩu chỉ đạt 3,6 tỷ USD, giảm 8%. Sự tăng trưởng của xuất khẩu thủy sản năm 2018 là do đóng góp nổi bật của ngành cá tra, kế đến là các sản phẩm hải sản khác. Kim ngạch xuất khẩu cá tra 2018 của cả nước đạt khoảng 2,26 tỷ USD, tăng 26,5%. Đây là mức tăng cao nhất từ trước đến nay, nâng tỷ trọng của ngành cá tra trong tổng trị giá xuất khẩu thủy sản từ 21% lên mức 26%. Kết quả này có được là nhờ sự cộng hưởng nhiều yếu tố, cụ thể như sau:

Nền tảng từ năm 2017

Từ đầu năm 2017, giá cá tra đã bắt đầu tăng mạnh do thiếu hụt nguồn giống bởi yếu tố thời tiết và động lực từ những thị trường tăng trưởng mạnh dẫn đầu là thị trường Trung Quốc. Sang năm 2018, mặc dù không còn bị ảnh hưởng với những tháng lạnh như năm trước đó, tổng sản lượng cá thu hoạch tăng 15%, nhưng cá tra nguyên liệu vẫn tiếp tục tăng cao, lập mức kỷ lục vào những tháng cuối năm 2018. Diễn biến này một phần là do sự thiếu hụt tích lũy từ năm 2017, một phần cũng phản ánh được mức độ phổ biến, chấp nhận và yêu thích cá tra của người tiêu dùng trên thị trường thế giới thông qua sự tăng trưởng đều ở 3 nhóm thị trường chính, Mỹ, Trung Quốc và Châu Âu.

Thị trường Mỹ - thị trường dẫn dắt tăng trưởng

Bên cạnh việc gia tăng về sản lượng, trong năm 2018 cá tra đã có bước tăng trưởng ngoạn mục về giá. Thị trường Mỹ là thị trường dẫn dắt cho sự tăng trưởng chung của toàn ngành, trở lại là thị trường số 1 của cá tra Việt Nam. Nếu như năm 2017 là năm có nhiều xáo động và thay đổi ở thị trường Mỹ do đây là năm đầu tiên Chương trình Thanh tra cá da trơn của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ ("USDA") theo đạo luật Farm Bill chính thức có hiệu lực thì năm 2018 cá tra tại Mỹ đã vượt qua thách thức này, nhờ rất nhiều sự nỗ lực kiểm soát an toàn thực phẩm và chất lượng sản phẩm từ các cơ quan quản lý Nhà nước và doanh nghiệp. Tháng 05/2018, Việt Nam đã vượt qua kỳ thanh tra thực địa của USDA, trong đó Vĩnh Hoàn có 4 nhà máy tham gia đợt kiểm tra vô cùng khắt khe này. Nhờ vậy ngày 19/09/2018, USDA công bố dự thảo về việc công nhận tương đồng cho cá tra nhập khẩu từ Việt Nam. Việc vượt qua rào cản Farm Bill cùng với diễn biến chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đã tạo ra cơ hội cho cá tra tăng trưởng gần 60% tại thị trường Mỹ, cá tra thêm một bước khẳng định uy tín chất lượng, uy tín thương mại và tạo động lực phát triển cho nhiều thị trường khác.

Trung Quốc và Châu Âu – hai khối thị trường lớn đều có tăng trưởng tốt

Khối thị trường Châu Âu sau thời gian giảm sút liên tục, đặc biệt là năm 2017 khi bị tấn công bôi xấu trên các kênh truyền thông, năm 2018 đã có sự tăng trưởng hơn 20% tăng trưởng chính ở các thị trường Hà Lan, Bỉ, Đức và Anh. Vĩnh Hoàn với vị trí là doanh nghiệp đầu ngành và thế mạnh về thương hiệu sản phẩm bền vững, trong những năm qua đã luôn nỗ lực cùng với các cơ quan Nhà nước và Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam ("VASEP") cải thiện hình ảnh của cá tra tại Châu Âu. Đây là thị trường có nhận thức tiêu dùng và tiêu chuẩn chất lượng cao nên xứng đáng cho sự đầu tư bài bản và lâu dài. Kết quả năm 2018 là một minh chứng và động lực để toàn ngành cá tra tiếp tục thực hiện các chiến lược tiếp thị, quảng bá để khôi phục khối thị trường này, từ cách đây hơn 10 năm vốn là thị trường lớn nhất của cá tra với tổng giá trị hơn 500 triệu USD. Vĩnh Hoàn cùng với Hiệp hội VASEP tiếp tục kiến nghị lên Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và nhiều cấp thẩm quyền khác nhau về việc cần có Quỹ phát triển xuất khẩu cá tra Việt Nam để nhanh chóng tạo đủ ngân sách cho việc triển khai các hoạt động tiếp thị và quảng bá, nhằm lấy lại uy tín sản phẩm cá tra trên thị trường thế giới, từ đó có thể phát triển ngành một cách bền vững trong tương lai.

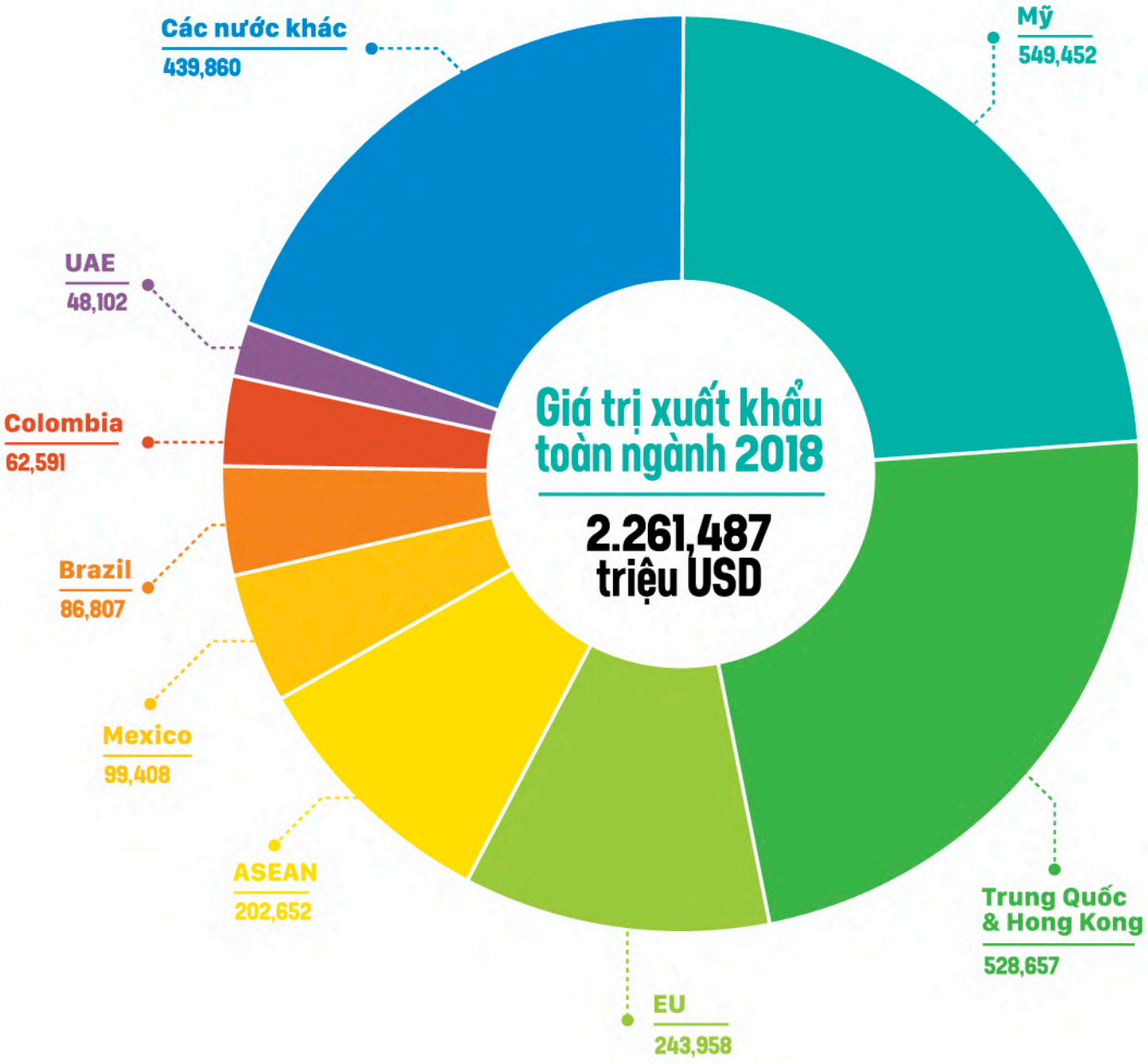
Thị trường Trung Quốc tiếp tục mức tăng trưởng tương đối mạnh, gần 30% so với năm 2017. Năm 2018 cũng ghi nhận một số thay đổi bền vững tích cực tại thị trường này khi các doanh nghiệp đã có sự phát triển ổn định, quan tâm đến chất lượng hơn và cá tra đã được giới thiệu, phân phối bởi những kênh thương mại điện tử uy tín hàng đầu như Alibaba và JD.com. Thị trường Trung Quốc chắc chắn vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng và tiềm năng này xuất phát từ bản thân cá tra đã trở thành một nguồn cung thủy sản tuyệt vời cho thực đơn nhà hàng, khách sạn, cho bữa ăn hàng ngày của người tiêu dùng và cũng từng bước khẳng định giá trị thương hiệu về chất lượng. Bên cạnh đó, cũng cần có sự kiểm soát tốt hơn nữa của cơ quan Nhà nước về an toàn thực phẩm và chất lượng sản phẩm đặc biệt là ở đường xuất khẩu qua biên giới.

Các thị trường xuất khẩu chính của cá tra

Nguồn: VASEP
Đơn vị tính: triệu USD

Thị trường	Giá trị xuất khẩu năm 2017	Giá trị xuất khẩu năm 2018	Tăng/giảm (%)
Mỹ	344,390	549,452	59,5
Trung Quốc & Hong Kong	410,875	528,657	28,7
EU	203,023	243,958	20,2
ASEAN	143,171	202,652	41,5
Mexico	104,252	99,408	-4,6
Brazil	104,688	86,807	-17,1
Colombia	54,564	62,591	14,7
UAE	23,070	48,102	108,5
Các nước khác	400,006	439,860	10,0
Toàn ngành	**1.788,039**	**2.261,487**	**26,5%**

CÁC THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CHÍNH CỦA CÁ TRA NĂM 2018



MỘT SỐ DỰ BÁO CỦA NGÀNH CÁ TRA NĂM 2019

Dựa vào một số báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Hiệp hội VASEP, chúng tôi đưa ra một số dự báo cho ngành cá tra năm 2019 như sau:

- Theo nhận định của VASEP, trong lĩnh vực nuôi cá tra, 5 năm qua đã dần hoàn thiện các văn bản pháp luật, Nghị định, Thông tư, các qui định trong việc nuôi trồng cá tra đã giúp ổn định ngành nuôi, chế biến, xuất khẩu cá tra về sản lượng và chất lượng cá nguyên liệu, giữ được thế cân bằng trong nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, sản lượng nuôi cá tra của đồng bằng sông Cửu Long khá ổn định trong vòng 5 năm qua với diện tích nuôi cao nhất là 6 nghìn ha, sản lượng duy trì ở mức cao nhất khoảng 1,25 triệu tấn đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 3% hàng năm. Sự tăng trưởng bền vững trong vòng 5 năm trở lại đây của cá tra cho thấy mức độ trưởng thành của ngành và ít bị biến động mạnh theo kiểu chu kỳ trồi sụt.
- Tình hình thiếu hụt con giống vẫn còn diễn ra vào đầu năm 2019, dự báo sẽ thiếu hụt cá thu hoạch vào cuối năm. Tuy nhiên Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đưa ra tổng số cá tra thu hoạch dự kiến năm 2019 sẽ tăng nhẹ ở khoảng 6%. Mức dự báo tăng trưởng này là hợp lý xét cả về mặt lượng và giá để cung cấp cho thị trường, đặc biệt là các thị trường tăng trưởng mạnh mà do tình hình thiếu hụt, giá cá cao chưa thể cung cấp đủ trong hai năm qua, vừa để duy trì mức giá bán đảm bảo lợi nhuận cho người nuôi và doanh nghiệp.
- Năm 2019 với căng thẳng thương mại chưa có giải pháp cụ thể thì Việt Nam, trong đó có ngành thủy sản nói chung và cá tra nói riêng, hoàn toàn có thể tăng thị phần xuất khẩu cá tra vào Mỹ, thay thế cho cá rô phi Trung Quốc vốn đang chiếm 40% trong tổng sản lượng cá nhập khẩu của Mỹ. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) nếu được phê duyệt, thuế nhập khẩu sẽ được giảm từ mức hiện tại 5,5% xuống 0% trong 3 năm đối với cá philê đông lạnh và từ 7% xuống 0% trong 7 năm đối với cá philê đã chế biến. Tác động từ EVFTA sẽ là cú hích cho ngành cá tra và các mặt hàng thủy sản khác. Trong 2 năm tới, dự báo Trung Quốc tiếp tục là thị trường láng giềng rộng lớn và tiềm năng của cá tra Việt Nam do nhu cầu tiêu thụ rất lớn và đa dạng sản phẩm với nhiều mức giá khác nhau. Sự thuận lợi về vị trí địa lý, giao thông cũng là một lợi thế cho các doanh nghiệp cá tra sang thị trường này. Ngoài ra sự phát triển của thương mại điện tử ở Trung Quốc được đánh giá sẽ là một kênh giúp gia tăng nhu cầu tiêu thụ cá tra Việt Nam tại thị trường Trung Quốc.
- Chất lượng sẽ là yếu tố quyết định sự thành công của ngành cá tra Việt Nam trên thị trường thế giới. Với những quy định nghiêm ngặt về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm trên toàn chuỗi cung ứng bắt buộc các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, người nuôi cùng nhau thực hiện nghiêm túc các quy định này nhằm tạo nên uy tín lâu dài cho sản phẩm cá tra Việt Nam.
- Thương hiệu cá tra: năm 2019, Vĩnh Hoàn cùng với VASEP sẽ tiếp tục thực hiện các chương trình tiếp thị, quảng bá cho cá tra Việt Nam, song song đó tiếp tục kiến nghị cho cơ chế Quỹ phát triển thị trường theo mô hình của thủy sản Na Uy. Các chiến lược về thương hiệu cá tra nếu thực hiện hiệu quả sẽ phát huy tác dụng đặc biệt tại Châu Âu. Sau giai đoạn suy giảm tại thị trường này, với cú hích năm 2018, cá tra cần một sự trở lại mạnh mẽ hơn với cam kết về chất lượng và sự phát triển bền vững. VASEP kỳ vọng năm 2019 xuất khẩu cá tra vào Châu Âu sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức 20% so với năm 2018 và có thể đạt doanh số trên 300 triệu USD, làm tiền đề để tăng trưởng ổn định trong những năm tiếp theo, đưa thị trường Châu Âu trở lại vị trí dẫn đầu như đã đạt được trong những năm trước đây.

2.2.2 CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM CỦA VĨNH HOÀN

Ngày 19/03/2018

Bộ Thương mại Hoa Kỳ công bố kết quả cuối cùng của kỳ xem xét hành chính thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm fillet cá đông lạnh từ Việt Nam lần thứ 13, trong đó Vĩnh Hoàn tiếp tục được hưởng mức thuế chống bán giá bằng 0.

Tháng 04/2018

Sản phẩm cơm nắm Onigiri Rice Ball lọt vào vòng chung kết của cuộc thi Seafood Excellence Global Awards tại Seafood Expo Global 2018, Brussels.

Tháng 05/2018

Chủ tịch HĐQT Vĩnh Hoàn – Bà Trương Thị Lệ Khanh – tham dự Hội nghị CEO thực phẩm tươi sống toàn cầu (F20) quy tụ 20 nhà cung cấp thực phẩm tươi sống lớn nhất cho Alibaba – nền tảng thương mại điện tử lớn nhất thế giới.

Ngày 07/06/2018

Vĩnh Hoàn lần thứ 5 liên tiếp được vinh danh trong Tốp 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư và Công ty Chứng khoán Thiên Việt bình chọn.

Ngày 26/07/2018

Vĩnh Hoàn lần thứ 5 liên tiếp được vinh danh trong "Tốp 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam" của tạp chí Forbes.

Ngày 22/08/2018

Ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với Pharmaq nhằm triển khai tiêm vắc-xin ALPHA JECT Panga 2 cho cá tra trên diện rộng.

Ngày 29/08/2018

Vĩnh Hoàn góp 100% vốn (300 tỷ đồng) thành lập Công ty TNHH MTV Thực phẩm Vĩnh Phước để mua lại nhà máy và vùng nuôi hiện hữu với vị trí thuận lợi và lao động sẵn có. Sau thương vụ M&A này, Vĩnh Hoàn có thể tăng năng lực chế biến 20% mỗi năm trong vòng 2 năm tới, tạo cơ sở vững chắc để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong những năm tới.

Trong năm, Công ty không ngừng mở rộng công suất vùng nuôi:

- Từ tháng 09/2017, Công ty đã được UBND Tỉnh Long An cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án nuôi cá tra công nghiệp trên diện tích 219 ha tại xã Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Châu A, huyện Tân Hưng, Long An. Năm 2018, Công ty đã hoàn tất các thủ tục đất, tiến hành xây dựng và bắt đầu khai thác theo tiến độ ở vùng nuôi chiến lược này.
- Mua thêm 3 vùng nuôi với tổng diện tích hơn 100 ha, nâng tổng diện tích nuôi cá của Công ty lên gần 600ha.

Ngày 19/09/2018

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ công bố dự thảo về việc công nhận tương đồng cho cá tra nhập khẩu từ Việt Nam theo Chương trình Thanh tra cá da trơn Farm Bill.

Ngày 11/10/2018

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chi nhánh Cần Thơ vinh danh Vĩnh Hoàn là "Doanh nghiệp phát triển bền vững ĐBSCL", "Doanh nhân vì cộng đồng ĐBSCL", và "Doanh nghiệp tiêu biểu ĐBSCL năm 2018".
- Bà Trương Thị Lệ Khanh - Chủ tịch HĐQT Vĩnh Hoàn – cũng đồng thời được vinh danh là "Doanh nhân tiêu biểu ĐBSCL năm 2018".

Cuối tháng 10/2018

Hoàn tất thương vụ bán tài sản của Công ty con – Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2, là bước tái cấu trúc thành công mảng gạo kinh doanh không hiệu quả.

Ngày 09/11/2018

Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng danh hiệu "Doanh nghiệp vì Nhà nông" và giải thưởng "Bông lúa vàng".

Năm 2018 đánh dấu năm thành công rực rỡ của dự án sản phẩm công nghệ cao Collagen và Gelatin từ da cá, là năm đầu tiên dự án đạt thành tựu lớn, sản xuất hết công suất, tạo được uy tín và đạt doanh số bán hàng tăng hơn 100%.

Tiếp nối các hoạt động tri ân sau Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập vào ngày 27/12/2017, trong năm 2018, Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động mang dấu ấn văn hóa chia sẻ, có sức lan tỏa, tạo sự phấn khởi và gắn bó của công nhân viên:

- Tổ chức du lịch trong và ngoài nước cho gần 2.000 cán bộ công nhân viên với kinh phí hơn 8 tỷ đồng;
- Chương trình "Lễ tri ân đấng sinh thành" cho thân sinh cán bộ công nhân viên Công ty lần đầu tiên được tổ chức, đã mang lại những cảm xúc tích cực và tính gắn kết cao;
- Năm 2018 là năm thứ 3 liên tiếp Công ty thực hiện chương trình "Ánh sáng ước mơ" cho gần 1.000 trường hợp mổ mắt, mang ý nghĩa cộng đồng sâu sắc;
- Thực hiện tài trợ khó khăn và cấp học bổng từ 2 Quỹ nội bộ của Công ty;
- Các chương trình chăm sóc Tết cho người nghèo và các quỹ học bổng khác.

GIỐNG NHƯ CUỘC CÁCH MẠNG XANH TRƯỚC ĐÓ, CUỘC CÁCH MẠNG XANH TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HỨA HẸN SẼ TĂNG NĂNG SUẤT NHANH CHÓNG THÔNG QUA VIỆC TĂNG CƯỜNG SẢN XUẤT ĐỘNG THỰC VẬT.

(Costa-Pierce 2002; The Economist 2003)



2.2.3 TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2018 mở ra nhiều thách thức từ thị trường nguyên liệu trong nước lẫn rào cản thương mại ở thị trường xuất khẩu. Trên cơ sở phát huy các thế mạnh sẵn có cùng với sự hỗ trợ của các khách hàng và đối tác, Vĩnh Hoàn đã xuất sắc vượt qua và biến thách thức thành cơ hội để khắc lên một mốc son mới trong quá trình phát triển hơn 20 năm của mình.

Ban Giám đốc Công ty báo cáo với cổ đông các kết quả cụ thể của năm 2018 như sau:

TĂNG TRƯỞNG VỀ DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN SO VỚI NĂM 2017

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	% Tăng trưởng
Doanh thu hợp nhất	8.172	9.407	15%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	605	1.442	138%

MỨC ĐỘ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018 VỀ DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2018	Mức độ hoàn thành kế hoạch
Doanh thu hợp nhất	9.271	9.300	100%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	1.442	620	233%

Kết thúc năm 2017, ngành cá tra nói chung và Vĩnh Hoàn nói riêng đối mặt với tình hình thiếu hụt nguyên liệu, giá nguyên liệu tăng cao. Song song đó, về phía thị trường Mỹ lại có rào cản là Chương trình Thanh tra cá da trơn của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ ("USDA") gây tâm lý không ổn định do nhà nhập khẩu và phân phối không an tâm về khả năng cá tra được tiếp tục xuất khẩu vào thị trường này. Vĩnh Hoàn kết thúc năm 2018 với kết quả lợi nhuận vượt bậc trong bối cảnh ngành cá tra thành công rực rỡ đã minh chứng một điều: thách thức lớn đã chuyển thành cơ hội lớn. Đó là nhờ vào sự đầu tư tích lũy vào quy mô, hiệu quả sản xuất kinh doanh cùng với thương hiệu, mạng lưới khách hàng uy tín trong suốt lịch sử phát triển của Công ty, cùng với những yếu tố phát triển tích cực của một ngành hàng đã trưởng thành và chuyên nghiệp hơn.

Đầu tiên là yếu tố nguyên liệu: Thời tiết ấm hơn trong năm 2018 cùng với nguồn nguyên liệu tự cung, Công ty đã dần cải thiện về sản lượng nguyên liệu so với năm 2017 để đáp ứng tốt hơn các đơn hàng. Song song đó, Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược mở rộng quy mô sản xuất ở cả khâu nuôi và khâu chế biến. Công ty đã hoàn tất thương vụ mua lại nhà máy và tổng cộng 3 vùng nuôi mới, đồng thời hoàn thành xây dựng khu ương giống của vùng nuôi 220 ha tại tỉnh Long An, là dự án trọng điểm đã khởi động từ năm 2017. Kế đến là nhờ vào sự hoàn chỉnh của hệ thống quản lý chất lượng chung cùng với năng lực, quyết tâm cao của các cơ quan quản lý Nhà nước, phối hợp chặt chẽ với sự hoàn thiện điều kiện sản xuất của các nhà máy Vĩnh Hoàn, Việt Nam đã sơ bộ được xác định tương đồng trong Chương trình Thanh tra cá da trơn của USDA, là bước ổn định thị trường Mỹ, dẫn dắt sự tăng trưởng mạnh cho toàn ngành. Vượt qua rào cản kỹ thuật này, cá tra Việt Nam đã khẳng định được uy tín về chất lượng và kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm, trở thành một lợi thế cạnh tranh trên thị trường thế giới và tạo động lực cho toàn ngành tiếp tục đầu tư cải tiến.

DOANH THU

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2018 tăng 14% so với năm 2017. Nhóm các sản phẩm cá tra ghi nhận sự tăng trưởng ở cả lượng và giá bán hàng. Với sản lượng nguyên liệu và năng lực chế biến cải thiện so với năm 2017, trong năm Công ty đã nỗ lực cung cấp nhu cầu phát triển của thị trường, đặc biệt là ở thị trường Mỹ và Trung Quốc. Các sản phẩm giá trị gia tăng chưa thể tiếp tục tăng trưởng bứt phá trong năm 2018 do giá nguyên liệu tăng cao ảnh hưởng đến một số chương trình giá trị gia tăng vốn cần nhiều thời gian hơn để điều chỉnh giá. Doanh thu ở nhóm sản phẩm collagen tiếp tục tăng trưởng mạnh, đạt 283 tỷ đồng, tăng 1,8 lần so với năm 2017. Kết quả doanh thu của nhóm sản phẩm này trong năm đã khẳng định sự thành công của Vĩnh Hoàn ở mảng kinh doanh mới, gia tăng giá trị sản phẩm và hàm lượng công nghệ cao trong sản xuất. Đối với các loài thủy sản khác, Công ty chưa có chiến lược đẩy mạnh doanh thu do tập trung vào đầu tư mở rộng và đầu tư theo chiều sâu cho khâu nuôi, chế biến cá tra.

Về cơ cấu doanh thu theo loại hình kinh doanh nhìn chung không có sự thay đổi lớn so với các năm trước. Riêng đối với doanh thu bán hàng hóa, Công ty có sự tăng trưởng trở lại ở mảng kinh doanh thức ăn thủy sản. Doanh thu dịch vụ vẫn chủ yếu là từ dịch vụ xuất khẩu ủy thác cho Công ty Vạn Đức Tiền Giang.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm và loại hình kinh doanh qua các năm:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Loại doanh thu	Doanh thu thuần 2018	Tỷ trọng trong tổng doanh thu năm 2018	Doanh thu thuần 2017	Tỷ trọng trong tổng doanh thu năm 2017	Doanh thu thuần 2016	Tỷ trọng trong tổng doanh thu năm 2016
Doanh thu bán hàng thành phẩm	7.231	78,0%	6.252	76,7%	5.829	79,8%
Doanh thu phụ phẩm	1.102	11,9%	1.281	15,7%	1.043	14,3%
Doanh thu bán hàng hóa	864	9,3%	565	6,9%	406	5,6%
Doanh thu bán nguyên vật liệu	53	0,6%	47	0,6%	21	0,3%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21	0,2%	6	0,1%	4	0,1%
Tổng	**9.271**		**8.151**		**7.303**	

Phân tích doanh thu theo từng công ty con, năm 2018 Công ty ghi nhận sự tăng trưởng tốt về doanh thu của Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Collagen. Cụ thể như sau:

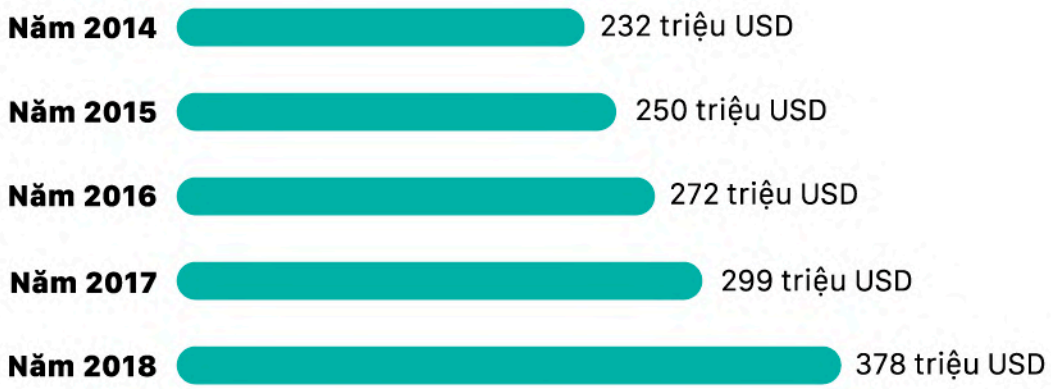
Đơn vị tính: tỷ đồng

Công ty	Doanh thu thuần 2018	Doanh thu thuần 2017	% Tăng trưởng
Công ty mẹ	7.748	5.619	38%
Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2	14	10	40%
Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Collagen	283	157	80%
Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	1.864	690	170%
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Vĩnh Phước	35	Chưa phát sinh	

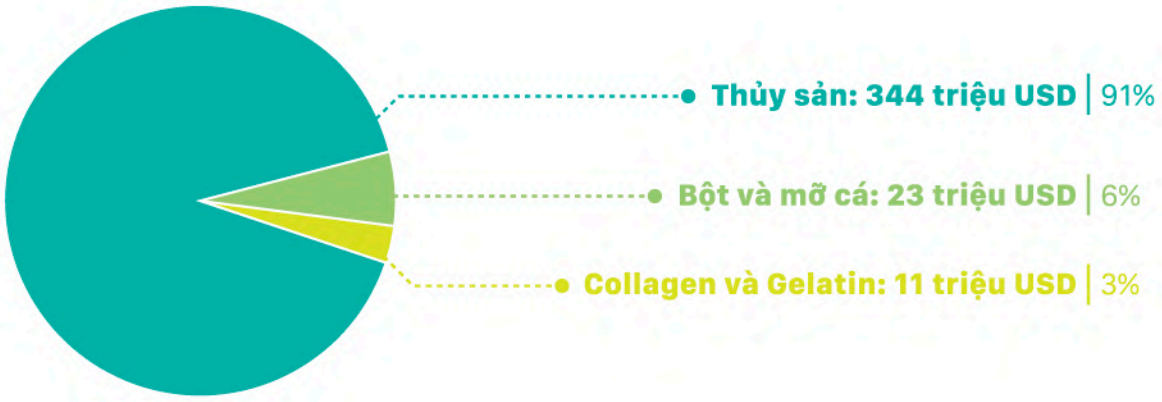
THỊ TRƯỜNG

Tuy năm 2018 không còn hợp nhất công ty Vạn Đức Tiền Giang, nhưng nhờ vào kế hoạch tăng năng suất kịp thời, Vĩnh Hoàn đã xuất sắc vượt mục tiêu bán hàng. Với tình hình khan hiếm nguyên liệu vào đầu năm, Công ty kết thúc quý I với sản lượng và trị giá xuất khẩu giảm so với cùng kỳ 2017. Tuy nhiên, các quý còn lại của năm Công ty đã điều chỉnh kịp thời cả về sản lượng cung ứng và giá bán, giúp tăng trưởng đều cho đến cuối năm. Có thể nói việc gia tăng năng lực sản xuất và mức giá bán tăng cao là hai yếu tố chính giúp Vĩnh Hoàn đạt được tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2018 là 378 triệu USD, tăng 26% so với năm 2017. Đóng góp chính vào sự tăng trưởng này là 2 nhóm sản phẩm cá tra và collagen. Trong năm, Công ty chưa tiếp tục thực hiện được chiến lược phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng do chi phí nguyên liệu tăng cao, không phù hợp với một số chương trình giá trị gia tăng cần mức giá ổn định. Tuy nhiên, trong năm đội ngũ phát triển sản phẩm và bán hàng vẫn không ngừng giới thiệu đến khách hàng các sản phẩm giá trị gia tăng mới thuộc dòng cá nướng, tẩm bột và tẩm gia vị, trong đó tín hiệu khả quan là một trong những khách hàng siêu thị trực tiếp của Công ty, Woolworths tại Úc, đã lựa chọn và bắt đầu mua 4 sản phẩm tẩm bột do Vĩnh Hoàn phát triển.

Tổng trị giá xuất khẩu của Công ty trong 5 năm qua

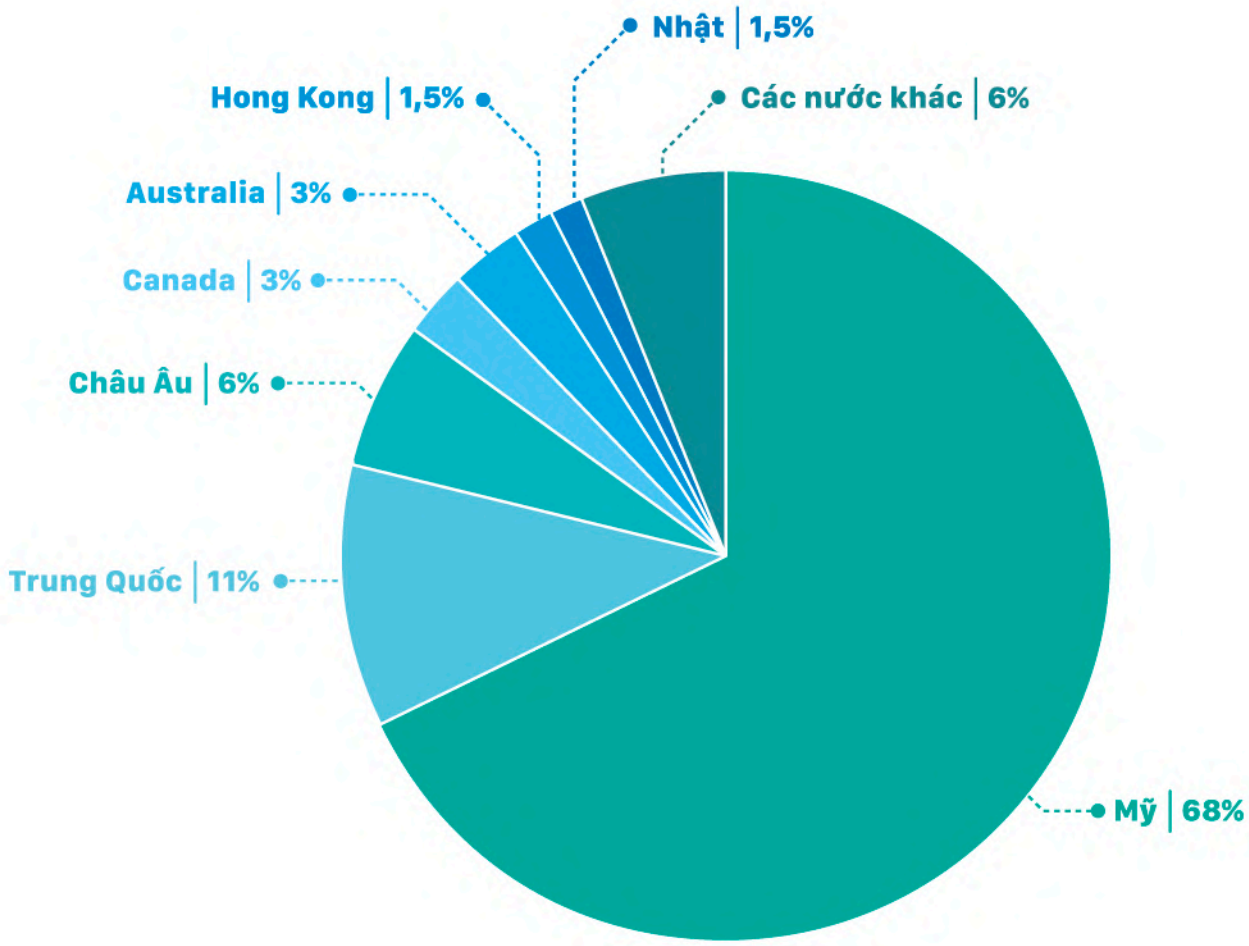


Các nhóm sản phẩm xuất khẩu chính năm 2018



Các sản phẩm cá tra năm 2018 được xuất khẩu sang 35 quốc gia. Nếu như trong năm 2017, Công ty phải giảm tỷ trọng xuất khẩu sang Mỹ xuống dưới 60% do đây là năm đầu tiên thực hiện Chương trình Thanh tra cá da trơn Farm Bill, có một số thay đổi về thủ tục gây tắc nghẽn giải phóng hàng và một số yếu tố chưa ổn định cho thị trường, thì năm 2018 Công ty đã tiếp tục phát triển thị trường thế mạnh này, nâng tỷ trọng lên 68%. Thị trường Trung Quốc tiếp tục trở thành thị trường lớn thứ 2 của Vĩnh Hoàn, chiếm tỷ trọng 11%, theo sau ở vị trí thứ 3 là khối thị trường Châu Âu, chiếm 6%. Tuy năm 2018 Công ty chưa có đủ năng suất để phát triển thị trường Châu Âu, ở khối thị trường này cũng đã ghi nhận một số bước phát triển quan trọng, làm tiền đề cho chiến lược khôi phục thị phần tại khối này trong năm 2019 và tương lai. Đáng chú ý là thị trường Tây Ban Nha, sau giai đoạn khủng hoảng truyền thông đầu năm 2017, Công ty đã nỗ lực tiếp thị và thực hiện được chương trình cung cấp cho siêu thị lớn nhất tại thị trường này, gia tăng đáng kể thị phần của Vĩnh Hoàn tại thị trường Tây Ban Nha. Một số thị trường Vĩnh Hoàn có thị phần cao bao gồm: Mỹ, Úc, Anh, Bỉ, Tây Ban Nha, Canada và Trung Quốc. Trong đó ghi nhận gia tăng thị phần của Vĩnh Hoàn trong năm 2018 là tại thị trường Mỹ, Trung Quốc, và Tây Ban Nha.

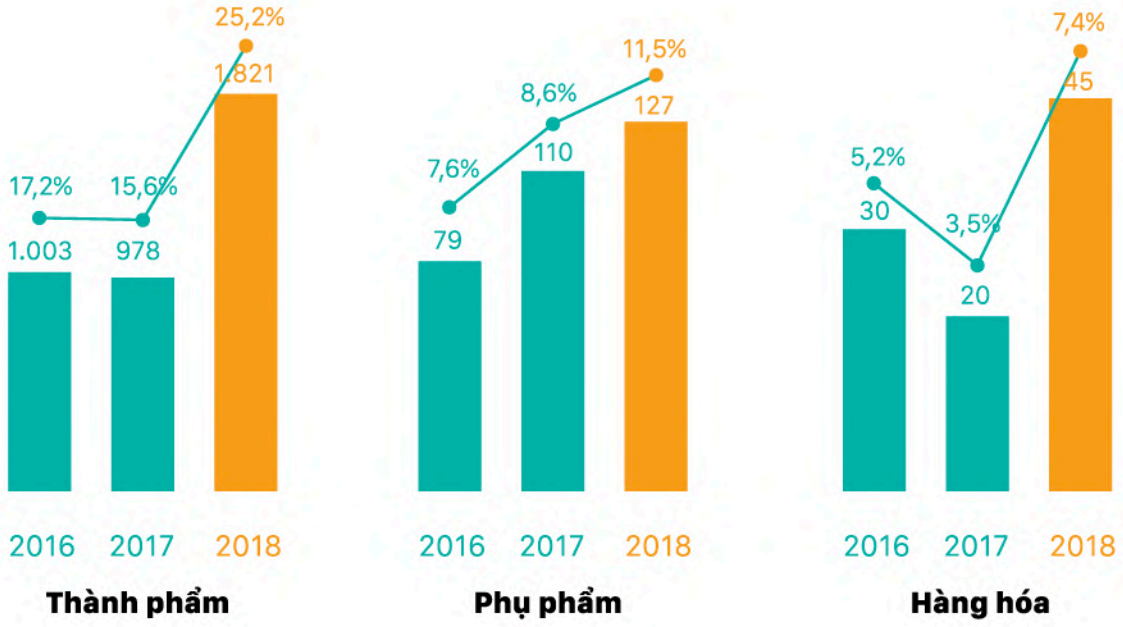
Cơ cấu các thị trường xuất khẩu của Vĩnh Hoàn năm 2018



LỢI NHUẬN

Lợi nhuận năm 2018 của Vĩnh Hoàn có sự tăng trưởng vượt bậc chủ yếu do tăng biên lợi nhuận có được từ mức giá bán được cải thiện tại thị trường xuất khẩu. Song song đó còn có sự đóng góp từ việc mở rộng sản xuất giúp gia tăng lợi nhuận, tiết giảm chi phí cố định. Năm 2018 tuy tổng sản lượng nguyên liệu toàn ngành có tăng so với năm 2017, diễn biến đầu năm lại rất khó khăn với tình hình khan hiếm nguyên liệu kéo dài, chi phí nguyên liệu gia tăng dẫn đến Công ty bị lỗ khá nhiều đơn hàng đã ký trước vào cuối năm 2017. Tuy nhiên tình hình được cải thiện bắt đầu từ quý II khi Việt Nam bước đầu vượt qua được kỳ đánh giá thực địa của chương trình thanh tra cá da trơn Farm Bill, giúp thị trường Mỹ có tâm lý giải tỏa, gia tăng mua hàng từ đó dẫn dắt mức giá bán tăng cao ở toàn bộ các thị trường khác. Về phía Vĩnh Hoàn, Công ty đã nỗ lực điều tiết kế hoạch nuôi cá và thu hoạch để trung hòa chi phí nguyên liệu mua ngoài cao để dần cải thiện lợi nhuận và biên lợi nhuận cho các quý còn lại và cuối cùng là xuất sắc hoàn thành vượt mục tiêu của năm 2018. Kết quả năm 2018 một lần nữa khẳng định giá trị của Công ty về mạng lưới khách hàng, thị trường và năng lực tự chủ nguồn nguyên liệu. Ngoài ra còn có sự đóng góp lợi nhuận lần đầu tiên từ Vĩnh Hoàn Collagen. Đồng thời, với nỗ lực gắn kết đảm bảo nguồn nguyên liệu, Công ty cũng mở rộng hoạt động kinh doanh thức ăn thủy sản, đem lại khoản lợi nhuận tăng thêm so với năm 2017. Lợi nhuận và biên lợi nhuận bán phụ phẩm cũng cải thiện đáng kể so với năm 2017. Hiện Công ty đang quy hoạch xây dựng xưởng bột cá và mỡ cá tại công ty con Vĩnh Phước để năm 2019 có thể gia tăng thêm công suất sản xuất cho hai sản phẩm phụ phẩm này.

Lợi nhuận gộp (tỷ đồng) và Biên lợi nhuận gộp (%) của các nhóm sản phẩm (2016-2018)



TỒN KHO

Cuối năm 2017, do tình hình nguyên liệu thiếu hụt, tồn kho giảm mạnh so với thông thường. Do đó cuối năm 2018 ghi nhận mức tồn kho thành phẩm tăng cao so với 2017 nhưng cũng là mức tồn kho trong tình hình nguyên liệu bình thường và phù hợp với sự gia tăng năng lực bán hàng.

Đơn vị tính: VND

Hàng tồn kho	Cuối năm 2018	Cuối năm 2017
Nguyên liệu, vật liệu	58.590.782.377	107.274.920.181
Công cụ, dụng cụ	2.591.935.850	9.359.200.807
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	516.216.251.080	724.965.997.461
Thành phẩm	918.022.718.264	401.746.053.734
Hàng hóa	6.301.185.373	7.004.022.918
Tổng cộng	**1.501.722.872.955**	**1.250.350.195.101**

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tỷ lệ cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 12/05/2018 là 20% bằng tiền mặt. Công ty đã thực hiện việc tạm ứng cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 20% mệnh giá vào ngày 20/12/2018.

THAY ĐỔI VỀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

Không có thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2018.

Tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 là 924.039.430.000 đồng.

2.3

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.3.1 THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN (Hợp nhất, đã kiểm toán)

Đơn vị tính: triệu đồng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2018
Tổng Doanh thu	**9.406.877**
Doanh thu thuần	9.271.329
Giá vốn hàng bán	7.231.966
Lợi nhuận gộp	2.039.363
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	354.011
Doanh thu hoạt động tài chính	137.003
Chi phí tài chính	167.116
Lợi nhuận từ công ty liên kết	78.752
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.733.990
Lợi nhuận khác	(46.428)
Thu nhập trước thuế và lãi vay (EBIT)	**1.743.548**
Thu nhập trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA)	**1.899.850**
Lợi nhuận trước thuế	1.687.562
Lợi nhuận sau thuế	1.442.098
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	**1.442.182**
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	92.403.943
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)	**15.489**

Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2014
8.172.376	**7.369.982**	**6.527.521**	**6.300.115**
8.151.497	7.303.546	6.493.390	6.292.449
6.979.607	6.236.783	5.690.816	5.469.173
1.171.889	1.066.764	802.575	823.275
410.702	381.056	370.120	406.786
58.396	86.739	166.250	238.198
88.525	92.877	210.038	64.704
0	0	0	0
731.058	679.569	388.667	589.984
(8.278)	(7.135)	(1.999)	(2.921)
794.222	**740.579**	**423.510**	**625.501**
993.068	**887.417**	**567.872**	**746.332**
722.781	672.433	386.668	587.062
604.574	565.438	320.833	462.913
604.706	**566.737**	**322.558**	**439.152**
92.301.883	92.318.614	92.403.943	91.371.686
6.118	**5.706**	**3.491**	**4.806**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Năm 2018
Tài sản ngắn hạn	4.140.347
Tài sản dài hạn	2.158.165
Tổng tài sản	6.298.512
Nợ ngắn hạn	2.250.750
Nợ dài hạn	32.580
Tổng nợ phải trả	2.283.331
Vốn chủ sở hữu	4.015.182
Lợi ích cổ đông thiểu số	0
Tổng cộng nguồn vốn	6.298.512
Tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu	0,57

BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Năm 2018
Lợi nhuận trước thuế	1.687.562
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	1.961.693
Thay đổi vốn lưu động trong kỳ	(1.281.465)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	680.227
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(702.079)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	19.940
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(1.912)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	43.242

Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2014
3.004.111	2.748.388	2.847.044	3.118.826
2.038.479	1.702.485	1.509.919	1.373.139
5.042.590	4.450.873	4.356.963	4.491.964
1.670.509	1.517.030	1.818.697	2.533.902
429.465	540.730	448.937	71.304
2.099.973	2.057.759	2.267.634	2.605.206
2.942.533	2.387.041	2.076.958	1.869.914
83	6.073	12.372	16.844
5.042.590	4.450.873	4.356.963	4.491.964
0,71	0,86	1,09	1,39

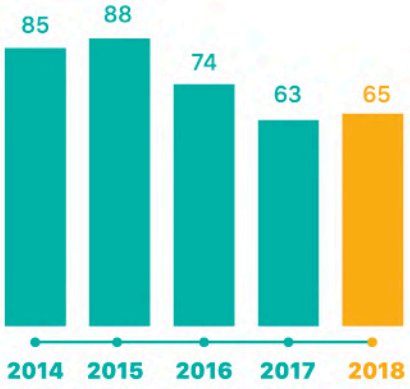
Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2014
722.781	672.433	386.668	587.062
873.618	886.150	537.962	535.937
(426.155)	69.431	(392.429)	(472.350)
447.463	955.581	145.534	63.587
(593.432)	(464.947)	480.471	(1.097.413)
26.606	(621.961)	(419.466)	1.049.374
(119.364)	(131.327)	206.539	15.548
45.345	164.636	296.093	89.238

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

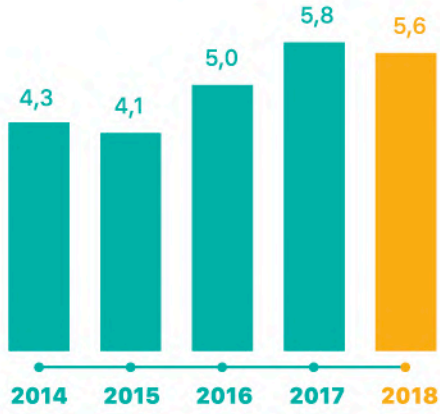
Chỉ tiêu	Năm 2018
Khả năng sinh lời	
Tỷ suất lợi nhuận gộp	22,00%
Tỷ suất lợi nhuận ròng (*)	15,56%
Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA) (*)	25,43%
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (ROE) (*)	41,46%
Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu	13,74%
Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế (*)	138,49%

(*): Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ

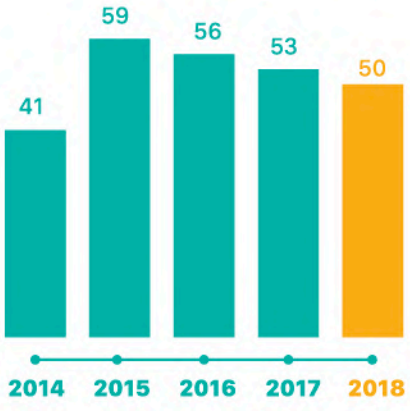
HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN



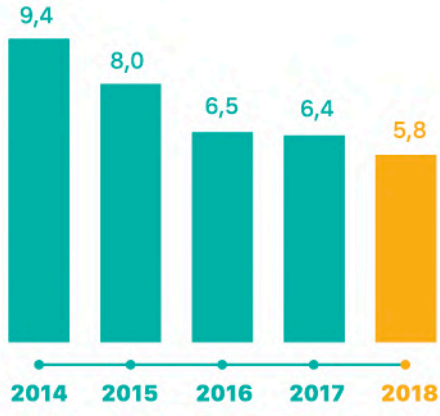
Số ngày tồn kho bình quân (ngày)



Vòng quay hàng tồn kho (vòng/năm)

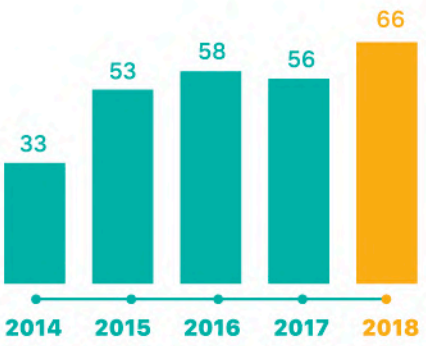


Số ngày trả tiền bình quân (ngày)

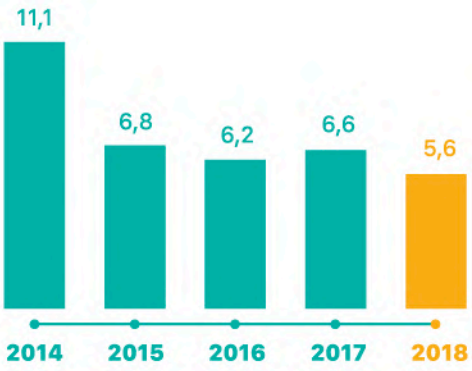


Vòng quay vốn lưu động (vòng/năm)

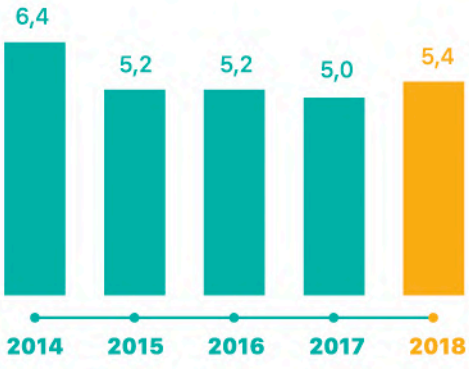
Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2014
14,38%	14,61%	12,36%	13,08%
7,42%	7,76%	4,97%	6,98%
12,74%	12,87%	7,29%	12,47%
22,69%	25,39%	16,35%	26,31%
11,61%	12,48%	3,19%	23,50%
6,70%	75,70%	-26,55%	177,27%



Số ngày thu tiền bình quân (ngày)



Vòng quay khoản phải thu (vòng/năm)



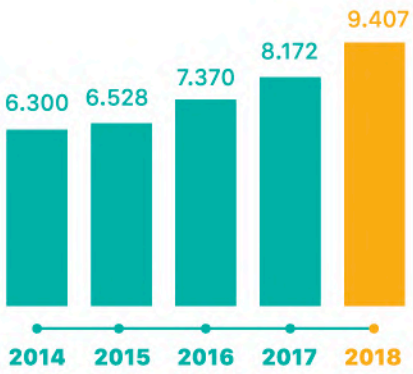
Vòng quay tài sản cố định (vòng/năm)

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

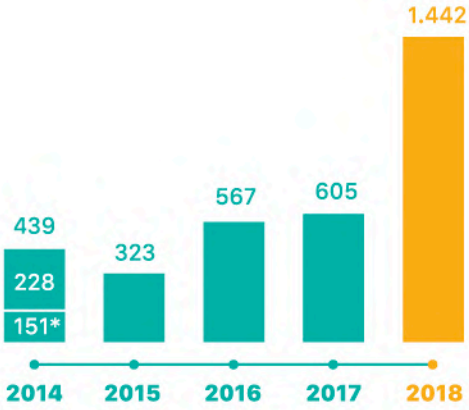


Khả năng đảm bảo lãi vay (lần)

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH



Tổng Doanh thu (tỷ đồng)



Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ (tỷ đồng)

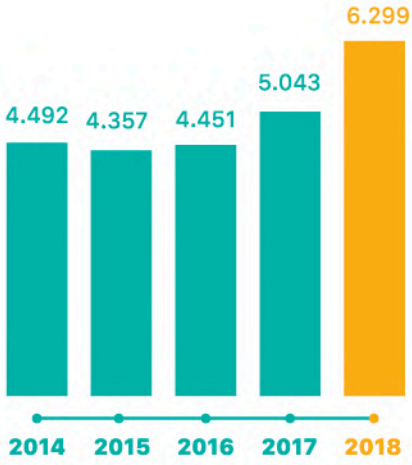
(*): Lợi nhuận bất thường từ thoái vốn tại Công ty CP Thức ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1



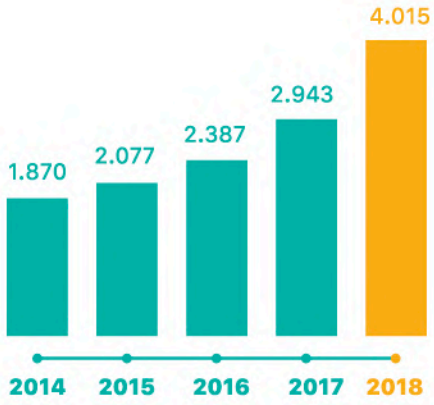
Tỷ số thanh toán hiện thời (lần)



Tỷ số thanh toán nhanh (lần)



Tổng tài sản (tỷ đồng)



Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)

2.3.2 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRONG NĂM

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Biến động
Tổng giá trị tài sản	6.299	5.043	25%
Doanh thu thuần	9.271	8.151	14%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.734	731	137%
Lợi nhuận khác	(46)	(8)	461%
Lợi nhuận sau thuế	1.442	605	139%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	1.442	605	138%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
1. Nhóm chỉ tiêu thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn *Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn*	1,84	1,80
Hệ số thanh toán nhanh *(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn*	1,22	1,08
2. Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số nợ/tổng tài sản	0,36	0,42
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	0,57	0,71

3. Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	5,59	5,78
Giá vốn hàng bán (tỷ đồng)	*7.232*	*6.980*
Hàng tồn kho bình quân (tỷ đồng)	*1.294*	*1.208*
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,47	1,62
4. Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	15,56%	7,42%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	41,46%	22,69%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	25,43%	12,74%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	18,70%	8,97%

PHÂN TÍCH VỀ TÀI SẢN

Năm 2018 lại tiếp tục là một năm Vĩnh Hoàn duy trì năng lực sản xuất trong tình hình thiếu hụt nguyên liệu trầm trọng. Vĩnh Hoàn đã xuất sắc hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2018 với một kỷ lục mới về lợi nhuận sau thuế vượt mốc ngàn tỷ đồng. Theo đó, các chỉ số về khả năng sinh lời cải thiện rất tốt, các chỉ số về thanh khoản và cơ cấu nợ cũng phản ánh theo hướng tích cực và an toàn.

Tổng tài sản tăng 25% so với năm 2017 chủ yếu là tăng tài sản cố định từ các dự án đầu tư sản xuất mới, cụ thể như sau:

Tài sản ngắn hạn

- Khoản mục "Đầu tư tài chính ngắn hạn" cuối năm 2018 được cơ cấu phù hợp hơn giúp gia tăng thu nhập của hoạt động tài chính.
- Khoản mục "Phải thu ngắn hạn" cuối năm 2018 tăng cao do 2 nguyên nhân chủ yếu sau:
  - Tỷ trọng bán hàng sang Mỹ năm 2018 tăng và do xuất khẩu tăng mạnh vào các tháng cuối năm,
  - Công nợ tại thị trường Mỹ thường cao hơn các thị trường khác do thời gian vận chuyển xa hơn và thời gian kiểm tra thông quan tại Mỹ.

Số vòng quay các khoản phải thu vì thế cũng chậm hơn so với năm 2017. Điều này cũng phù hợp với cơ cấu thị trường bán hàng năm 2018.

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Biến động
Vòng quay các khoản phải thu	5,57	6,57	(1,01)
Doanh thu thuần bán hàng hóa (tỷ đồng)	*9.271*	*8.151*	*13,7%*
Các khoản phải thu bình quân (tỷ đồng)	*1.666*	*1.240*	*34,3%*
Số ngày thu tiền bình quân	65,6	55,5	10,1

Hàng tồn kho

Cuối năm 2017 do tình hình nguyên liệu thiếu hụt, tồn kho giảm mạnh so với thông thường. Do đó, cuối năm 2018 ghi nhận mức tồn kho thành phẩm tăng cao so với 2017 nhưng cũng là mức tồn kho trong tình hình nguyên liệu bình thường và phù hợp với sự gia tăng năng lực bán hàng.

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Biến động
Vòng quay hàng tồn kho	5,59	5,78	(0,19)
Giá vốn hàng bán	7.232	6.980	3,6%
Hàng tồn kho bình quân	1.294	1.208	7,1%
Số ngày lưu kho bình quân	65,3	63,2	2,1

Tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn không thay đổi nhiều tuy nhiên trong từng khoản mục có thay đổi do Vĩnh Hoàn không còn sở hữu Công ty Vạn Đức Tiền Giang và chuyển thành khoản đầu tư vào công ty liên kết. Đồng thời, Công ty đã hoàn tất thương vụ bán lại tài sản của Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2. Bù lại, trong năm 2018, Công ty đã mua lại nhà máy hiện hữu ở huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cho công ty mới thành lập Vĩnh Phước.

Tình hình nợ phải trả

Trong nhiều năm qua, Vĩnh Hoàn luôn duy trì tình trạng tài chính lành mạnh thông qua các chỉ tiêu về nợ phải trả an toàn và ổn định.

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Biến động
Nợ ngắn hạn	2.251	1.671	35%
Vay và nợ ngắn hạn	1.269	1.008	26%
Nợ dài hạn	33	429	-92%
Tổng nợ phải trả	2.283	2.100	9%
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,45	0,42	0,09
Đòn bẩy tài chính *(Tổng tài sản/vốn chủ sở hữu)*	1,57	1,71	(0,15)

Tình hình kiểm soát chi phí

"Kiểm soát chi phí để tăng tính cạnh tranh" đã và sẽ luôn là khẩu hiệu của Vĩnh Hoàn trong hoạt động kinh doanh của mình.

Năm 2018, Công ty đã thực hiện thường xuyên các hoạt động phân tích, đánh giá, tránh thất thoát và lãng phí để sử dụng tối đa nguồn lực một cách hiệu quả nhất, đồng thời có biện pháp quản lý và khuyến khích giảm định mức tiêu hao các yếu tố đầu vào như nguyên liệu, năng lượng, vật tư và bao bì, đặc biệt là gia tăng tối đa năng lực sản xuất. Thông qua bộ phận Kiểm toán nội bộ, Công ty cũng đã xây dựng lại một số quy trình vận hành theo hướng hiệu quả hơn và ban hành Sổ tay rủi ro doanh nghiệp.

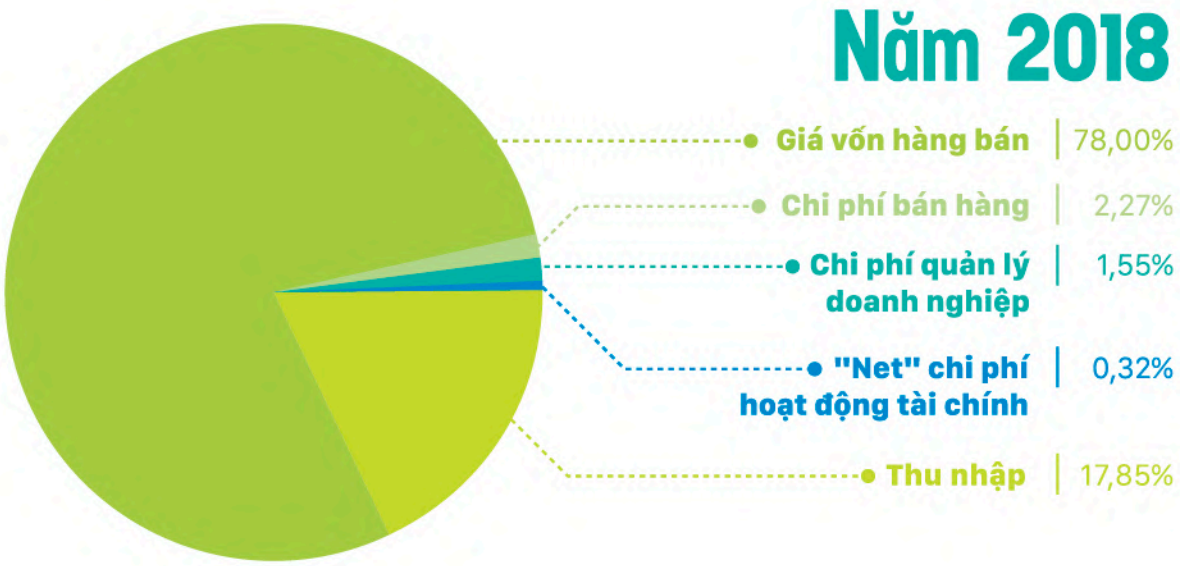
Tỷ trọng chi phí trên doanh thu thay đổi lớn từ mức 91% xuống còn 82%.

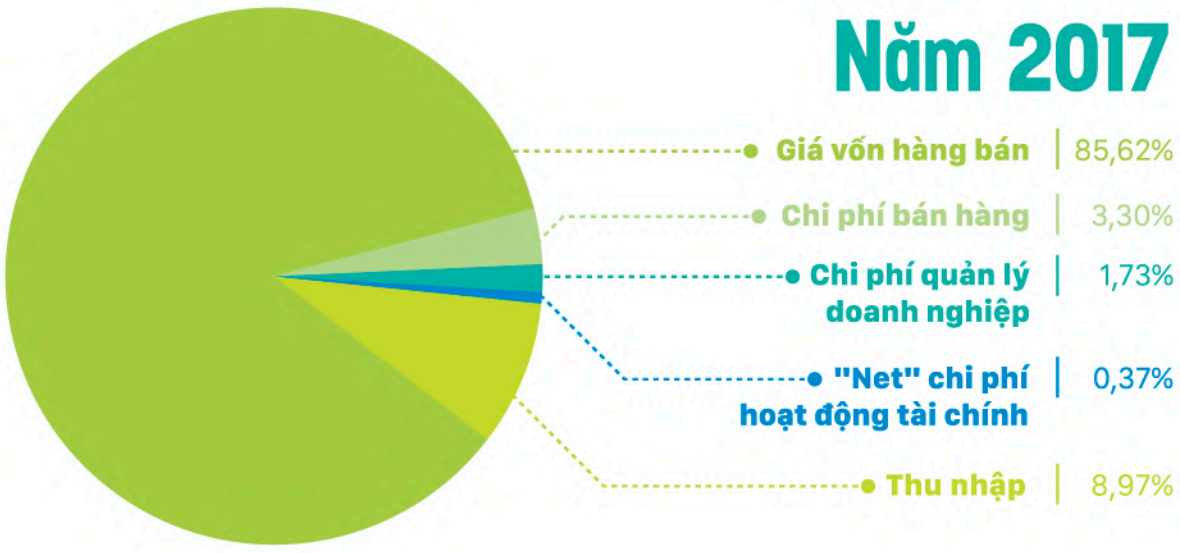
Hai khoản mục chi phí có tỷ trọng giảm so với năm 2017 là:

- Giá vốn hàng bán: Ngoài nguyên nhân do giá bán tăng cao cũng phải nhìn nhận nỗ lực của Vĩnh Hoàn trong việc kiểm soát chi phí đặc biệt chi phí nguyên liệu cũng gia tăng đáng kể trong năm 2018. Vĩnh Hoàn đã cố gắng cân đối giữa nguồn nguyên liệu tự sản xuất và mua ngoài nhằm tối ưu chi phí.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý và chi phí tài chính: Các tỷ trọng này đều giảm một phần nguyên nhân là do giá bán tăng cao tuy nhiên nhìn theo con số chi phí tuyệt đối thì chi phí gần như không thay đổi. Qua đó, cũng thấy nỗ lực của Vĩnh Hoàn trong việc kiểm soát chi phí.

Tình hình kiểm soát chi phí

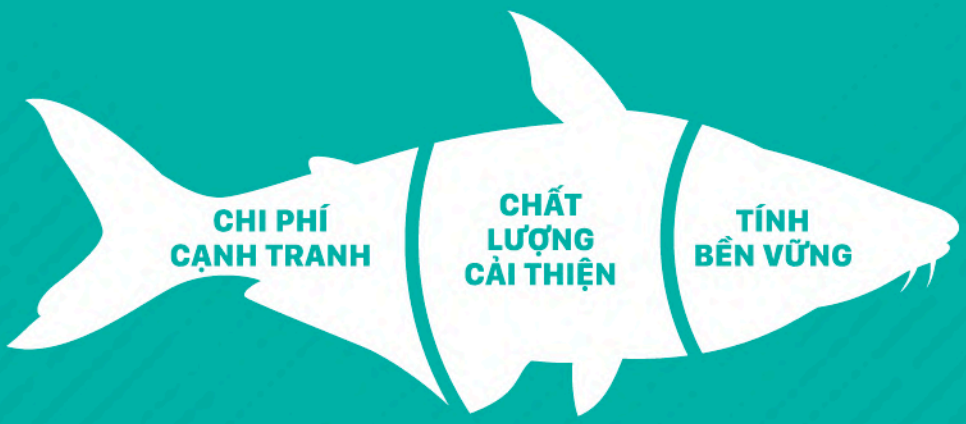
Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Biến động
Giá vốn hàng bán	78,00%	85,62%	-7,62%
Chi phí bán hàng	2,27%	3,30%	-1,04%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,55%	1,73%	-0,18%
"Net" chi phí hoạt động tài chính	0,32%	0,37%	-0,04%
Tổng cộng	**82,15%**	**91,03%**	**-8,88%**





CẢI TIẾN TRONG NUÔI TRỒNG KHÔNG NHỮNG CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG, TÍNH BỀN VỮNG MÀ CÒN ĐEM LẠI CHI PHÍ CẠNH TRANH.





2.4

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



2.4.1 TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Năm 2018 là năm tiếp theo Công ty thực hiện kế hoạch đầu tư mở rộng sản xuất cho chiến lược tăng trưởng 3 năm 2018-2020, với:

TỔNG CHI PHÍ ĐẦU TƯ NĂM 2018

715 tỷ đồng

CHO CÁC DỰ ÁN

- Xây dựng vùng nuôi 220 hecta ở huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Đây là dự án vùng nuôi mới với diện tích lớn nhất mà Công ty đã khởi động các thủ tục từ năm 2017. Trong năm 2018, Công ty đã triển khai xây dựng xong khu ương giống trên diện tích khoảng 50 hecta.
- Xây dựng thêm trên vùng nuôi hiện hữu.
- Mở rộng nhà máy của Thanh Bình, giúp công ty sẵn sàng tăng công suất lên 200 tấn nguyên liệu/ngày trong năm 2019.
- Mua lại 2 vùng nuôi hiện hữu với diện tích gần 70 hecta.
- Cải tạo xí nghiệp số 3 của Vĩnh Hoàn và cải tạo xí nghiệp sản xuất bột cá và mỡ cá.
- Mua lại nhà máy hiện hữu ở huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cho công ty mới thành lập Vĩnh Phước. Đây là cụm sản xuất thứ 3 của Vĩnh Hoàn với diện tích đất gần 17 hecta, phù hợp cho kế hoạch phát triển mở rộng thêm trong tương lai.

2.4.2 CÁC CÔNG TY CON

Công ty TNHH LƯƠNG THỰC VĨNH HOÀN 2 ("VĨNH HOÀN 2")

Vốn góp của Vĩnh Hoàn:

99,3%

Ngành nghề kinh doanh:

CHẾ BIẾN GẠO XUẤT KHẨU

Tháng 10/2018, Công ty đã hoàn tất thương vụ bán lại tài sản của Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2 cho đối tác nước ngoài. Trong bối cảnh khó khăn của ngành gạo những năm gần đây, thương vụ này là bước tái cấu trúc thành công, giúp Công ty không phát sinh lỗ do khấu hao tài sản của Vĩnh Hoàn 2 trong tương lai. Đầu năm 2019, Công ty cũng đã hoàn tất thủ tục giải thể Vĩnh Hoàn 2.







Công ty TNHH MTV VĨNH HOÀN COLLAGEN ("VĨNH HOÀN COLLAGEN")

Vốn góp của Vĩnh Hoàn:

100%

Ngành nghề kinh doanh:

SẢN XUẤT GELATIN VÀ COLLAGEN TỪ DA CÁ

Doanh thu 2018 của Vĩnh Hoàn Collagen đạt 283 tỷ đồng, tăng hơn 80% so với năm 2017. Năm 2018 tiếp tục là năm Vĩnh Hoàn Collagen phát triển doanh số bán hàng sau hơn 3 năm nỗ lực hoàn thiện sản phẩm và phát triển thị trường. Sản phẩm Collagen và Gelatin của Công ty đã từng bước khẳng định được chất lượng và khả năng cung ứng ổn định cho các nhà sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng ở Châu Âu, Mỹ, Nhật và Hàn Quốc. Năm 2018 cũng là năm khẳng định sự thành công của dự án kinh doanh ở lĩnh vực mới này của Vĩnh Hoàn khi Vĩnh Hoàn Collagen đã đạt được mức lợi nhuận tốt, tạo động lực cho Công ty trong quá trình thực hiện chiến lược gia tăng giá trị và hàm lượng công nghệ cao trong toàn chuỗi sản xuất.

Công ty TNHH MTV
THANH BÌNH ĐỒNG THÁP

("THANH BÌNH")

Vốn góp của Vĩnh Hoàn:

100%

Ngành nghề kinh doanh:

NUÔI VÀ CHẾ BIẾN CÁ TRA

Thanh Bình là cụm nhà máy chế biến cá tra mà Công ty đã mua lại vào tháng 02/2017 trong chiến lược mở rộng quy mô sản xuất. Thanh Bình, chỉ sau hơn một năm gia nhập Vĩnh Hoàn đã từng bước tăng năng lực chế biến, hoàn thiện quy trình để đóng góp gần 20% vào doanh thu chung của Công ty và đạt lợi nhuận sau thuế 180 tỷ đồng. Trong năm 2018, Thanh Bình đã thực hiện dự án mở rộng sản xuất sang nhà máy thứ 2, dự kiến sẽ thu hút thêm khoảng 1.000 lao động để tăng công suất chế biến lên 200 tấn nguyên liệu/ngày trong năm 2019.





Công ty TNHH MTV THỰC PHẨM VĨNH PHƯỚC ("VĨNH PHƯỚC")

Vốn góp của Vĩnh Hoàn:

100%

Ngành nghề kinh doanh:

NUÔI VÀ CHẾ BIẾN CÁ TRA

Tháng 08/2018, Vĩnh Hoàn góp 100% vốn tương đương 300 tỷ đồng thành lập Công ty TNHH Thực phẩm Vĩnh Phước để mua lại nhà máy và vùng nuôi hiện hữu của bên thứ ba với vị trí thuận lợi và lao động sẵn có. Sau Thanh Bình, Vĩnh Phước là bước tiếp nối hoàn thiện kế hoạch gia tăng công suất để đảm bảo mục tiêu tăng 20% mỗi năm giai đoạn 2019-2020, tạo cơ sở vững chắc để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong những năm tới. Vĩnh Phước hiện có một nhà máy chế biến cá tra công suất 150 tấn nguyên liệu/ngày trên diện tích gần 17 hecta, thuận tiện cho việc xây thêm nhà máy. Ngoài ra, Vĩnh Phước còn có 2 vùng nuôi với diện tích khoảng 70 hecta, góp phần duy trì và gia tăng tỷ lệ tự cung nguyên liệu cho toàn Công ty phù hợp với tốc độ tăng công suất chế biến. Cuối năm 2018, Vĩnh Phước đã nhanh chóng nâng cấp sửa chữa nhà máy, ổn định lực lượng lao động sẵn có và thu hút thêm lao động để có thể nhanh chóng đóng góp vào kết quả kinh doanh của toàn Công ty trong năm 2019. Hiện tại, Vĩnh Phước cũng đang thực hiện dự án xây dựng nhà máy sản xuất bột cá và mỡ cá trên diện tích đất sẵn có để sớm hoàn thiện chuỗi sản xuất mang lại hiệu quả cho Công ty.

2.5

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

2.5.1 CỔ PHẦN (TẠI NGÀY 22/03/2019)

Tổng số cổ phiếu	92.403.943	cổ phiếu
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000	đồng
Số lượng cổ phiếu quỹ	0	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	92.403.943	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Chương trình sở hữu cổ phiếu cho người lao động trong công ty (ESOP)	36.720	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	92.367.223	cổ phiếu

2.5.2 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (THEO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY 22/03/2019)

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	**Cổ đông Nhà nước**	**0**	**0,00**	**0**	**0**	**0**
2	**Cổ đông lớn**	**54.308.532**	**58,77**	**11**	**10**	**1**
	- Trong nước	39.575.142	42,83	1	0	1
	- Nước ngoài	14.733.390	15,94	10	10	0
3	**Công đoàn Công ty**	**46.911**	**0,05**	**1**	**1**	**0**
	- Trong nước	46.911	0,05	1	1	0
	- Nước ngoài					
4	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0,00**	**0**	**0**	**0**
5	**Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)**	**0**	**0,00**	**0**	**0**	**0**
6	**Cổ đông khác**	**38.048.500**	**41,17**	**2.475**	**86**	**2.389**
	- Trong nước	19.381.672	20,97	2.338	33	2.305
	- Nước ngoài	18.666.828	20,20	137	53	84
	TỔNG CỘNG	**92.403.943**	**100,00**	**2.487**	**97**	**2.390**
	Trong đó: - Trong nước	59.003.725	63,85	2.340	34	2.306
	- Nước ngoài	33.400.218	36,15	147	63	84

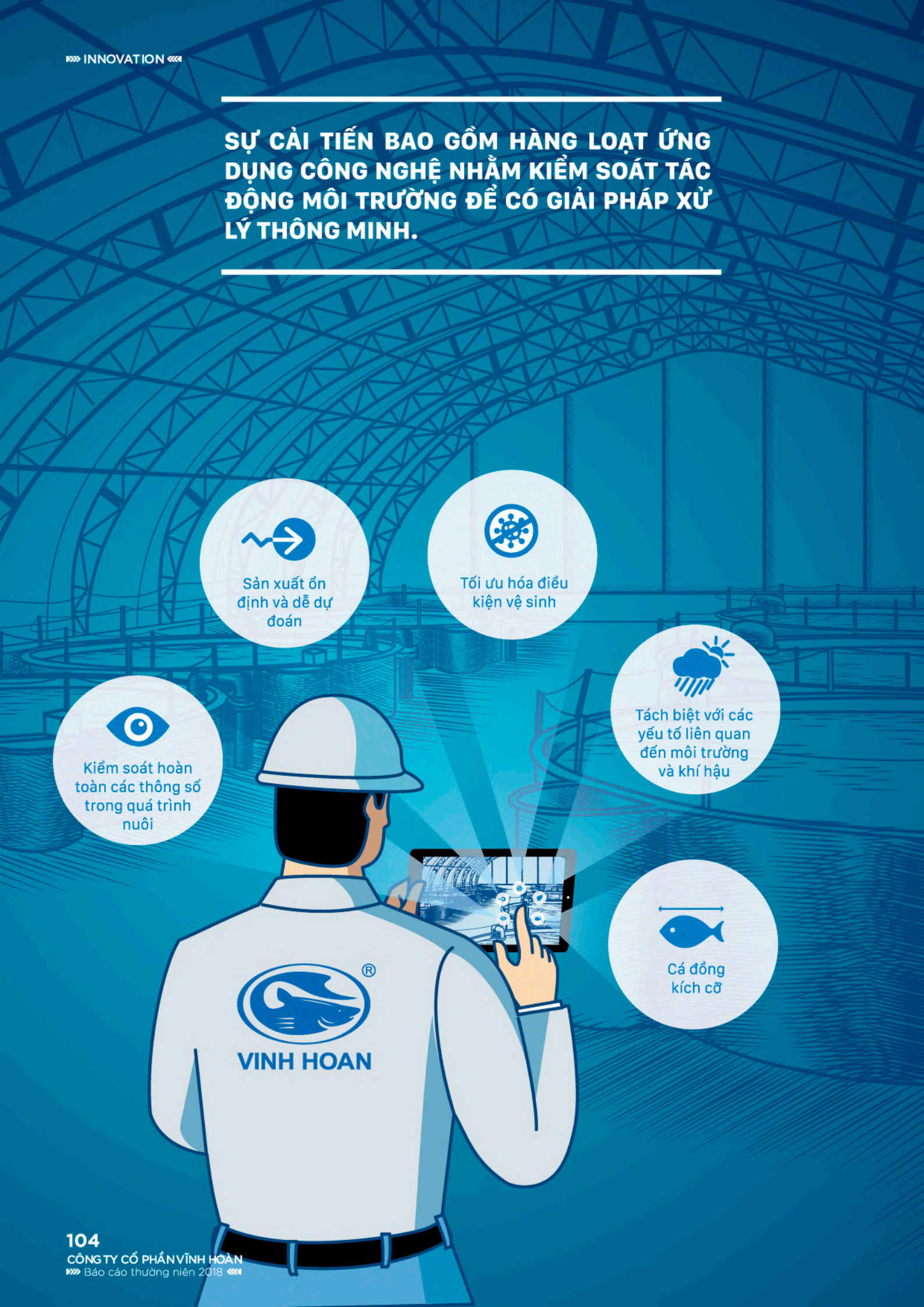
2.5.3 TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2018 không có thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

2.5.4 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2018, phát sinh một giao dịch bán cổ phiếu quỹ.
Số lượng cổ phiếu quỹ đã giao dịch: 102.060 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ còn lại: 0 cổ phiếu
Thời gian giao dịch: 29/11/2018 đến 13/12/2018
Giá giao dịch bình quân: 101.712 đồng/cổ phiếu

SỰ CẢI TIẾN BAO GỒM HÀNG LOẠT ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ NHẰM KIỂM SOÁT TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG ĐỂ CÓ GIẢI PHÁP XỬ LÝ THÔNG MINH.



2.6

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, Công ty hiểu rõ sự gắn bó mật thiết giữa sự phát triển bền vững trong tương lai với môi trường tự nhiên. Do đó, Công ty luôn thể hiện các cam kết cao nhất đối với môi trường và thông qua việc kiểm soát chặt chẽ toàn bộ các yếu tố sản xuất và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học. Bên cạnh đó, yếu tố con người cũng được Công ty ưu tiên thông qua các hoạt động chăm sóc, hỗ trợ đời sống của người lao động và cộng đồng địa phương.

2.6.1 QUẢN LÝ VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Nguồn cá nguyên liệu được kiểm soát chặt chẽ trong tất cả các khâu của quy trình nuôi và sản xuất. Tại vùng nuôi, hồ sơ được ghi chép đầy đủ cho các cá thể cá bố mẹ, cá giống, cá nuôi thương phẩm về các vấn đề liên quan đến sức khỏe cá, nguồn gốc của thức ăn, nguyên liệu cấu thành thức ăn nhằm kiểm soát độ an toàn, tính bền vững và tạo ra khả năng truy xuất nguyên liệu. Việc quản lý nguồn nguyên liệu còn được mở rộng đến an sinh động vật. Cá phải được nuôi, vận chuyển và chế biến trong điều kiện nhân đạo và không gây stress cho cá.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên triển khai các hoạt động tập huấn kiến thức-kỹ năng, hỗ trợ tư vấn cho các nhà cung cấp nguyên liệu trong việc đánh giá đạt chứng nhận về an toàn thực phẩm trong khâu nuôi trồng. Cụ thể, trong năm 2018, Công ty đã tổ chức 2 khóa đào tạo về an toàn thực phẩm cho người nuôi, hướng dẫn các hộ nuôi vận hành vùng nuôi theo tiêu chuẩn an toàn, đảm bảo các vấn đề về bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc, giúp tăng hơn 100% số lượng vùng nuôi của các hộ nuôi so với năm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Mỹ so với năm 2017.

Trong năm, Công ty tiếp tục duy trì và mở rộng vùng nuôi đạt chứng nhận, trở thành Công ty có vùng nuôi cá tra đạt các chứng nhận bền vững (ASC, BAP, GLOBALGAP) lớn nhất trên thế giới.

Đến cuối năm 2018, diện tích vùng nuôi đạt chứng nhận chiếm 80% trong tổng số vùng nuôi đang vận hành của Công ty. Theo định hướng đến năm 2020, 100% nguyên liệu cung cấp cho Công ty đạt ít nhất một chứng nhận về bền vững.

2.6.2 QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Việc tuân thủ các hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm và truy xuất nguồn gốc là yêu cầu tiên quyết của thị trường nhập khẩu, đặc biệt là còn phải đáp ứng một số tiêu chuẩn cao riêng biệt của các hệ thống phân phối lớn trên thế giới.

Tại nhà máy chế biến, Công ty đã đạt được các chứng nhận: ASC, GLOBALGAP, BAP, BRC, IFS, HACCP, HALAL, ISO 9001, ISO 22000, ISO 17025. Các sản phẩm được sản xuất trong điều kiện đảm bảo các tiêu chuẩn vi sinh và sự không hiện diện dư lượng kháng sinh, đảm bảo nhiệt độ đủ lạnh theo quy định để sản phẩm không bị biến chất trong quá trình sản xuất, vận chuyển và lưu kho.Việc kiểm soát dây chuyền và thành phẩm đều được thực hiện nghiêm túc, sẵn sàng cho mọi yêu cầu của khách hàng. Quan điểm xuyên suốt và chủ đạo về quản lý chất lượng của Vĩnh Hoàn chính là kiểm soát quy trình và các mối nguy được phân tích, chứ không chỉ đối phó với việc hàng hóa được thông quan tại cảng đến. Sản phẩm của Công ty được nhận diện đến tay người tiêu dùng, đảm bảo khả năng truy xuất đến tận ao nuôi khi có bất kỳ sự cố hay yêu cầu gì từ người mua.

Bên cạnh đó, việc nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân viên Công ty cũng được ban lãnh đạo quan tâm. Công ty đã thực hiện nhiều buổi tập huấn nội bộ và bên ngoài trong năm 2018 về thực hành sản xuất tốt. Từ đó, công nhân viên kiểm soát chặt chẽ quy trình nuôi trồng và chế biến thủy sản giúp tạo ra được sản phẩm chất lượng cao, tốt cho sức khỏe cho người tiêu dùng. Công ty đã tiếp đón nhiều đoàn đánh giá từ các cơ quan quản lý, người mua hàng và luôn đáp ứng được tất cả các tiêu chí của tất cả bên liên quan về quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm.

2.6.3 CÁC SÁNG KIẾN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Cải tiến và không ngừng khác biệt để phát triển là một trong những giá trị cốt lõi của Công ty. Do đó, Công ty không ngừng tìm tòi nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới, liên tục cải tiến các khâu trong quy trình nuôi và sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên năng lượng và năng suất lao động. Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện các cải tiến trong sản xuất và tiết kiệm được 12% lượng điện và 16% lượng nước sử dụng so với năm 2017.



2.6.4 CÁC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Trong năm, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động nghiên cứu và phát triển, trong đó nổi bật là hoạt động tiêm vaccine cho cá tra trên diện rộng.

Vào ngày 22/08/2018, đã diễn ra lễ ký kết hợp tác chiến lược giữa Công ty CP Vĩnh Hoàn và Tập đoàn Pharmaq mở đầu cho việc ứng dụng tiêm vaccine quy mô thương mại trên cá tra. Với việc ứng dụng công nghệ mới này, Công ty hướng tới phòng bệnh hơn chữa bệnh hướng tới mục tiêu không sử dụng kháng sinh trong quá trình nuôi, nâng cao sức khỏe cá giống, từ đó nâng cao tỷ lệ sống sót của cá thương phẩm, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững tập trung vào chất lượng sản phẩm và thân thiện với môi trường.



VIỆC TIÊM PHÒNG ĐÃ CÓ TÁC DỤNG TRỰC TIẾP TRONG VIỆC TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ PHÒNG NGỪA VÀ KIỂM SOÁT BỆNH TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU CỦA CHU KỲ TĂNG TRƯỞNG CÁ TRA. ĐỒNG THỜI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ GIẢM NHU CẦU TRỊ BỆNH BẰNG KHÁNG SINH, HOẶC LOẠI BỎ VÀ KHỬ TRÙNG.



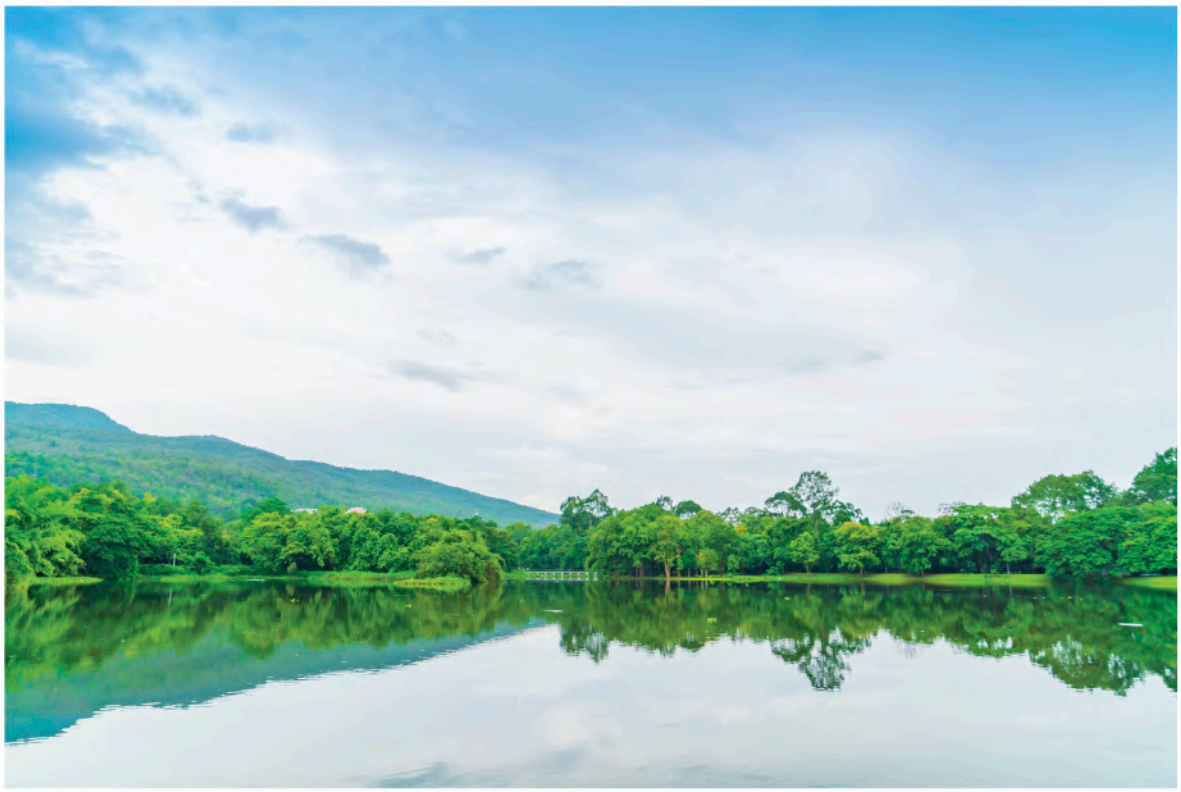
2.6.5 TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

Các nhà máy chế biến của Công ty đều đạt chứng nhận ISO 14001. Chứng nhận này quy định các tiêu chí cho một hệ thống quản lý môi trường hiệu quả. Vĩnh Hoàn thiết kế xây dựng các hệ thống quản lý nước thải của Công ty đảm bảo đạt loại A theo quy định của ngành và phù hợp với ISO cũng như các tiêu chuẩn quốc tế khác về môi trường như BAP, GLOBALGAP.

Công ty có đầy đủ giấy phép theo quy định liên quan đến môi trường.Tất cả các vùng nuôi và nhà máy chế biến đều thiết lập quy trình xử lý và kiểm soát chất lượng nước thải chặt chẽ theo quy định ngành. Ngoài ra, Công ty đảm bảo tính minh bạch thông qua việc thuê đơn vị thứ ba độc lập thực hiện đánh giá đầy đủ các tác động môi trường và có biện pháp phòng tránh hoặc giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động sản xuất.

Hiện tại, Công ty có khoảng 600 hecta để phục vụ cho nuôi trồng thủy sản, Công ty quy hoạch vùng nuôi bài bản ngay từ ban đầu theo định hướng thân thiện mới môi trường. Do đó, các vùng nuôi Công ty đều có quy hoạch ao xử lý nước thải và bùn thải đảm bảo không gây hại đến môi trường.

Ngoài ra, hoạt động của vùng nuôi và nhà máy chế biến đảm bảo không làm ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học của hệ sinh thái xung quanh. Cụ thể, không để cá thoát ra ngoài đe dọa đến sự sinh tồn của các loài thủy sinh khác, không giết hại động vật hoang dã trong danh sách bảo tồn, không triệt phá các hệ thực vật quan trọng của khu vực.



2.6.6 CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Để xây dựng, duy trì và phát triển đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp, Vĩnh Hoàn chủ trương chú trọng thực hiện một số chính sách liên quan đến người lao động như sau:

- Quản lý lao động – tiền lương: Rà soát chức năng nhiệm vụ của các bộ phận thuộc Khối, công ty con, chuẩn hóa các bản mô tả công việc.
- Hoàn thiện và ban hành quy định hỗ trợ điều kiện làm việc, nhằm nâng cao phúc lợi của nhân viên.
- Định kỳ Tiểu ban Nhân sự - Chính sách - Lương thưởng thực hiện rà soát, cập nhật và điều chỉnh các chính sách, quy chế, quy định, và quy trình về tiền lương, tuyển dụng, đào tạo,..phù hợp với điều kiện thực tế.

2.6.7 SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH

- Tập đoàn Vĩnh Hoàn: khoảng 7.000 lao động trực tiếp và gián tiếp (không bao gồm lao động tại công ty liên kết).
- Mức lương bình quân 2018 tăng khoảng 10% so với 2017.

2.6.8 CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẰM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Để đảm bảo sức khỏe cho người lao động làm việc lâu dài, Vĩnh Hoàn luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật liên quan đến an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp thông qua các biện pháp sau:

- Xây dựng và thực hiện hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe theo các quy định Pháp luật liên quan.
- Thành lập Ban an toàn sức khỏe với hơn 50 thành viên, cập nhật kịp thời và phổ biến đầy đủ đến người lao động trước khi tham gia vào dây chuyền sản xuất các nội quy, quy định liên quan đến an toàn lao động và vệ sinh lao động.
- 100% CBCNV được trang bị bảo hộ lao động, được tham gia bảo hiểm đầy đủ và khám sức khỏe định kỳ hàng năm để hạn chế tối đa những rủi ro cũng như phát hiện bệnh và điều trị kịp thời.
- Hàng năm, Công ty tổ chức tập huấn an toàn lao động cho tất cả CBCNV nói chung và các cán bộ, công nhân trực tiếp sản xuất nói riêng về sơ cấp cứu, an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn điện, phòng cháy chữa cháy,...
- Nơi làm việc văn phòng và nhà xưởng luôn đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng, kiểm soát tốt các yếu tố như bụi bẩn, tiếng ồn, độ ẩm,...được đo lường định kỳ bởi các cơ quan chức năng nhằm tránh gây hại cho môi trường và sức khỏe người lao động.
- Thành lập phòng y tế với đầy đủ trang thiết bị và có nhân viên y tế trực 24/24 để kịp thời sơ cứu và xử lý các tình huống khẩn cấp cũng như chăm sóc sức khỏe cho CBCNV. Tại mỗi bộ phận đều có trang bị các thùng y tế với đầy đủ danh mục dụng cụ y tế theo qui định của Bộ Y tế.

2.6.9 HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Để có nguồn nhân lực chất lượng cao, Vĩnh Hoàn chú trọng đào tạo đội ngũ nhân sự quản lý có trình độ chuyên môn về công nghệ thực phẩm và chế biến thủy sản để kiểm soát chất lượng sản phẩm. Do vậy, hàng năm Công ty tổ chức tuyển chọn các ứng viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao để bổ sung lực lượng nhân sự quản lý.
- Thực hiện việc tìm kiếm ứng viên, phỏng vấn, đánh giá, và lựa chọn tuyển dụng đáp ứng các yêu cầu tuyển dụng theo đúng quy trình tuyển dụng phỏng vấn.
- Thực hiện đầy đủ theo kế hoạch đào tạo, huấn luyện đảm bảo nguồn nhân lực cho sự phát triển bền vững, đảm bảo kế thừa cho Công ty như các lớp về kỹ năng quản lý cho quản lý cấp trung, các kỹ năng mềm về quản lý nhân sự,...

2.6.10 CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG VÀ HỌC TẬP LIÊN TỤC ĐỂ HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐẢM BẢO CÓ VIỆC LÀM VÀ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP

- Công tác đào tạo – phát triển: thực hiện chương trình hoạch định nhân sự kế thừa cho các vị trí trọng yếu cấp cao và cấp trung, bộ phận gián tiếp và trực tiếp sản xuất.
- Hoàn tất xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân và tổ chức các hoạt động đào tạo phát triển ứng viên.
- Công tác đánh giá năng lực: Ứng dụng bộ năng lực chuẩn vào hoạt động phát triển và đánh giá năng lực từ cấp quản lý đến cấp nhân viên.

2.6.11 CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Cùng Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Tháp chung tay chăm lo cho người lao động phát sữa cho 30 Công đoàn viên của Công ty.
- Tiếp tục thực hiện chương trình "Mái ấm Công đoàn", Công ty đã kết hợp cùng Công đoàn xây nhà cho 5 anh, chị Công đoàn viên thuộc diện khó khăn để anh/chị em an tâm lao động sản xuất tại Công ty.
- Chung tay chăm lo và hỗ trợ kịp thời cho Cán bộ công nhân viên trong công ty có hoàn cảnh khó khăn từ "Quỹ Trợ cấp khó khăn", chi hỗ trợ 5 hoàn cảnh khó khăn do bệnh tật và "Quỹ học bổng" với tổng kinh phí hỗ trợ gần 200 triệu đồng.
- Tiếp tục thực hiện chương trình "Mái ấm Vĩnh Hoàn" hỗ trợ 01 căn nhà cho Công đoàn viên là công nhân trực tiếp sản xuất tại xí nghiệp với kinh phí 75 triệu đồng.
- Tổ chức Lễ "Tri ân đấng sinh thành" cho thân sinh của CBCNV với tổng chi phí gần 1 tỷ đồng.
- Phát thưởng học sinh giỏi cho 500 em là con của CBCNV Công ty.
- Tổ chức du lịch trong và ngoài nước cho CBCNV với tổng kinh phí gần 8 tỷ đồng.

2.6.12 BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh việc chú trọng phát triển sản xuất kinh doanh, Vĩnh Hoàn còn quan tâm đến các chương trình chăm sóc, tri ân cộng đồng. Trong năm 2018, Vĩnh Hoàn thực hiện các hoạt động cộng đồng chủ yếu sau:

- Phối hợp cùng Hội Bảo trợ người tàn tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo tỉnh Đồng Tháp tổ chức các chương trình sau với tổng kinh phí 1 tỷ đồng:
  - Trao 3.000 thẻ BHYT cho các hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp với tổng kinh phí hơn 200 triệu đồng, góp phần giúp bà con nghèo vượt qua các căn bệnh hiểm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.
  - Tài trợ các ca mổ tim cho các bệnh nhân bị bệnh tim trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp kết hợp với Bệnh viện Chợ Rẫy với tổng kinh phí gần 500 triệu đồng.
  - Trao tặng xe lăn, xe lắc, xe đạp cho các trường hợp người khuyết tật, học sinh, sinh viên nghèo có thành tích cao trong học tập (bao gồm 25 xe đạp, 60 xe lăn và 50 xe lắc).
- Thực hiện chương trình "Ánh sáng ước mơ" với 1.000 ca mổ kết hợp cùng các bác sĩ đến từ TP. Hồ Chí Minh với kinh phí hơn 500 triệu đồng.
- Trong dịp tết Nguyên Đán, Công ty đã tài trợ lễ Hội xuân tỉnh Đồng Tháp 500 triệu đồng để tạo bộ mặt thành phố Cao Lãnh thêm khang trang và bà con vui xuân đón Tết đầm ấm, vui vẻ.
- Tiếp tục cùng hội khuyến học của tỉnh Đồng Tháp và trên địa bàn tỉnh trao học bổng cho các em học sinh nghèo vượt khó học giỏi với tổng chi phí hơn 200 triệu đồng.
- Ngoài ra, Vĩnh Hoàn còn tài trợ phát gạo cho người nghèo và một số hoạt động cộng đồng khác.



Đại diện CTCP Vĩnh Hoàn trao thẻ Bảo hiểm y tế cho các hộ cận nghèo của tỉnh Đồng Tháp



Đại diện CTCP Vĩnh Hoàn phát gạo cho các gia đình khó khăn trong tỉnh Đồng Tháp



Đại diện CTCP Vĩnh Hoàn trao quà cho bệnh nhân thuộc Chương trình "Tài trợ mổ tim"



Chương trình "Mái ấm Công đoàn"



Chương trình "Ánh sáng ước mơ"



Đại diện CTCP Vĩnh Hoàn trao xe lăn, xe lắc cho người khuyết tật tại tỉnh Đồng Tháp



Đại diện Công đoàn phát sữa cho 30 Công đoàn viên



Lễ phát thưởng học sinh giỏi năm học 2017-2018 cho con em CBCNV Công ty



Lễ tri ân đấng sinh thành



CBCNV chụp hình tập thể trong chuyến du lịch đến Thái Lan



Theo Liên minh nuôi trồng thủy sản toàn cầu (GAA), cải tiến trong nuôi trồng thủy sản được định nghĩa là bao gồm, nhưng không giới hạn, trong:

- Các công nghệ có thể giảm thiểu sự xuất hiện của các bệnh tật hoặc ký sinh trên động vật, giảm hoặc loại bỏ việc sử dụng kháng sinh trong điều trị bệnh động vật; hoặc
- Các công nghệ vừa giúp gia tăng hiệu quả sản xuất ở cấp độ ươm giống hoặc nuôi thịt vừa đồng thời giảm thiểu các tác động lên môi trường; hoặc
- Các tiến bộ trong công nghệ nuôi trên biển hoặc nuôi khép kín trên bờ; hoặc
- Thành phần thức ăn phi truyền thống (novel feed); hoặc
- Sự giảm thiểu dấu chân cacbon thông qua cải thiện hiệu quả năng lượng hoặc tái sinh (tái chế); hoặc
- Các chương trình xã hội được thiết kế để cải thiện điều kiện sống và làm việc ở trang trại hoặc cơ sở chế biến.



03

QUẢN TRỊ CÔNG TY

3.1 Hội đồng quản trị

3.2 Ban Kiểm soát

3.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3.1.1 HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2018

CÁC BUỔI HỌP CHÍNH THỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG 2018

Họ & tên	Chức vụ	Số lần dự họp	Tỷ lệ tham dự
Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch HĐQT	08/08	100%
Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên HĐQT	08/08	100%
Trương Tuyết Hoa	Thành viên HĐQT	08/08	100%
Nguyễn Thị Kim Đào	Thành viên HĐQT	08/08	100%
Võ Phú Đức	Thành viên HĐQT	08/08	100%

Bên cạnh các buổi họp định kỳ hàng quý, Hội đồng Quản trị có tổ chức các buổi họp khác, trao đổi trực tiếp qua điện thoại và email khi phù hợp, thảo luận tình hình quản trị và các quyết định chiến lược của Công ty, bao gồm một số vấn đề cụ thể như:

- Kế hoạch Kinh doanh hàng quý trong năm 2018 và Kế hoạch Kinh doanh năm 2019;
- Theo dõi, giám sát các hoạt động của BGĐ thực hiện các chiến lược đã đề ra;
- Xem xét các báo cáo thực hiện kinh doanh, báo cáo sản xuất, báo cáo hoạt động nuôi của Vĩnh Hoàn, các công ty con và công ty liên kết;
- Quy hoạch cán bộ quản lý cấp cao và quyết định bổ nhiệm các chức danh quản lý trong thẩm quyền của HĐQT;

  Xem xét và quyết định các phương án đầu tư, huy động vốn, chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng tài sản, mở rộng sản xuất trong thẩm quyền của HĐQT; và
- Xem xét và xử lý các vấn đề được nêu ra trong báo cáo của Ban Kiểm soát.

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT TRONG NĂM 2018

- Nghị quyết ngày 09/02/2018 về việc tăng vốn điều lệ tại công ty con;
- Nghị quyết ngày 10/02/2018 về việc điều chỉnh dự án đầu tư ra nước ngoài vào Octogone Holdings Pte Ltd;
- Nghị quyết ngày 02/03/2018 về việc chi trả cổ tức 2017 bằng tiền;
- Nghị quyết ngày 20/07/2018 về việc chuyển nhượng góp vốn ở Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2;
- Nghị quyết ngày 29/08/2018 về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Thực phẩm Vĩnh Phước;
- Nghị quyết ngày 05/09/2018 về việc thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ; và
- Nghị quyết ngày 23/11/2018 về việc tạm ứng chi trả cổ tức 2018.

3.1.2 HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TIỂU BAN NHÂN SỰ - CHÍNH SÁCH - LƯƠNG THƯỞNG

Trong năm 2018, Tiểu ban Nhân sự - Chính sách - Lương thưởng đã thực hiện:

- Tham gia đề xuất và tư vấn cho HĐQT trong chủ trương quy hoạch các cán bộ cấp cao, bao gồm thành viên Ban Giám đốc Vĩnh Hoàn và định hướng điều phối nhân sự Ban Giám đốc các công ty thành viên trình bởi Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn.
- Hỗ trợ đề xuất giao chỉ tiêu hoạt động ("KPIs") cho Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Công ty.

TIỂU BAN MUA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Trong năm 2018, Tiểu ban Mua hàng hóa, dịch vụ đã thực hiện:

- Hỗ trợ phòng Mua hàng và bộ phận Quản lý Chất lượng tham gia đánh giá các nhà cung cấp bao bì;
- Cung cấp ý kiến tư vấn chọn nhà cung cấp;
- Phê duyệt giá cá nguyên liệu mua ngoài khi phát sinh, hỗ trợ công tác sản xuất kịp thời trong tình hình sản lượng nguyên liệu thấp;
- Đề xuất chính sách giá nguyên liệu và giá thức ăn trình HĐQT.

3.2

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2018 và kế hoạch hoạt động 2019

3.2.1 HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018

Họ & tên	Chức vụ	Số lần dự họp	Số lần dự họp	Lý do không tham dự họp
Ông Nguyễn Ngọc Thành	Trưởng BKS (đã từ nhiệm)	1/6	33%	Từ nhiệm từ ngày 12/05/2018
Bà Phan Thị Kiều Oanh	Thành viên BKS	1/6	33%	Từ nhiệm từ ngày 12/05/2018
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Trưởng BKS (mới bổ nhiệm)	5/6	83%	Bà Vân được ĐHĐCĐ bầu vào BKS từ ngày 12/05/2018
Bà Nguyễn Thị Thái Ly	Thành viên BKS	6/6	100%	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên BKS	4/6	67%	Ông Vinh được ĐHĐCĐ bầu vào BKS từ ngày 12/05/2018

3.2.2 HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

- Giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của BGĐ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; giám sát việc thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ;
- Tham dự các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, BGĐ ban hành trong quá trình quản trị Tập đoàn nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Tập đoàn tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của ĐHĐCĐ.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Lập kế hoạch và định hướng các hoạt động của bộ phận kiểm soát nội bộ;

  Xem xét các quy trình kiểm soát nội bộ của các phòng ban chủ chốt, đề xuất cải thiện các điểm yếu trong quy trình (nếu có);
- Kiểm tra tính hệ thống, nhất quán, và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính tại công ty;
- Xem xét các Báo cáo, các vấn đề phát sinh của các công ty kiểm toán độc lập và rà soát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, và cuối năm.
- Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với HĐQT, BGĐ và các cán bộ quản lý khác trong giám sát và nâng cao hiệu quả các hoạt động tại Công ty.
- Ban Kiểm soát đánh giá việc quản lý, điều hành của HĐQT, BGĐ đã được thực hiện hiệu quả, cẩn trọng, và phù hợp với các chiến lược, mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra cũng như tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật.

3.2.3 HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Kiểm soát và hoàn thiện quy trình mua hàng;
- Kiểm soát quy trình bán hàng và thanh toán;
- Kiểm soát và hoàn thiện quy trình sản xuất;
- Tham gia chứng kiến kiểm kê;
- Tư vấn cho HĐQT các tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị kiểm toán, thông báo cho HĐQT các thủ tục trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua đơn vị kiểm toán độc lập cho năm 2019 trong kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

3.2.4 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

- Thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Nghị định 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ;
- Tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư của Công ty;
- Giám sát HĐQT, BGĐ Tập đoàn thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019;
- Tập trung kiểm soát các rủi ro chính đã phát hiện trong năm 2018;
- Thẩm tra định kỳ tính tuân thủ và hiệu quả của các quy trình nội bộ;
- Đào tạo nội bộ;
- Các hoạt động khác theo yêu cầu của cổ đông.

3.3

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

3.3.1 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2018, đã phát sinh các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ như sau:

Loại giao dịch	Tổ chức /Cá nhân giao dịch	Người liên quan	
		Tên	Chức vụ
Bán	Trương Tuyết Hoa		Thành viên HĐQT- Giám đốc Kinh doanh
Bán	Trương Tuyết Phương	Trương Tuyết Hoa	Thành viên HĐQT- Giám đốc Kinh doanh
Bán	Lê Thị Diệu Thi		Giám đốc Chất lượng
Bán	Hồ Thanh Huệ		Giám đốc Sản xuất

(*) Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu sau giao dịch được tính dựa trên số lượng cổ phiếu sở hữu sau khi hoàn tất giao dịch trên tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày hoàn tất giao dịch.



Số lượng cổ phiếu				Ngày thực hiện	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu sau giao dịch (%) *
Trước giao dịch	Mua	Bán	Sau giao dịch		
21.907		19.000	2.907	05/04/2018	0,003
38.026		34.020	4.006	15/03/2018	0,004
18.184		9.000	9.184	07/11/2018	0,010
53.727		14.000	39.727	13/10/2018	0,043



04

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018

4.1 Thông tin về doanh nghiệp
4.2 Báo cáo của Ban Giám đốc
4.3 Báo cáo kiểm toán độc lập
4.4 Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 - DN/HN)
4.5 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 - DN/HN)
4.6 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 - DN/HN)
4.7 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 - DN/HN)

4.1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

4.1.1 GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Mã số doanh nghiệp số 1400112623 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất ngày 29 tháng 12 năm 2016

4.1.2 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên
Ông Võ Phú Đức	Thành viên
Bà Trương Tuyết Hoa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Đào	Thành viên

4.1.3 BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Trưởng ban (từ ngày 12 tháng 5 năm 2018)
Ông Nguyễn Ngọc Thành	Trưởng ban (đến ngày 12 tháng 5 năm 2018)
Bà Nguyễn Thị Thái Ly	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên (từ ngày 12 tháng 5 năm 2018)
Bà Phan Thị Kiều Oanh	Thành viên (đến ngày 12 tháng 5 năm 2018)

4.1.4 BAN GIÁM ĐỐC

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Đức Trung	Giám đốc thường trực
Bà Trương Tuyết Hoa	Giám đốc kinh doanh
Bà Nguyễn Thị Kim Đào	Giám đốc tài chính
Bà Hồ Thanh Huệ	Giám đốc sản xuất
Bà Đặng Thị Thương	Giám đốc phát triển bền vững
Bà Lê Thị Diệu Thi	Giám đốc chất lượng (từ ngày 25 tháng 12 năm 2017)

4.1.5 NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Bà Trương Thị Lệ Khanh Chủ tịch Hội đồng Quản trị

4.1.6 TRỤ SỞ CHÍNH

Quốc lộ 30, phường 11, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

4.1.7 KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

4.2

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

4.2.1 TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

4.2.2 PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 47. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH
Chủ tịch

Tỉnh Đồng Tháp, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2019

4.3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2018 và được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 26 tháng 3 năm 2019. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên và thuyết minh cho báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 47.

4.3.1 TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

4.3.2 TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

4.3.3 Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)





MAI VIẾT HÙNG TRÂN
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

TRIỆU NGUYÊN DUY
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3022-2019-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM8037
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2019

4.4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**4.140.347.276.090**	**3.004.110.967.925**
110	**Tiền**		**43.241.847.762**	**45.344.991.423**
111	Tiền	4	43.241.847.762	45.344.991.423
120	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**607.749.887.456**	**372.822.249.924**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5(a)	607.749.887.456	372.822.249.924
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**2.001.762.641.975**	**1.329.416.952.221**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.923.825.653.716	1.211.607.864.033
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	57.710.280.128	88.816.290.883
136	Phải thu ngắn hạn khác	8	24.064.216.893	32.322.844.712
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.837.508.762)	(3.330.047.407)
140	**Hàng tồn kho**	**9**	**1.385.654.133.209**	**1.202.370.830.996**
141	Hàng tồn kho		1.501.722.872.955	1.250.350.195.101
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(116.068.739.746)	(47.979.364.105)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**101.938.765.688**	**54.155.943.361**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		12.309.483.720	3.404.677.866
152	Thuế GTGT được khấu trừ		89.629.281.968	50.492.135.110
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	259.130.385
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.158.165.179.189**	**2.038.478.534.429**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**1.563.796.625**	**1.456.379.625**
216	Phải thu dài hạn khác		1.563.796.625	1.456.379.625
220	**Tài sản cố định**		**1.397.238.799.687**	**1.565.828.947.902**
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	1.110.184.998.800	1.408.291.199.920
222	Nguyên giá		1.958.910.920.456	2.381.685.407.368
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(848.725.921.656)	(973.394.207.448)

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	287.053.800.887	157.537.747.982
228	Nguyên giá		294.120.452.518	175.441.071.886
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.066.651.631)	(17.903.323.904)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**258.754.816.482**	**224.285.956.057**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	258.754.816.482	224.285.956.057
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**389.355.091.933**	**1.297.729.978**
252	Đầu tư vào công ty liên kết	5(b)	387.940.661.955	-
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.414.429.978	1.297.729.978
260	**Tài sản dài hạn khác**		**111.252.674.462**	**245.609.520.867**
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	60.973.104.588	128.982.179.560
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19	4.689.035.714	3.140.451.514
269	Lợi thế thương mại	13	45.590.534.160	113.486.889.793
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**6.298.512.455.279**	**5.042.589.502.354**
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**2.283.330.774.315**	**2.099.973.450.522**
310	**Nợ ngắn hạn**		**2.250.750.376.315**	**1.670.508.724.200**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	274.386.646.870	233.078.917.957
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		11.434.807.754	65.544.542.598
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	15	257.436.065.576	105.933.001.781
314	Phải trả người lao động		137.477.117.757	118.072.835.469
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		5.834.139.125	12.404.108.112
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	258.562.649.346	79.124.265.487
320	Vay ngắn hạn	17	1.269.447.095.123	1.008.178.927.948
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	36.171.854.764	48.172.124.848
330	**Nợ dài hạn**		**32.580.398.000**	**429.464.726.322**
338	Vay dài hạn	17	-	402.300.000.000
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19	14.895.000.000	19.946.145.322
342	Dự phòng phải trả dài hạn	18	7.951.048.000	7.218.581.000
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		9.734.350.000	-

400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**4.015.181.680.964**	**2.942.616.051.832**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**4.015.181.680.964**	**2.942.616.051.832**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21, 22	924.039.430.000	924.039.430.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*924.039.430.000*	*924.039.430.000*
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	223.774.789.900	216.409.744.645
415	Cổ phiếu quỹ	22	-	(3.015.672.745)
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22	-	(357.597.012)
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	2.867.367.461.064	1.805.456.932.995
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		*1.609.911.936.752*	*1.209.893.178.979*
421b	*LNST chưa phân phối của năm nay*		*1.257.455.524.312*	*595.563.754.016*
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	-	83.213.949
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**6.298.512.455.279**	**5.042.589.502.354**

HÀ THỊ PHƯƠNG THỦY HỒNG NHUNG
Kế toán trưởng/Người lập

TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

4.5

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

Mẫu số B 02 – DN/HN

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2018	2017
01	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**9.406.877.067.192**	**8.172.376.252.171**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(135.547.982.698)	(20.879.574.064)
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**27**	**9.271.329.084.494**	**8.151.496.678.107**
11	**Giá vốn hàng bán**	**28**	**(7.231.966.110.890)**	**(6.979.607.337.425)**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**2.039.362.973.604**	**1.171.889.340.682**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	29	137.003.001.788	58.396.039.931
22	Chi phí tài chính	30	(167.116.436.972)	(88.524.689.138)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*	*30*	*(55.985.954.528)*	*(71.440.932.223)*
24	Phần lãi trong công ty liên kết		78.751.826.955	-
25	Chi phí bán hàng	31	(210.445.968.727)	(269.403.201.556)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	(143.565.499.402)	(141.299.187.674)
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**1.733.989.897.246**	**731.058.302.245**
31	Thu nhập khác		3.162.655.021	11.521.085.610
32	Chi phí khác		(49.590.427.383)	(19.798.793.921)
40	**Lỗ khác**		**(46.427.772.362)**	**(8.277.708.311)**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**1.687.562.124.884**	**722.780.593.934**
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	33	(252.063.378.043)	(109.555.628.124)

52	Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	33	6.599.729.522	(8.650.519.699)
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**1.442.098.476.363**	**604.574.446.111**
	Phân bổ cho:			
61	**Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ**		**1.442.181.690.312**	**604.706.151.216**
62	**Phần thuộc về cổ đông không kiểm soát**	**23**	**(83.213.949)**	**(131.705.105)**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**25**	**15.489**	**6.118**
71	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**25**	**15.489**	**6.118**

HÀ THỊ PHƯƠNG THỦY HỒNG NHUNG
Kế toán trưởng/Người lập

TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

4.6

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Mẫu số B 03 – DN/HN

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2018	2017
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**1.687.562.124.884**	**722.780.593.934**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	11,13	156.301.707.548	198.846.054.060
03	Lập dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		96.329.303.996	(96.363.730.572)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		7.887.799.279	6.972.390.435
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(42.374.234.602)	(30.058.532.610)
06	Chi phí lãi vay		55.985.954.528	71.440.932.223
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**1.961.692.655.633**	**873.617.707.470**
09	Tăng các khoản phải thu		(1.293.522.710.875)	(176.142.829.257)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(652.644.352.130)	74.353.409.618
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		843.749.914.400	(108.953.221.553)
12	(Tăng)/giảm chi phí		(12.220.952.695	14.800.676.847
14	Tiền lãi vay đã trả		(54.708.108.455)	(73.934.851.268)
15	Thuế TNDN đã nộp	15	(97.800.115.214)	(115.360.235.637)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(14.319.100.327)	(40.918.089.678)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**680.227.230.337**	**447.462.566.542**

	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(714.768.152.175)	(242.641.007.176)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		169.488.131.314	90.909.091
23	Chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		(1.777.720.000.000)	(600.007.058.602)
24	Thu hồi tiền cho vay và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		1.542.792.362.468	396.460.000.000
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(116.700.000)	(182.088.674.634)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.085.194.315	19.172.808.000
27	Thu lãi tiền cho vay, lãi tiền gửi và ứng trước		72.159.720.416	15.581.123.776
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(702.079.443.662)**	**(593.431.899.545)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tái phát hành cổ phiếu quỹ		10.380.718.000	-
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	17	4.932.839.245.502	4.760.649.651.955
34	Chi trả nợ gốc vay	17	(4.559.898.419.884)	(4.734.043.719.934)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	24	(363.381.375.400)	(299.250)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**19.940.168.218**	**26.605.632.771**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(1.912.045.107**	**(119.363.700.232)**
60	**Tiền đầu năm**	4	**45.344.991.423**	**164.635.864.246**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(191.098.554)	72.827.409
70	**Tiền cuối năm**	4	**43.241.847.762**	**45.344.991.423**

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng bằng tiền cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày ở Thuyết minh 36.

HÀ THỊ PHƯƠNG THỦY HỒNG NHUNG
Kế toán trưởng/Người lập

TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

4.7

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018

4.7.1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Vĩnh Hoàn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên với mã số doanh nghiệp 1400112623 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 17 tháng 4 năm 2007.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 24 tháng 12 năm 2007 theo Quyết định số 179/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là:

- Nuôi trồng thủy sản nội địa; chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; mua bán thủy hải sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản và thức ăn thủy hải sản; và
- Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 4 công ty con và 2 công ty liên kết (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 5 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp). Chi tiết các công ty con và công ty liên kết được trình bày dưới đây:

Mẫu số B 09 – DN/HN

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	
			31.12.2018	31.12.2017
CÔNG TY CON				
Công ty TNHH MTV thực phẩm Vĩnh Phước	Kinh doanh thủy sản	Ấp An Phú, Xã An Nhơn, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp	100%	-
Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2	Kinh doanh lương thực	Ấp Tân An, Xã Bình Thạnh Trung, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp	99,3%	99,3%
Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Collagen	Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen	Quốc lộ 30, Phường 11, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	Kinh doanh thủy sản	Cụm công nghiệp Thanh Bình, xã Bình Thành, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
CÔNG TY LIÊN KẾT				
Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Kinh doanh thủy sản	Ấp Đông Hoà, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	35%	100%
Octogone Holdings Pte., Ltd.	Kinh doanh thủy sản và thực phẩm chức năng	Phòng 6 Lầu 1 Tòa nhà Bharat, Số 3 Đường Raffles Place, Singapore	25%	100%

4.7.2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1) CƠ SỞ CỦA VIỆC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thực hành kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2) NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

3) ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hang thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái bình quân kỳ giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do quy đổi cơ sở hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4) CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc

mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành. Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

5) LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

6) TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

7) KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối niên độ. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

8) HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

9) ĐẦU TƯ

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Đầu tư vào các công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.4).

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc đã dự đoán từ khi đầu tư.

10) TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu ngắn hơn. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	4 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
Phần mềm vi tính	4 – 5 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

11) THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

12) CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước được hạch toán theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hữu dụng ước tính.

13) NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

14) VAY

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng thương mại.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

15) CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

16) CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

17) QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế TNDN và được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

18) DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

19) VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế TNDN tại thời điểm báo cáo.

20) PHÂN CHIA LỢI NHUẬN THUẦN

Cổ tức

Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

21) GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

22) CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

23) GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

24) CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

25) CHI PHÍ BÁN HÀNG

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí cho nhân viên bán hàng, giới thiệu và quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển và chi phí bằng tiền khác.

26) CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các chi phí về lương và phúc lợi của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí dụng cụ văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp và chi phí bằng tiền khác.

27) THUẾ TNDN HIỆN HÀNH VÀ THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

28) CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm

quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

29) BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tập đoàn nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.

4.7.3 HỢP NHẤT KINH DOANH

a) Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang, từ công ty con thành công ty liên kết

Trong năm, Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang ("Công ty Vạn Đức Tiền Giang") đã tiến hành tăng vốn điều lệ lên 872.639.960.000 đồng bằng nguồn huy động vốn góp từ một đơn vị đầu tư khác. Theo thỏa thuận góp vốn, phần tỷ lệ sở hữu của Công ty trong tổng vốn điều lệ mới giảm từ 100% xuống còn 35% từ ngày 28 tháng 2 năm 2018. Theo đó, Công ty không hợp nhất báo cáo tài chính Công ty Vạn Đức Tiền Giang từ ngày mất quyền kiểm soát.

b) Thoái vốn tại Octogone Holdings Pte., Ltd., từ công ty con thành công ty liên kết

Trong năm, Octogone Holdings Pte., Ltd. ("Công ty Octogone") đã tiến hành chuyển nhượng 525.001 cổ phần của Công ty tại Công ty Octogone Holdings cho một đơn vị đầu tư khác, giảm tỷ lệ sở hữu từ 100% xuống còn 25% từ ngày 28 tháng 2 năm 2018. Theo đó, Công ty không hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Octogone từ ngày mất quyền kiểm soát.

c) Thành lập Công ty TNHH MTV thực phẩm Vĩnh Phước

Trong năm, Công ty đã góp 100% vốn thành lập Công ty TNHH MTV thực phẩm Vĩnh Phước với vốn điều lệ là 300 tỷ đồng. Theo đó Công ty hợp nhất Công ty TNHH MTV thực phẩm Vĩnh Phước từ ngày thành lập công ty này (ngày 4 tháng 9 năm 2018).

4.7.4 TIỀN

	Tại 31.12.2018 VND	Tại 31.12.2017 VND
Tiền mặt	327.879.395	1.186.753.377
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.913.968.367	44.158.238.046
Tổng cộng	**43.241.847.762**	**45.344.991.423**

4.7.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại 31.12.2018		Tại 31.12.2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	607.749.887.456	607.749.887.456	372.822.249.924	372.822.249.924

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất cố định bằng Đồng Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 63.140.000.000 đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng vay trị giá 300.000.000.000 đồng (Thuyết minh 17), đáo hạn vào ngày 31 tháng 8 năm 2019, được cấp bởi BIDV – Chi nhánh Tiền Giang.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV – Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 22.000.000.000 đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng vay trị giá 22.000.000.000 đồng của Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp, đáo hạn vào ngày 30 tháng 1 năm 2019.

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Tại 31.12.2018		Tại 31.12.2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Vạn Đức Tiền Giang (i)	386.880.055.875	-	-	-
Công ty Octogone (ii)	1.060.606.080	-	-	-
Tổng cộng	**387.940.661.955**	-	-	-

(i) Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 9 tháng 2 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua quyết định thu hồi phần lợi nhuận chưa phân phối của Công ty Vạn Đức Tiền Giang, đồng thời tăng vốn điều lệ của Công ty Vạn Đức Tiền Giang lên 872.639.960.000 đồng bằng nguồn huy động vốn góp bằng tiền mặt của một đơn vị đầu tư khác.

Theo đó, Công ty Vạn Đức Tiền Giang đã tiến hành ký thỏa thuận với một đơn vị đầu tư về việc góp vốn tăng vốn điều lệ. Theo thỏa thuận này, nhà đầu tư mới sẽ góp 567.216.000.000 đồng bằng tiền mặt và nắm giữ 65% tỷ lệ sở hữu trong tổng vốn điều lệ mới tăng thêm từ ngày 28 tháng 2 năm 2018. Phần tỷ lệ sở hữu của Công ty trong vốn điều lệ mới sẽ giảm tương ứng, từ 100% xuống còn 35%.

(ii) Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 10 tháng 2 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 525.001 cổ phần tại Công ty Octogone cho một đơn vị đầu tư khác. Theo đó, Công ty đã tiến hành ký thỏa thuận với nhà đầu tư mới này về việc chuyển nhượng vốn cổ phần nói trên, qua đó giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty Octogone từ 100% xuống còn 25% từ ngày 28 tháng 2 năm 2018.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.

Giá trị hợp lý

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa có các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

4.7.6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31.12.2018 VND	Tại 31.12.2017 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)(i))	20.400.075.501	444.881.264
Bên thứ ba	1.903.425.578.215	1.211.162.982.769
Tổng cộng	**1.923.825.653.716**	**1.211.607.864.033**

(*) Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng số dư phải thu khách hàng là Coast Beacon với số dư phải thu là 1.451.342.974.536 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản phải thu khách hàng có giá trị 12.750.000 đô la Mỹ (tương đương 296.246.250.000 đồng theo tỷ giá áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng tín dụng có hạn mức 21.500.000 đô la Mỹ, được cấp bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản phải thu khách hàng có giá trị 10.000.000 đô la Mỹ (tương đương 232.350.000.000 đồng theo tỷ giá áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng tín dụng có hạn mức 14.000.000 đô la Mỹ, được cấp bởi Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 3.956.628.834 đồng và 3.878.215.206 đồng với thời gian quá hạn trên 1 năm.

4.7.7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 31.12.2018 VND	Tại 31.12.2017 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)(ii))		46.122.408.100
Bên thứ ba	57.710.280.128	42.693.882.783
Tổng cộng	**57.710.280.128**	**88.816.290.883**

(*) Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng số dư khoản trả trước cho người bán là Công ty TNHH MTV Bồi Anh với số dư trả trước là 31.559.401.547 đồng.

4.7.8 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31.12.2018 VND	Tại 31.12.2017 VND
Lãi tiền gửi phải thu	8.235.345.808	11.365.568.903
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh 37(b)(iii))	6.319.401.318	9.334.295.944
Tạm ứng	671.767.890	2.112.662.865
Khác	8.837.701.877	9.510.317.000
Tổng cộng	**24.064.216.893**	**32.322.844.712**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn không có khoản phải thu khác quá hạn hoặc còn trong hạn nhưng khó thu hồi.

4.7.9 HÀNG TỒN KHO

	Tại 31.12.2018		Tại 31.12.2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	58.590.782.388	-	107.274.920.181	-
Công cụ, dụng cụ	2.591.935.850	--	9.359.200.807	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	516.216.251.080		724.965.997.461	-
Thành phẩm	918.022.718.264	(116.068.739.746)	401.746.053.734	(47.979.364.105)
Hàng hóa	6.301.185.373	-	7.004.022.918	-
Tổng cộng	**1.501.722.872.955**	**(116.068.739.746)**	**1.250.350.195.101**	**(47.979.364.105)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017, hàng hóa trong kho có giá trị là 8.750.000 đô la Mỹ (tương đương 203.306.250.000 đồng theo tỉ giá áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng tín dụng có hạn mức 21.500.000 đô la Mỹ được cấp bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, hàng hóa trong kho có giá trị 4.000.000 đô la Mỹ (tương đương 92.940.000.000 đồng theo tỉ giá áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng tín dụng có hạn mức 14.000.000 đô la Mỹ, được cấp bởi Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	47.979.364.105	110.947.966.571
Tăng	102.691.014.224	-
Hoàn nhập	(7.601.638.583)	(62.968.602.466)
Ảnh hưởng từ thoái vốn công ty con	(27.000.000.000)	-
Số dư cuối năm	**116.068.739.746**	**47.979.364.105**

4.7.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại 31.12.2018 VND	Tại 31.12.2017 VND
Chi phí đền bù, giải tỏa mặt bằng	18.044.818.725	18.435.681.225
Tiền thuê đất	8.505.961.397	26.338.617.134
Chi phí gia cố vùng nuôi	7.635.739.393	52.649.514.785
Chi phí chuyên gia	7.407.596.557	3.030.266.668
Chi phí san lấp mặt bằng	-	4.772.678.845
Khác	19.378.988.516	23.755.420.903
Tổng cộng	**60.973.104.588**	**128.982.179.560**

4.7.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

a) Tài sản cố định hữu hình	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị
NGUYÊN GIÁ	**VND**	**VND**
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	906.898.308.321	1.362.943.048.068
Mua trong năm	96.556.665.904	148.273.039.421
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 12)	84.981.068.582	36.793.062.667
Thanh lý, nhượng bán	(107.572.321.708)	(122.347.182.745)
Giảm khác	(835.310.369)	(6.794.209.800)
Giảm do thoái vốn công ty con	(205.370.029.316)	(296.200.948.022)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	**774.658.381.414**	**1.122.666.809.589**
KHẤU HAO LŨY KẾ	**VND**	**VND**
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	316.002.713.815	602.996.790.883
Khấu hao trong năm	52.370.885.277	84.825.759.874
Thanh lý, nhượng bán	(49.634.979.444)	(46.679.129.565)
Giảm do thoái vốn công ty con	(51.904.733.575)	(88.253.309.867)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	**266.833.886.073**	**552.890.111.325**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	**VND**	**VND**
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	590.895.594.506	759.946.257.185
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	**507.824.495.341**	**569.776.698.264**

Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
VND	VND	VND	VND
63.775.223.497	15.595.473.576	32.473.353.906	**2.381.685.407.368**
9.049.641.453	1.361.099.876	-	**255.240.446.654**
8.518.107.273	1.030.674.898	-	**131.322.913.420**
(9.292.713.875)	(295.340.727)	-	**(239.507.559.055)**
-	-	-	**(7.629.520.169)**
(19.621.839.653)	(8.534.596.865)	(32.473.353.906)	**(562.200.767.762)**
52.428.418.695	**9.157.310.758**	-	**1.958.910.920.456**
VND	VND	VND	VND
30.266.057.128	7.250.700.266	16.877.945.356	**973.394.207.448**
6.153.655.212	1.759.030.608	638.682.062	**145.748.013.033**
(4.852.666.043)	(672.279.973)	-	**(101.839.055.025)**
(7.333.210.102)	(3.569.362.838)	(17.516.627.418)	**(168.577.243.800)**
24.233.836.195	**4.768.088.063**	-	**848.725.921.656**
VND	VND	VND	VND
33.509.166.369	8.344.773.310	15.595.408.550	**1.408.291.199.920**
28.194.582.500	**4.389.222.695**	-	**1.110.184.998.800**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 169.440.512.470 đồng (31 tháng 12 năm 2017: 714.605.482.101 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh 17).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 443.769.390.036 đồng (31 tháng 12 năm 2017: 421.517.153.409 đồng).

b) Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá	**VND**	**VND**	**VND**
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	174.006.894.816	1.434.177.070	**175.441.071.886**
Mua trong năm	183.068.793.905	126.875.000	**183.195.668.905**
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 12)	-	713.238.968	**713.238.968**
Thanh lý, nhượng bán	(22.115.259.465)	-	**(22.115.259.465)**
Giảm do thoái vốn công ty con	(42.837.996.796)	(276.270.980)	**(43.114.267.776)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	**292.122.432.460**	**1.998.020.058**	**294.120.452.518**
Khấu hao lũy kế	**VND**	**VND**	**VND**
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	16.921.562.308	981.761.596	**17.903.323.904**
Khấu hao trong năm	3.120.811.770	159.444.738	**3.280.256.508**
Thanh lý, nhượng bán	(2.684.822.524)	-	**(2.684.822.524)**
Giảm do thoái vốn công ty con	(11.356.919.453)	(75.186.804)	**(11.432.106.257)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	**6.000.632.101**	**1.066.019.530**	**7.066.651.631**
Giá trị còn lại	**VND**	**VND**	**VND**
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	157.085.332.508	452.415.474	**157.537.747.982**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	**286.121.800.359**	**932.000.528**	**287.053.800.887**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, quyền sử dụng đất của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 43.867.778.575 đồng (31 tháng 12 năm 2017: 52.338.844.539 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh 17).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 705.229.790 đồng (31 tháng 12 năm 2017: 2.742.769.597 đồng).

4.7.12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Tại 31.12.2018 VND	Tại 31.12.2017 VND
Chi phí cho các ao nuôi cá	114.810.090.342	8.163.085.440
Mua sắm tài sản cố định	83.005.376.229	133.366.403.190
Nhà ở cho người lao động	29.729.447.831	29.665.486.286
Xây dựng cơ bản khác tại trụ sở chính của Tập đoàn	13.040.429.061	25.515.820.127
Hội trường và nhà để xe	7.640.130.492	18.652.295.059
Hệ thống xử lý nước thải	7.332.484.092	8.922.865.955
Khác	3.196.858.435	-
Tổng cộng	**258.754.816.482**	**224.285.956.057**

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	224.285.956.057	176.729.928.029
Tăng	289.779.086.191	195.630.612.510
Tăng do mua công ty con	-	4.625.526.700
Chuyển sang tài sản cố định (Thuyết minh 11)	(132.036.152.388)	(121.603.275.227)
Giảm do thoái vốn công ty con	(63.946.921.227)	-
Thanh lý, nhượng bán	(48.083.164.200)	-
Giảm khác	(11.243.987.951)	(31.096.835.955)
Số dư cuối năm	**258.754.816.482**	**224.285.956.057**

4.7.13 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Tại 31.12.2018 VND	Tại 31.12.2017 VND
Số dư đầu năm	113.486.889.793	71.645.266.286
Tăng	-	56.988.167.700
Phân bổ	(7.273.438.007)	(15.146.544.193)
Giảm do thoái vốn công ty con	(60.622.917.626)	-
Số dư cuối năm	**45.590.534.160**	**113.486.889.793**

4.7.14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 31.12.2018		Tại 31.12.2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)(iv))	784.876.419	784.876.419	35.776.874.100	35.776.874.100
Bên thứ ba (*)	273.601.770.451	273.601.770.451	197.302.043.857	197.302.043.857
Tổng cộng	**274.386.646.870**	**274.386.646.870**	**233.078.917.957**	**233.078.917.957**

(*) Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng số dư khoản phải trả người bán ngắn là ông Đinh Văn Căn với số dư phải trả là 37.611.975.720 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

4.7.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Tại 31.12.2018 VND	Tại 31.12.2017 VND
Thuế TNDN - hiện hành	247.158.246.178	102.667.579.584
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.071.219.509	612.504.785
Thuế thu nhập cá nhân	8.188.528.651	2.647.973.412
Các loại thuế khác	18.071.238	4.944.000
Tổng cộng	**257.436.065.576**	**105.933.001.781**

Tình hình biến động thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân phải nộp ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Ảnh hưởng từ thoái vốn công ty con VND	Tại ngày 31.12.2018 VND
Thuế TNDN	102.667.579.584	252.063.378.043	(97.800.115.214)	(9.772.596.235)	247.158.246.178
Thuế GTGT hàng bán nội địa	612.504.785	28.289.284.059	(26.820.569.335)	(10.000.000)	2.071.219.509
Thuế thu nhập cá nhân	2.647.973.412	18.425.885.812	(12.644.905.178)	(240.425.395)	8.188.528.651
Khác	4.944.000	338.559.318	(325.432.080)	-	18.071.238
Tổng cộng	**105.933.001.781**	**299.117.107.232**	**(137.591.021.807)**	**(10.023.021.630)**	**257.436.065.576**

4.7.16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31.12.2018 VND	Tại 31.12.2017 VND
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh 37(b)(v))	193.245.580.963	11.593.323.359
Phải trả cho Công đoàn (*)	28.753.988.040	27.753.988.040
Kinh phí công đoàn	20.665.585.171	16.869.114.475
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (Thuyết minh 23)	329.605.650	179.712.750
Chi trả hộ	-	9.115.680.218
Các khoản phải trả khác	15.567.889.522	13.612.446.645
Tổng cộng	**258.562.649.346**	**79.124.265.487**

(*) Đây là khoản phải trả cho Công đoàn liên quan đến dự án nhà ở xã hội cho người lao động mà Công đoàn đã ứng tiền trước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn không có khoản phải trả ngắn hạn khác quá hạn thanh toán.

4.7.17 CÁC KHOẢN VAY

	Tại 31.12.2018		Tại 31.12.2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngân hàng ngắn hạn (*)	1.269.447.095.123	1.269.447.095.123	1.008.178.927.948	1.008.178.927.948
Vay ngân hàng dài hạn	-	-	402.300.000.000	402.300.000.000
Tổng cộng	**1.269.447.095.123**	**1.269.447.095.123**	**1.410.478.927.948**	**1.410.478.927.948**

Biến động các khoản vay trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2018 VND	Tăng VND	Giảm VND	Ảnh hưởng do hợp nhất kinh doanh và đánh giá lại VND	Tại ngày 31.12.2018 VND
Vay ngân hàng ngắn hạn (*)	1.008.178.927.948	4.924.476.720.025	(4.224.535.894.407)	(438.672.658.443)	1.269.447.095.123
Vay ngân hàng dài hạn	402.300.000.000	8.362.525.477	(335.362.525.477)	(75.300.000.000)	-
Tổng cộng	**1.410.478.927.948**	**4.932.839.245.502**	**(4.559.898.419.884)**	**(513.972.658.443)**	**1.269.447.095.123**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn không có khoản vay nào quá hạn thanh toán.

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

	2018 VND	2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh (i)	387.766.927.245	487.312.059.440
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (ii)	320.728.673.762	158.106.286.108
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (iii)	300.380.000.000	317.291.366.421
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Tiền Giang (iv)	260.571.494.116	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp (v)	-	45.469.215.979
Tổng cộng	**1.269.447.095.123**	**1.008.178.927.948**

(i) Bao gồm các khoản vay bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ của Tập đoàn với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đó bao gồm các tài sản cố định thuộc phân xưởng 1, phân xưởng 2, phân xưởng 3 của Công ty (Thuyết minh 11).

(ii) Đây là khoản vay bằng đồng Việt Nam theo hợp đồng tín dụng với hạn mức 14.000.000 Đô la Mỹ. Lãi suất được xác định và thông báo bởi ngân hàng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 6) và hàng tồn kho (Thuyết minh 9).

(iii) Đây là các khoản vay bằng đồng Việt Nam với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 6) và hàng tồn kho (Thuyết minh 9).

(iv) Đây là các khoản vay bằng đồng Việt Nam với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn và khoản tiền lãi tương ứng tại BIDV - Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền 63.140.000.000 đồng (Thuyết minh 5(a)).

(v) Bao gồm các khoản vay bằng Việt Nam đồng của Tập đoàn với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và một số tài sản cố định tại phân xưởng bột, mỡ cá.

4.7.18 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc.

4.7.19 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

1) TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	3.140.451.514	6.969.855.842
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 33)	1.548.584.200	(3.829.404.328)
Số dư cuối năm	**4.689.035.714**	**3.140.451.514**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh chủ yếu từ việc trích lập khoản dự phòng trợ cấp thôi việc.

2) THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	19.946.145.322	15.125.029.951
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 33)	(5.051.145.322)	4.821.115.371
Số dư cuối năm	**14.895.000.000**	**19.946.145.322**

Thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh chủ yếu từ khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con.

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại và TNDN hoãn lại phải trả năm 2018 là 15% (2017: 15%).

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cấn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của các công ty con như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2013	Chưa quyết toán	14.395.978.801	(639.291.580)	13.756.687.221
Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2014	Chưa quyết toán	19.360.497.434	(8.796.163.238)	10.564.334.196
Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015	Chưa quyết toán	30.074.572.814	(10.457.237.188)	19.617.335.626
Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2016	Chưa quyết toán	18.491.681.267	(11.742.585.857)	6.749.095.410
Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2017	Chưa quyết toán	18.737.151.198	(12.141.824.953)	6.595.326.245
Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2018	Chưa quyết toán	4.396.642.865		4.396.642.865

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng các công ty con này có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

4.7.20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	48.172.124.848	49.090.214.526
Trích quỹ (Thuyết minh 22)	10.941.230.243	40.000.000.000
Sử dụng quỹ	(14.053.450.327)	(40.918.089.678)
Ảnh hưởng từ thoái vốn công ty con	(8.888.050.000)	-
Số dư cuối năm	**36.171.854.764**	**48.172.124.848**

4.7.21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Số lượng cổ phiếu

	2018		2017	
	Cổ phiếu phổ thông	phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	92.403.943	-	92.403.943	-
Số lượng cổ phiếu đăng ký đã phát hành	92.403.943	-	92.403.943	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-	(102.060)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	92.403.943	-	92.301.883	-

b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	92.403.943	924.039.430.000	-	924.039.430.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

4.7.22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	924.039.430.000	216.409.744.645	(3.015.672.745)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
Đầu tư thêm vốn tại công ty con	-	-	-
Khác	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	**924.039.430.000**	**216.409.744.645**	**(3.015.672.745)**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	7.365.045.255	3.015.672.745
Chia cổ tức 2017 (**)	-	-	-
Chia cổ tức 2018 (***)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (****)	-	-	-
Khác	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	**924.039.430.000**	**223.774.789.900**	-

Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
(285.558.957)	1.249.893.178.979	6.072.521.854	**2.393.113.643.776**
-	604.706.151.216	(131.705.105)	**604.574.446.111**
-	(40.000.000.000)	-	**(40.000.000.000)**
-	(9.142.397.200)	(5.857.602.800)	**(15.000.000.000)**
(72.038.055)	-	-	**(72.038.055)**
(357.597.012)	**1.805.456.932.995**	**83.213.949**	**2.942.616.051.832**
-	1.442.181.690.312	(83.213.949)	**1.442.098.476.363**
-	-	-	**10.380.718.000**
-	(184.603.766.000)	-	**(184.603.766.000)**
-	(184.726.166.000)	-	**(184.726.166.000)**
-	(10.941.230.243)	-	**(10.941.230.243)**
357.597.012	-	-	**357.597.012**
-	**2.867.367.461.064**	-	**4.015.181.680.964**

(*) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 19 tháng 10 năm 2018, Công ty đã tái phát hành 102.060 cổ phiếu quỹ nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Tổng giá trị giao dịch bán cổ phiếu quỹ là 10.380.718.000 đồng hoàn thành vào ngày 13 tháng 12 năm 2018.

(**) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/ĐHCĐ/NQ/18 ngày 12 tháng 5 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua quyết định chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ chi trả là 20% mệnh giá (2.000 đồng/cổ phiếu), tương đương với số tiền 184.603.766.000 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2017.

(***) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 23 tháng 11 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua quyết định tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt với tỷ lệ chi trả là 20% mệnh giá (2.000 đồng/cổ phiếu), tương đương với số tiền 184.726.166.000 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2018.

(****) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12 tháng 5 năm 2018, Công ty đã tiến hành trích lập 10.941.230.243 đồng lợi nhuận sau thuế của năm 2017 vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

4.7.23 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Chi tiết của lợi ích cổ đông không kiểm soát như sau:

	Tại 31.12.2018 VND	Tại 31.12.2017 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	700.000.000	700.000.000
Phần lỗ được phân bổ	(700.000.000)	(616.786.051)
	-	**83.213.949**

Biến động trong lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	83.213.949	6.072.521.854
Lỗ thuần phân bổ cho cổ đông không kiểm soát trong năm	(83.213.949)	(131.705.105)
Giảm do mua lại vốn cổ đông không kiểm soát	-	(5.857.602.800)
Số dư cuối năm	**-**	**83.213.949**

4.7.24 CỔ TỨC

Biến động của khoản cổ tức phải trả trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	179.712.750	180.012.000
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 22)	369.329.932.000	-
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(369.220.123.400)	(299.250)
Điều chỉnh khác	40.084.300	-
Số dư cuối năm (Thuyết minh 16)	**329.605.650**	**179.712.750**

4.7.25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2018	**31.12.2017**
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	1.442.181.690.312	604.706.151.216
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(10.941.230.243)	(40.000.000.000)
	1.431.240.460.069	**564.706.151.216**
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	92.403.943	92.301.883
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	15.489	6.118

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Kế hoạch phân phối lợi nhuận thực tế năm 2017 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, trong khi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận thực tế năm 2016 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

4.7.26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày ở Thuyết minh 38.

b) Ngoại tệ các loại

	Tại 31.12.2018	Tại 31.12.2017
Đô la Mỹ ("USD")	1.255.473	360.314
Euro ("EUR")	306	56.899
Nhân dân Tệ ("CNY")	3.308	3.183.477
Yên Nhật ("JPY")	-	31.983
Đô la Singapore ("SGD")	-	575.555

4.7.27 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	7.365.724.314.301	6.273.044.408.472
Doanh thu bán phụ phẩm	1.102.358.015.774	1.281.110.654.888
Doanh thu bán hàng hóa	864.339.064.166	565.164.177.544
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.036.040.517	5.830.315.632
Doanh thu bán nguyên vật liệu	21.419.632.434	47.215.468.362
Doanh thu khác	-	11.227.273
Tổng cộng	**9.406.877.067.192**	**8.172.376.252.171**
Các khoản giảm trừ		
Giảm giá hàng bán	(130.445.563.339)	(1.290.496.964)
Hàng bán bị trả lại	(5.102.419.359)	(19.589.077.100)
Tổng cộng	**(135.547.982.698)**	**(20.879.574.064)**
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**9.271.329.084.494**	**8.151.496.678.107**

4.7.28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	5.313.506.084.951	5.273.995.709.833
Giá vốn của phụ phẩm đã bán	975.196.132.196	1.171.239.738.752
Giá vốn của hàng hóa đã bán	819.793.209.563	545.241.372.194
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	20.703.415.741	45.918.091.399
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.893.857.579	1.861.237.045
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	95.089.375.641	(62.968.602.466)
Khác	784.035.219	4.319.790.668
Tổng cộng	**7.231.966.110.890**	**6.979.607.337.425**

4.7.29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi	64.905.144.122	20.637.299.235
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	64.633.682.907	26.069.492.947
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	4.124.353.199	5.117.225.204
Khác	3.339.821.560	6.572.022.545
Tổng cộng	**137.003.001.788**	**58.396.039.931**

4.7.30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền vay	55.985.954.528	71.440.932.223
Lỗ từ thoái vốn công ty con (*)	69.284.816.179	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	34.114.798.298	9.703.680.484
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	7.530.202.267	6.972.390.435
Chi phí tài chính khác	200.665.700	407.685.996
Tổng cộng	**167.116.436.972**	**88.524.689.138**

(*) Chủ yếu đến từ việc xóa sổ khoản lợi thế thương mại chưa được phân bổ tại thời điểm thoái vốn ở Công ty Vạn Đức Tiền Giang.

4.7.31 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2018 VND	2017 VND
Chi phí vận chuyển, lưu kho và các chi phí dịch vụ mua ngoài khác	138.313.163.818	170.507.697.479
Chi phí hội chợ, quảng cáo	18.675.463.164	37.023.216.602
Chi phí nhân viên	10.150.139.934	13.062.694.405
Chi phí khác	43.307.201.811	48.809.593.070
Tổng cộng	**210.445.968.727**	**269.403.201.556**

4.7.32 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	50.251.394.825	55.121.285.129
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.711.278.304	14.745.827.361
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	7.273.438.007	15.146.544.193
Chi phí dụng cụ	7.179.709.197	7.147.448.289
Chi phí khác	67.149.679.069	49.138.082.702
Tổng cộng	**143.565.499.402**	**141.299.187.674**

4.7.33 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài Chính, Công ty chịu thuế TNDN theo mức thuế suất lần lượt là 15% cho hoạt động chế biến thủy hải sản và 20% cho các hoạt động khác.

Các công ty con trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế TNDN như sau:

1) CÔNG TY TNHH MTV VĨNH HOÀN COLLAGEN

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000127 ngày 21 tháng 7 năm 2014 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp, công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất 10% trong 30 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được ưu đãi thuế, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

2) CÔNG TY TNHH MTV THANH BÌNH ĐỒNG THÁP ("THANH BÌNH")

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 7664856881 ngày 28 tháng 2 năm 2017 và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp, Thanh Bình được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mở rộng mang lại. Thanh Bình chịu mức thuế TNDN là 10% cho hoạt động chế biến thủy hải sản và 20% cho các hoạt động khác.

3) CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC VĨNH HOÀN 2 ("VĨNH HOÀN 2")

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000117 ngày 27 tháng 8 năm 2012 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp, Vĩnh Hoàn 2 nộp thuế TNDN cho thu nhập từ hoạt động sấy, bóc vỏ lúa, sản xuất gạo đồ và lau bóng gạo xuất khẩu với thuế suất thuế TNDN là 20% trong 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 2 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 20%.

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng như sau:

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.687.562.124.884	722.780.593.934
Thuế tính ở thuế suất 20%	337.512.424.977	140.634.620.146
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(15.750.365.391)	-
Chi phí không được khấu trừ	4.091.583.704	3.100.881.283
Ưu đãi thuế	(81.881.067.519)	(34.187.421.417)
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	879.328.573	3.836.952.440
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(4.418.903.610)	-
Dự phòng thừa của năm trước	(20.497.535)	-
Khác	5.051.145.322	4.821.115.371
Chi phí thuế TNDN (*)	**245.463.648.521**	**118.206.147.823**
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	252.063.378.043	109.555.628.124
Thuế TNDN - hoãn lại (**)	(6.599.729.522)	8.650.519.699
	245.463.648.521	**118.206.147.823**

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

(**) (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ các khoản sau:

	2018 VND	2017 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	14.895.000.000	19.946.145.322
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.140.451.514	6.969.855.842
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(4.689.035.714)	(3.140.451.514)
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(19.946.145.322)	(15.125.029.951)
Tổng (thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	**(6.599.729.522)**	**8.650.519.699**

4.7.34 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.267.652.647.878	5.291.219.167.107
Chi phí nhân công	760.221.527.228	777.963.491.142
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	156.301.707.548	198.846.054.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	838.417.277.239	460.919.663.127
Chi phí bằng tiền khác	188.574.830.491	194.370.044.943
Tổng cộng	**9.211.167.990.384**	**6.923.318.420.379**

4.7.35 BÁO CÁO BỘ PHẬN

1) BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu. Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu xuất khẩu	7.401.518.725.286	6.769.771.522.404
Doanh thu trong nước	1.869.810.359.208	1.381.725.155.703
Doanh thu thuần	**9.271.329.084.494**	**8.151.496.678.107**

2) BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động nuôi trồng, chế biến và kinh doanh thủy sản là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Giám đốc cho rằng rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

4.7.36 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT ("BCLCTT")

1) CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BCLCTT

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang tài sản cố định hữu hình	132.036.152.388	121.603.275.227
Mua tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	13.447.049.575	-
Lãi vay được vốn hóa trong năm	-	1.927.178.000

2) SỐ TIỀN ĐI VAY THỰC THU TRONG NĂM

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Vay theo khế ước thông thường	4.932.839.245.502	4.760.649.651.955

3) SỐ TIỀN ĐÃ THỰC TRẢ NỢ GỐC VAY TRONG NĂM

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	4.559.898.419.884	4.734.043.719.934

4.7.37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

1) GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2018 VND	2017 VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Thực phẩm Vạn Đức	7.684.258.097	3.948.011.766
Công ty Vạn Đức Tiền Giang	49.664.919.821	-
Tổng cộng	**57.349.177.918**	**3.948.011.766**
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Vạn Đức Tiền Giang	21.378.254.097	-
Các cá nhân liên quan	51.443.889.800	32.000.776.760
Tổng cộng	**72.822.143.897**	**32.000.776.760**
iii) Bán tài sản cố định		
Công ty Vạn Đức Tiền Giang	51.152.531.314	-
Công ty TNHH Thực phẩm Vạn Đức	-	90.909.091
Tổng cộng	**51.152.531.314**	**90.909.091**
iv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	29.522.163.775	36.406.686.150

2) SỐ DƯ CUỐI NĂM VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	2018 VND	2017 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)		
Công ty Vạn Đức Tiền Giang	17.284.229.152	-
Công ty TNHH Thực phẩm Vạn Đức	3.115.846.349	444.881.264
Tổng cộng	**20.400.075.501**	**444.881.264**

ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 7)		
Các cá nhân liên quan	-	46.122.408.100

iii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8)		
Các cá nhân liên quan	-	7.829.060.000
Công ty Vạn Đức Tiền Giang	94.039.000	-
Công ty Octogone	6.000.000.000	-
Hội đồng Quản trị và Ban điều hành	225.362.318	1.505.235.944
Tổng cộng	**6.319.401.318**	**9.334.295.944**

iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14)		
Công ty Vạn Đức Tiền Giang	784.876.419	-
Các cá nhân liên quan	-	35.776.874.100
Tổng cộng	**784.876.419**	**35.776.874.100**

v) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)		
Công ty Vạn Đức Tiền Giang	165.203.561.518	-
Công ty TNHH Thực phẩm Vạn Đức	28.042.019.445	11.593.323.359
Tổng cộng	**193.245.580.963**	**11.593.323.359**

4.7.38 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2018 VND	2017 VND
Dưới 1 năm	4.723.752.054	7.192.660.070
Từ 1 đến 5 năm	18.895.008.214	28.770.640.282
Trên 5 năm	25.922.371.221	53.218.529.281
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	**49.541.131.489**	**89.181.829.633**

Mẫu số B 09 – DN/HN

4.7.39 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh trên báo cáo tài chính riêng năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay.

4.7.40 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 2 tháng 1 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua quyết định góp 45% vốn, tương đương 22.500.000.000 đồng, thành lập Công ty TNHH Sản xuất Giống Cá tra Vĩnh Hoàn tại ấp Vĩnh Bường, xã Vĩnh Hòa, Thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, với ngành nghề chính là nuôi trồng thủy sản.

Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 2 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua quyết định giải thể Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2. Việc giải thể được tiến hành trong vòng 180 ngày kể từ ngày ký quyết định giải thể.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 26 tháng 3 năm 2019.

HÀ THỊ PHƯƠNG THỦY HỒNG NHUNG	**TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH**
Kế toán trưởng/Người lập	Chủ tịch

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

1) TRỤ SỞ CHÍNH

Quốc lộ 30, Phường 11, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
ĐT: +84 277 389 1166
Fax: +84 277 389 1062
E-mail: info@vinhhoan.com
Website: www.vinhhoan.com

2) CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tầng 8-10, Tòa nhà TKT Building, 569-571-573 đường Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 283 8364 849
Fax: +84 283 8365 090

BAY LÊN VĨNH HOÀN

NHẠC VÀ LỜI: HÀ CHƯƠNG




Vĩnh Hoàn vút cánh bay, vươn tầm cao mới...
Bay lên Vĩnh Hoàn! Mang thương hiệu vàng. Thực phẩm an
toàn từ cá tra Việt Nam. Đến với Vĩnh Hoàn! Tinh hoa ẩm
thực, chất lượng đỉnh cao, công nghệ cải tiến hàng đầu. Anh em Vĩnh
Hoàn! Làm việc với chữ tâm. Nhân - lễ - nghĩa - trí - tín khắc sâu trong
lòng. Tự hào Vĩnh Hoàn! Vì lợi ích khách hàng, chia sẻ yêu
thương, cùng nhau vững bước... Tôi yêu Vĩnh Hoàn.



CÔNG TY
CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Quốc lộ 30, Phường 11,
Thành Phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Website: www.vinhhoan.com
Điện thoại: +84 277 389 1166
Fax: +84 277 389 1062